

BINH - DAN GIAO - DUC

MỘT NHÓM GIÁO VIÊN BIÊN SOẠN

BÀI ĐỌC

— **VỀ** —

SỬ - ĐỊA



BỘ QUỐC - GIA GIÁO - DỤC XUẤT - BẢN

— **1956** —

BÌNH - DÂN GIÁO - DỤC

BÀI ĐỌC

== VỀ ==

SỬ - ĐỊA



DO MỘT NHÓM GIÁO VIÊN SOẠN

BỘ QUỐC - GIA GIÁO - DỤC

— XUẤT - BẢN —

== 1956 ==

VIỆT-SỬ

BÀI THỨ NHẤT

NGUỒN GỐC NƯỚC VIỆT-NAM

Dân Việt-Nam và cuộc Nam-Tiến

DÀN BÀI

1.) Nguồn gốc nước Việt-Nam.

a) Quốc-hiệu và lãnh-thổ.

b) Gốc-tích dân Việt-Nam.

2.) Dân-Việt-Nam và cuộc Nam-tiến

a) Tinh cách đồng nhất với tinh thần quốc-gia mạnh mẽ.

b) Sự mở mang bờ cõi.

BÀI GIẢNG

1.— a) Nước ta, đầu tiên về đời Hồng-Bàng gọi là Văn-Lang. Trải qua các đời, quốc-hiệu ấy lần lượt thay đổi là Âu-Lạc, Tượng-quận, Giao-chỉ, Giao-châu, Đại-cồ-Việt, Đại-Nam v.v... và ngày nay chính thức gọi là Việt-Nam có nghĩa là nước của người Việt ở phương Nam.

Theo sử chép thì nước Việt-Nam ta đã được thành lập từ hơn bốn nghìn năm nay (từ 2879 trước tây lịch) Hồi tiền sử lãnh-thổ nhỏ hẹp chỉ gồm có Bắc-Việt và miền Thanh-Nghệ-Tĩnh bây giờ. Về sau dân ta, từ Bắc lần lần khai-thác miền Nam, mà lập ra Trung-Việt và Nam-Việt. Cho nên người Bắc, người Trung và người Nam là cùng dòng dõi và đều là dân Việt-Nam cả.

b) Theo sự kê cứu của các nhà cổ-học trường Viễn-Đông Bác-cổ, thì người Việt nguyên ở phía Nam sông Dương-Tử nước Tàu, sau theo sông Hồng-Hà lần xuống phía Đông Nam, mà bắt đầu lập quốc từ đấy. Vì căn cứ theo tục truyền

chứ không có di tích gì mà khảo cứu, nên ý kiến ấy là theo lý mà suy ra đó thôi, chứ cũng chưa có cái gì làm chứng cho đích-xác. Chỉ biết rằng người Việt-Nam ta trước có hai ngón chân cái giao lại với nhau, cho nên Tàu mới gọi ta là Giao-chỉ.

2.— a) Dân Việt-Nam là một giống người nhỏ bé nhưng linh lợi, thông minh, hiểu học, khéo chân tay, chuộng cần lao và có tinh thần ái-quốc mạnh mẽ. Từ xưa, dân ta đã biết làm ruộng, đánh cá, đúc đồng, dùng nỏ và tên bắn, lại có tục sùng lễ bái, vẽ mình, ruộm răng và dùng trầu cau.

Người Việt-Nam từ ải Nam-quan đến mũi Cà-máu, đều theo một phong tục, nói một thứ tiếng, cùng chung một lịch-sử, thật là rõ cái tinh đồng-nhất của một dân tộc từ Nam chí Bắc.

Từ khi người Việt-Nam lập quốc đến giờ, kể hàng mấy nghìn năm, bị người Tàu cai trị, chịu khổ sở thể mà sau lại lập được nền tự-chủ và vẫn giữ được cá-tính của nòi giống, đủ tỏ rằng tinh thần quốc-gia của người mình thật là bất diệt, năng-lực sinh-tồn thực là phi thường vậy.

b) Hơn nữa tinh-thần quốc-gia ấy, năng-lực sinh-tồn ấy, mỗi ngày một mãnh liệt thêm mà xuất phát ra cuộc Nam-tiến, bởi vì nòi giống Việt-Nam ta mỗi ngày một nảy nở ra nhiều, mà ở phía Bắc thì đã có nước Tàu cường thịnh, phía tây thì lắm núi nhiều rừng, đường đi lại không tiện, cho nên mới theo bờ biển lần xuống phía Nam đánh Chiêm-Thành, chiếm Chân-Lạp, cùng nhau khai khẩn đất hoang làm đường, lập chợ, mở ra bờ cõi bây giờ.

Cuộc Nam-tiến của dân tộc Việt-Nam thực ra không phải do tinh thần hiếu-chiến và tham-vọng xâm lăng, bởi vì dân tộc mình xưa nay vốn ưa chuộng hòa bình hơn ai hết. Nam-tiến chẳng qua cũng vì bản-năng sinh-tồn và tự vệ. Dân Việt-Nam ta đã bình Chiêm-Thành vì dân Chiêm từng quấy rối đất đai của ta nhất là có lần đã đánh đến Thăng-Long.

Còn cuộc thâu gồm một phần đất Chân-Lạp, thực ra đã thực hành bằng một cuộc bành trướng, khai khẩn trên những miền hoang vu bát ngát: dân ta đã đưa nhau đến đó lập nghiệp, đào sông, phá rừng, mở đường khai ruộng, tưới mồ hôi, tưới máu trên những miền bao la mà dân bản-thổ

đã vì không có năng lực nên 3/4 đất phải bỏ làm hoang địa, như thế người Việt chỉ đã Việt hóa miền đồng bằng sông Cửu-Long của xứ Chân-Lạp mà thôi.

Tóm lại, dân tộc Việt-Nam lập quốc trên một mảnh đất nhỏ hẹp, nhưng nhờ ở sức sống mãnh liệt phi thường nên không những đã giữ được nguyên vẹn lãnh thổ mà còn mở rộng bờ cõi, thành lập ra một nước có chính-thể, có văn-hóa.

BÀI THỨ HAI BẮC THUỘC THỜI ĐẠI DÂN BÀI

1) Nguyên do các cuộc khởi nghĩa trong thời kỳ Bắc thuộc thời đại.

2) Các cuộc khởi nghĩa:

- a) Trung-Vương (40 - 43)
- b) Bà Triệu (248)
- c) Lý Nam-Đế (544 - 548)
- d) Triệu Việt-Vương (549 - 571)
- đ) Mai hắc-Đế (722)
- e) Bố Cái Đại-Vương (791)

BÀI GIẢNG

1) NGUYÊN DO CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA :

Trong thời kỳ Bắc thuộc, dân ta, dưới ách đô hộ tàn bạo của người Tàu, đã bao phen gian lao khổ sở. Vì thế mà có những cuộc khởi nghĩa oanh liệt để giải phóng dân tộc, của những vị anh hùng cứu quốc, để tiếng thom lại muôn đời.

2) CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA :

a) TRUNG-VƯƠNG.— Năm 34, Tô-Định sang làm Thái thú quận Giao Chỉ. Tô-Định là người bạo ngược tàn ác giết ông Thi-Sách là chồng bà Trưng-Trắc (40). Bà Trưng-Trắc là con quan Lạc-tướng huyện Mê-Linh thuộc tỉnh Phúc-Yên bấy giờ. Bà bèn cùng người em gái là Trưng-Nhị nổi lên, đem quân đánh Tô-Định. Bọn Tô-Định thua bỏ chạy. Hai Bà tự xưng làm vua, đóng đô ở Mê-Linh. Năm 41, vua Quang-Vũ bên Tàu sai tướng Mã-Viện đem quân sang đánh. Hai Bà chống không nổi và sau mấy trận, quân ta bị tan vỡ.

Hai Bà bỏ chạy đến xã Hát-Môn nay thuộc tỉnh (Sơn-Tây), thế bức quá bèn gieo mình xuống sông Hát-Giang (chỗ sông Đáy tiếp vào sông Hồng-Hà) mà tự lặn (ngày 6 tháng 2 năm Quý-Mão tức năm 43 dương-lịch).

Hai Bà làm vua được 3 năm, đã làm cho vua tội nhà Hán phải lo sợ. Ngày nay có nhiều nơi lập đền thờ Hai Bà để ghi tạc cái danh tiếng hai vị nữ anh-hùng nước Việt-Nam.

b) BÀ-TRIỀU (248).— Bà Triệu là người có sức mạnh, lại có chí khí và lắm mưu lược. Bà vào trong núi, chiêu mộ hơn 1000 tráng sĩ để làm thủ hạ. Năm 248, vì quan lại Tàu tham nhũng, dân gian khổ sở, nên anh bà là Triệu-quốc-Đạt khởi binh đánh quận Cửu-Chân. Bà đem quân ra giúp anh. Quân sĩ của Triệu-Quốc-Đạt thấy bà can đảm, bèn tôn bà lên làm chủ. Khi bà ra trận thì cưỡi voi mặc áo giáp vàng xưng là Nhụy-kiều tướng-quân. Bà chống nhau kịch liệt với quân Tàu được 5, 6 tháng, song vì quân ít, thế có nên phải thua. Bà đem quân chạy đến xã Phú-Điền (nay thuộc Thanh-Hóa) rồi tự tử, bấy giờ bà mới có 23 tuổi. Nay ở xã Phú-Điền còn có đền thờ Bà.

c) LÝ-NAM-ĐẾ (544-548).— Năm 541, thuộc tỉnh Sơn-Tây bây giờ, có người tên Lý-Bôn, tài kiêm văn võ, thấy mình bị quan Tàu đàn áp, bèn cùng với những người nghĩa dũng nổi lên, đánh đuổi tướng Tàu và chiếm thành Long-Biên. Lý-Bôn chiếm được đất Giao-Châu rồi, bèn sửa sang mọi việc và tự xưng là Lý-Nam-Đế. Năm 545, vua nhà Lương bên Tàu bèn sai các tướng giỏi đem quân sang đánh Lý-Nam-Đế giao chiến nhiều lần với quân Tàu, sau thấy thế yếu chống không nổi bèn trở về Khuất-Liêu (thuộc đất Hưng Hóa) và giao hết binh quyền cho tướng Triệu-quang-Phục, trừ một số quân theo Lý-Phật-Tử là họ nhà Lý chạy sang Lào.

d) TRIỀU-VIỆT-VƯƠNG (549 - 571).— Triệu-quang-Phục người tỉnh Vĩnh-Yên, theo cha giúp Lý-Nam-Đế lập được nhiều công, Ngài chống cự với quân Tàu ít lâu, sau thế quân Tàu mạnh địch không nổi, bèn rút quân về Dạ-Trạch. Dạ-Trạch nay thuộc tỉnh Hưng-Yên, là chỗ đồng lầy, chung quanh cỏ mọc như rừng, ở giữa có bãi cát làm nhà ở được. Triệu-quang-Phục ở đấy, ngày nấp ẩn, tối cho lính chở thuyền ra đánh quân Tàu cướp lương thực để nuôi quân sĩ. Người thời bây giờ gọi Triệu-quang-Phục là Dạ-Trạch-Vương. Năm

548, Lý-Nam-Đế phải bệnh mất, sang năm 549, Triệu-quang-Phục lên ngôi xưng là Triệu-Việt-Vương. Thừa lúc bên Tàu có loạn quân Tàu rút bớt về, Triệu-quang-Phục đem quân ra đánh phá quân Tàu, lấy lại thành Long-Biên.

Năm 557, Lý-Phật-Tử đem quân ở Lào về chống với Triệu-Việt-Vương. Đánh mấy trận không được, Lý-Phật-Tử xin chia đất giảng hòa. Triệu-Việt-Vương nghĩ tình họ Lý cũng thuận chia đất cho Lý-Phật-Tử và lại còn gả con gái cho Lý Phật-Tử. Song Lý-Phật-Tử vẫn ngầm sửa soạn để đánh lấy Long-Biên. Năm 571 Phật-Tử thỉnh linh đem quân đánh Triệu Việt-Vương. Việt-Vương thua chạy đến sông Đại-Nha (thuộc tỉnh Nam-Định) nhảy xuống sông tự tận. Người ở đấy cảm nhớ Triệu-Việt-Vương bèn lập đền thờ ngày nay vẫn còn.

đ) MAI-HẮC-ĐẾ (722).— Năm 722, ở huyện Thiên-Lộc thuộc tỉnh Hà-Tĩnh bây giờ, có một người tên là Mai-thúc Loan, mặt mũi đen sì, sức vóc khỏe mạnh. Thấy quân Tàu tàn bạo, Mai-Thúc-Loan bèn chiêu mộ những người nghĩa dũng, nổi lên chống với quân Tàu, chiếm lấy một khu ở Nghệ-An, xây thành đắp lũy, xưng Hoàng-đế, tục gọi là Mai-hắc-Đế (hắc là đen). Sau vua nhà Đường cho đem nhiều quân sang đánh. Mai-hắc-Đế thế yếu bị thua chạy được ít lâu thì mất. Hiện nay ở núi Vệ-Sơn thuộc tỉnh Nghệ-An còn có di tích thành cũ của vua Hắc-Đế và có đền thờ Ngài.

e) BỐ-CÁI-ĐẠI-VƯƠNG (791).— Năm 791, quan Tàu là Cao-chính-Bình bắt dân đóng sưu thuế nặng quá lòng người oán giận. Ở một quận thuộc tỉnh Sơn-Tây, bây giờ có người tên là Phùng-Hưng nổi lên đem quân đánh quân Tàu. Cao-chính-Bình lo sợ thành bệnh mà chết. Phùng-Hưng chiếm giữ phủ thành, nhưng không may được mấy tháng thì mất. Quân sĩ lập con Phùng-Hưng là Phùng-An lên nối nghiệp. Dân ái mộ Phùng-Hưng lập đền thờ và tôn Ngài là Bố-Cái-Đại-Vương, vì ta gọi cha là bố, gọi mẹ là cái, nghĩa là tôn ông lên làm cha mẹ.

BÀI THỨ BA

TỰ-CHỦ THỜI ĐẠI : NGÔ - QUYỀN ĐÌNH - BỘ - LÍNH — LÊ - ĐẠI - HÀNH

DÀN BÀI

A — Ngô-Quyền :

- 1) Ông - Ngô - Quyền
- 2) Ngô - Quyền đánh quân Nam - Hán
- 3) Ngô - Quyền đem lại tự-chủ cho nước nhà.

B — Đình-bộ-Lính

- 1) Đình-bộ-Lính hồi còn nhỏ.
- 2) Đình-bộ-Lính dẹp loạn 12 sứ quân
- 3) Đình-bộ-Lính sửa sang triều chính.

C — Lê-đại-Hành

- 1) Lê-đại-Hành.
- 2) Lê-đại-Hành phá quân Tống, đánh Chiêm-Thành.
- 3) Lê-đại-Hành chỉnh đốn việc trong nước.

BÀI GIẢNG

A. — NGÔ-QUYỀN

1) ÔNG NGÔ-QUYỀN

Ông Ngô-Quyền người làng Đường-Lâm (huyện Phú-thọ, tỉnh Sơn-Tây, Bắc-Việt) là người rất giỏi võ, lại nhiều mưu-cơ. Thủa ấy, nước ta còn nội thuộc nước Tàu. Ngô-Quyền theo Dương-diên-Nghệ nổi lên, đánh đuổi tướng Nam-Hán giành quyền tự-chủ cho nước nhà. Dương-diên-Nghệ thấy Ngô-Quyền là người tài giỏi, mới gả con gái cho, và phong cho vào giữ đất Ái-Châu (tức Thanh-Hóa ngày nay).

2) NGÔ-QUYỀN ĐÁNH QUÂN NAM-HÁN.

Ngô-Quyền đang đóng giữ Ái-Châu, chợt được tin Dương-diên-Nghệ bị một tù-tướng là Kiều-công-Tiến giết chết. Ngô-Quyền liền đem quân ra đánh báo thù. Kiều-công-Tiến cầu cứu vua Nam-Hán. Vua Nam-Hán cho con là Hoảng-Tháo đem quân sang đánh nước ta.

Nhưng quân Nam-Hán chưa sang tới nơi, thì Ngô-Quyền đã giết được Kiều-công-Tiến rồi. Ngô-Quyền đem quân đón đánh

quân Nam-Hán ở sông Bạch-Đằng (nay thuộc tỉnh Quảng-Yên Bắc-Việt). Ông cho tướng Sĩ lấy gỗ đẽo nhọn, bọc sắt, đem cắm giữa giòng sông. Chờ lúc nước lên, Ông đem quân ra, khiêu-chiến và giả thua, lừa cho quân Nam-Hán đuổi theo qua khúc sông có cọc nhọn. Ông đợi lúc nước xuống, mới ra lệnh đánh lại, rất hăng hái, Quân Nam-Hán phải lùi, nhưng thuyền bị vướng vào cọc nhọn nên bị thủng, nát, đắm, vỡ rất nhiều. Quân Nam-Hán chết gần hết. Hoảng-Tháo bị Ngô-Quyền bắt giết.

Từ đây, quân Nam-Hán không dám sang quấy nhiễu nước ta nữa.

3) NGÔ-QUYỀN MỞ ĐẦU THỜI TỰ-CHỦ CHO NƯỚC NHÀ

Phá tan quân Nam-Hán, Ngô-Quyền lên làm vua, mở đầu thời-đại tự-chủ cho nước nhà, sau một thời gian bị Tàu đô hộ dài hơn một ngàn năm. Ông thực là một người trung-nghĩa, và là một vị anh hùng.

B.— ĐINH-BỘ-LĨNH

1) ĐINH-BỘ-LĨNH HỒI CÒN NHỎ :

Đinh-bộ-Lĩnh người ở động Hoa-Lư, huyện Gia-viên, Ninh-Bình (Bắc-Việt). Ông mồ côi cha từ thuở nhỏ, phải đi ở chăn bò cho chủ. Ông thường rủ bọn chăn trâu bò bày trận đánh nhau và bao giờ Ông cũng được trận. Ông bắt bọn trẻ khoanh tay làm kiệu, khiêng Ông rước đi,

Một lần được trận lớn, Ông bắt bò của chủ ra làm thịt khao quân. Vì vậy Ông bị chủ đuổi đi.

2) ĐINH-BỘ-LĨNH ĐỆP LOẠN 12 SỨ QUÂN :

Đinh-bộ-Lĩnh liền đi theo ông Trần-Minh-Công ở tỉnh Thái-Bình (Bắc-Việt) Trần-minh-Công là một trong số mười hai sứ quân đang chia nhau chiếm cứ đất nước. Trần-minh-Công thấy Đinh-bộ-Lĩnh là người tài giỏi, liền giao phó binh quyền cho Bộ-Lĩnh hết sức tập luyện quân sĩ, và khi Trần-minh-Công chết, Bộ-Lĩnh đem quân đi đánh các sứ quân khác. Ông đánh đâu được đấy nên người trong nước tôn là Vạn-thắng-Vương.

Đẹp yên các sứ-quân, Bộ-Lĩnh lên ngôi, xưng là Đinh-Tiê-Hoàng-Đế.

3) ĐÌNH-BỘ-LĨNH SỬA SANG TRIỀU-CHÍNH:

Đình-bộ-Lĩnh đặt tên nước ta là Đại-cồ-Việt, đóng đô ở Hoa-Lư và ra sức tổ chức lại việc nước, nào chỉnh đốn quân ngũ, nào sửa đổi pháp-luật. Ông đặt ra hình-phạt rất nghiêm, như đặt vạc dầu ở trước điện và nuôi hồ báo ở trong vườn để hễ ai phạm tội thì bỏ vào vạc dầu hay là cho hồ báo ăn thịt.

Ông làm vua được mười hai năm, thì bị Đỗ-Thích giết chết.

C.— LÊ-ĐẠI-HÀNH

1) LÊ-ĐẠI-HÀNH:

1) Lê-đại-Hành Hoàng-Đế tức là Lê-Hoàn người tỉnh Hà-Nam (Bắc-Việt) là Võ-tướng, chỉ huy mười đạo quân của Đinh-Tiên-Hoàng. Khi Tiên-Hoàng chết, nhà Tống đem quân sang đánh nước ta. Tướng sĩ bèn tôn Thập-đạo tướng-quân Lê-Hoàn lên làm vua chống giặc. Lê-Hoàn lấy hiệu là: Lê-Đại-Hành Hoàng-Đế (980).

2) LÊ-ĐẠI-HÀNH PHÁ QUÂN TỐNG, ĐÁNH CHIÊM-THÀNH:

Quân Tống chia hai đường kéo sang đánh ta. Quân bộ theo lối Lạng-Son, quân thủy đi vào sông Bạch-Đẳng. Lê-đại-Hành đón đánh toàn quân Tống tại Chi-Lăng, giết được tướng Tàu là Hầu-nhân-Bảo và rất nhiều quân sĩ. Toàn thủy quân Tống thấy thế vội vàng rút binh thuyền về. Quân ta đại thắng. Tuy vậy, Đại-Hành vẫn cho người đem đồ cống hiến nhà Tống để tránh cho nhân dân khỏi hoạ chiến tranh. Vua Tống phong cho Lê-Đại-Hành là Nam-Bình-Vương.

Khi Lê-Đại-Hành lên làm vua có cho người sang giao thiệp với Chiêm-Thành. Nhưng vua Chiêm sai giam giữ sứ giả của ta lại. Khi đó vì bận việc đánh Tống nên Lê-Đại-Hành chưa đánh Chiêm-Thành. Khi phá tan quân Tống rồi Đại-Hành quay về đánh Chiêm để báo thù. Quân Chiêm-Thành thua trận, và vua Chiêm từ đó về sau phải sang triều cống nước ta.

3) LÊ-ĐẠI-HÀNH CHỈNH ĐỐN VIỆC TRONG NƯỚC:

Lê-đại-Hành đặt luật-lệ, luyện tập quân sĩ và sửa sang mọi việc. Thừa ấy có dân Mường thường nổi lên cướp phá và nhiều người phản nghịch làm loạn Lê-đại-Hành phải tự mình đi đánh dẹp. Nhân dân trong nước nhờ vậy được vui hưởng cảnh thái-bình.

BÀI THỨ TƯ

CHÂU CHẤU ĐÁ VOI — ÔNG LÝ - THƯỜNG - KIẾT

DÀN BÀI

1) Ý định xâm lăng của nhà Tống

2) Danh tướng Lý - thường - Kiệt

3) Châu chấu đá voi

a) *Quán ta phạt Tống thành công.*

b) *Nhà Tống báo thù bị thất bại.*

4) Bài học lịch-sử

BÀI GIẢNG

1) Ý ĐỊNH XÂM LĂNG CỦA NHÀ TỐNG

Trải qua mấy đời hùng cường Đinh, Lê, tới đời nhà Lý nước ta đã thoát khỏi ách đô hộ của Tàu, và được tự-chủ một cách vẻ vang, Nhưng thực ra nước Tàu vẫn không bỏ ý định xâm lăng.

Năm 1068, Nhà Tống bên Tàu dùng Tề-tướng Vương An - Thạch đề sửa sang mọi việc. Muốn lập công ở ngoài biên, Vương An-Thạch cho sửa binh khí, làm thuyền bè, sai người vẽ bản đồ, ghi chép khe ngòi, đồn lũy và cấm người biên giới không được buôn bán với người Giao-châu ta.

2) DANH TƯỚNG LÝ THƯỜNG KIẾT

Lý Triều thấy sự-tình như thế liền cử Lý Thường-Kiệt đem quân sang phạt Tống, lấy cớ rằng nhà Tống đặt ra phép mới làm khổ trăm họ, nên quân Đại-Việt sang đánh để cứu vớt nhân dân. Lý Thường-Kiệt quê ở phường Thái-Hòa huyện Thọ-Xương thành Thăng-Long (Hà-nội bây giờ) là một danh tướng có tài thao lược vì thế quân Tống phải mấy phen nuốt hận.

3) CHÂU CHẤU ĐÁ VOI :

a) *Quán ta phạt Tống.*

Năm Ất-mão (1075) Lý Thường-Kiệt cùng Tôn-Đản đem 10 vạn quân chia làm hai đạo, thủy bộ cùng tiến sang đánh Tống. Lý Thường-Kiệt vây châu Khâm và Châu Liêm (thuộc tỉnh Quảng-Đông). Tôn-Đản bủa Châu Ung (thuộc tỉnh Quảng

Tây) Quân ta hạ được các thành, giết hại hàng vạn người lại bắt sống nhiều người đem về nước.

b) NHÀ TỔNG BẢO THÙ THẤT BẠI

Được tin quân nhà Lý sang đánh phá mấy châu thuộc đất Tàu, Tống Triều lấy làm tức giận lắm, bèn sai Quách-Quy và Triệu-Tiết cử đại binh, hiệp với Chiêm-Thành và Chân Lạp chia đường sang đánh nước ta.

Tháng chạp năm Bình-Thìn (1076) quân địch tràn vào nước ta, khí thế rất mãnh liệt. Lý Thường-Kiệt lãnh ấn nguyên nhung đem quân kháng cự. Thật là châu chấu đá voi nhưng địch quân đã bất ngờ bị chặn đánh ở sông Như - Nguyệt (Sông Cầu, Bắc Ninh bây giờ) Trận ấy quân Tống chết hơn 1000 người. Quách-Quy vội tiến quân về phía tây đến đóng ở bờ sông Phú-Lương.

Lý-Thường-Kiệt đem binh thuyền lên đón đánh không cho quân Tống sang sông. Quân Tống mới chặt gỗ làm máy bắn đá sang như mưa, thuyền của ta thủng nát mất nhiều quân sĩ chết hàng mấy nghìn người. Muốn khích lệ lòng dũng cảm của quân ta, Lý-Thường-Kiệt đọc một bài thơ bảo là thần cho, ý thần bảo rằng đất nước Nam của người Nam, trong sách trời đã chép rõ, kẻ nào xâm phạm sẽ phải thất bại. Quân lính nghe đọc mấy câu thơ ấy, ai nấy đều nức lòng đánh giặc tin tưởng là quân Tống sẽ bị thua. Quả nhiên quân Tống không tiến được. Hai bên cứ chống cự nhau mãi.

Vua nhà Tống thấy quân mình không tiến được, mà lại đóng ở chỗ chướng-dịa, quân sĩ trước sau hơn tám vạn sau chết đến quá nửa, nên phải bằng lòng hoãn binh, nghị hòa. Sau khi nhà Lý tha cho những người ở châu Khâm, châu Liêm và châu Ung về Tàu, nhà Tống liền rút hết quân về nước. Từ đó nước ta và nước Tàu lại thông sứ như cũ và cũng từ đó nhà Tống phải đem lòng kiêng nể, không dám coi thường dân ta nữa.

4) BÀI HỌC LỊCH-SỬ:

Đó là lần đầu tiên, nước Việt-Nam bé nhỏ như con châu chấu đã nhảy sang tận đất địch, anh dũng đá nhau với con voi to lớn là nước Tàu để cảnh cáo ý định xâm lăng, sau lại oanh liệt chống cự quân địch ở đất nhà để tự vệ. Những võ công hiển hách của Lý-Thường-Kiệt đã ghi một trang sử vẻ vang, biểu lộ một cách oai hùng tinh thần quyết thắng và chí tự-cường của dân ta.

BÀI ĐỌC

Vịnh Lý-thường-Kiệt

*Huân trạng còn ghi rạng thánh thư.
Mở dòng lịch-sử dốt trăm tư.
Nâng cao Lý-nghiệp, người danh-tướng,
Hùng đoạt Bắc-triều, mấy quận dư.
Tống chúa hai phen ghê dũng-lực,
Chiêm-Thành ba bận rồi kinh-sư.
Nguyên hung bạch phát mơ thần cú,
« Nam-quốc sơn hà Nam-đế cư. »*

Y. H. K.

BÀI THỨ NĂM

HỘI NGHỊ DIÊN-HỒNG

DÀN BÀI

- 1) Lý do.
- 2) Lòng quyết chiến của toàn dân Việt-Nam.
- 3) Sự toàn thắng của dân ta.
- 4) Tinh thần dân-tộc.

DẪN GIẢI

Năm 1284, quân Mông-cổ đem binh sang xâm lấn nước ta. Thế giặc rất mạnh, vua Trần-nhân-Tôn sợ không địch nổi bèn triệu tập các bá lão trong nước tại điện Diên-Hồng để bàn xem nên hòa hay nên đánh. Các bá lão đồng thanh xin đánh.

Trên dưới một lòng quyết chiến nên quân ta thắng được quân Mông-Cổ.

Giữa một thời đại quân-chủ thịnh hành, một hội nghị có dân tham dự và biểu quyết, chứng tỏ tinh đoàn kết và lòng yêu chuộng tự-do dân-chủ của dân-tộc Việt-Nam.

TRẦN-BẠCH-ĐẰNG : TRẦN-HUNG-ĐẠO

DÀN BÀI

- 1) *Quán nguyên rục - rịch rút về Tàu*
- 2) *Chiến-thuật của Trần-hung-Đạo*
- 3) *Quán ta đại thắng.*

DẪN GIẢI

Sau khi quân Nguyên thua to ở trận Vân-Đồn lại bị tướng của ta là Trần-khánh-Dur cướp mất đoàn thuyền lương thực, Thoát-Hoan lo sợ vô cùng. Thanh thế quân ta thì càng ngày càng mạnh ; quân giặc quyết định rút về tàu bằng ngã sông Bạch-Đằng.

Hung-Đạo-Vương được tin bèn cùng tướng tá lập mưu phá giặc. Ngài sai Nguyễn-Khoái dẫn binh theo đường tắt lên thượng lưu sông Bạch-Đằng, lấy cọc gỗ, đèo nhọn đầu bịt sắt rồi đóng khắp giữa dòng sông. Ngài dặn lúc thủy triều lên thì đem binh ra khêu chiến, giả thua, dụ cho quân địch đi qua chỗ đóng cọc, chờ khi nước rút sẽ quay binh đánh quật lại.

Quả nhiên, quân Nguyên mắc mưu. Đoàn thuyền Ô-Mã-Nhi bỗng gặp Nguyễn-Khoái đón đánh. Lúc đầu quân ta giả thua, quân giặc đuổi theo, tới khi qua chỗ trồng cọc, nước thủy triều cũng vừa xuống, quân Hưng-Đạo-Vương tới tiếp viện, hợp cùng Nguyễn-Khoái quay trở lại đánh rất hăng. Ô-Mã-Nhi hoảng sợ chạy về thì vướng cọc, thuyền đắm gần hết, thấy chết đầy sông.

Quán ta đại thắng bắt sống hầu hết các tướng Tàu và thâu được 400 chiếc thuyền của giặc.

NGỒI ĐÀN SỢT MÀ LO VIỆC NƯỚC :

PHẠM-NGŨ-LÃO

DÀN BÀI

- 1) *Phạm-Ngũ-Lão khi còn nhỏ.*
- 2) *Ngồi đàn sốt mà lo việc nước.*
- 3) *Lập chiến công.*
- 4) *Gương ái quốc.*

DẪN GIẢI

Phạm-ngũ-Lão, người làng Phù-Ứng, tỉnh Hưng-Yên là người có trí lớn, kiên-nhẫn và can-đảm. Ông có hiểu và chăm học, luôn luôn mưu-đồ đại sự cho phỉ tri nam-nhi.

Ông thường ngồi trước cửa nhà, bên đường cái vót tre đan sọt. Một hôm, binh của Hưng-Đạo-Vương đi qua, quân lính dẹp đường, nhưng ông đang mải nghĩ gì nên không hay. Quân lấy dao đâm chảy máu đùi cũng chẳng biết,

Hưng-Đạo-Vương lấy làm lạ, cho gọi đến, ông mới tỉnh mà thưa rằng: «Đạo-Vương đi qua, trong lúc tôi mải nghĩ việc nước, nên trót kinh động tới ngài, xin tha tội» Vương thấy người hiền-ngang, hỏi binh thư, kinh sử, ông đối đáp như nước chảy. Thấy người có tài, Hưng-Đạo-Vương đem về kinh, và phong cho làm tướng.

Sau ông phá quân Mông-Cổ, dẹp giặc Chiêm, giặc Lào, lập được nhiều chiến-công oanh-liệt.

Phạm-ngũ-Lão đã nêu gương sáng cho thanh niên Việt-Nam ngày nay.

ANH HÙNG TÍ HON : TRẦN-QUỐC-TOẢN

DÀN BÀI

- 1) Hội nghị Bình-Thau.
- 2) Thiếu niên ái quốc.
- 3) Chiến công của Trần-quốc-Toản.

DẪN GIẢI

Khi quân Mông-cổ sang xâm chiếm nước ta, vua Trần-nhân-Tôn hội các vương-hầu để bàn kế phá giặc. Hoài-văn Hầu Trần-quốc-Toản vì tuổi còn nhỏ, không được họp bàn, tức giận vô cùng, tay cầm quả cam bóp nát lúc nào không biết.

Cậu bé hiền ngang liền trở về, triệu tập các thân thuộc gia-đồng có tới ngàn người, tự sắm khí giới binh-mã, họp thành một đoàn quân có kỷ luật. Lại cho thêu trên lá cờ hiệu sáu chữ «Phá cường địch, báo hoàng ân» để tỏ cho mọi người biết, tuy mình nhỏ tuổi, nhưng cũng chẳng kém ai.

Một lần, Quốc-Toản đánh úp quân Nguyên, cướp được rất nhiều khí-giới đem nộp cho Hưng-Đạo-Vương. Vương lấy làm mừng rỡ khen rằng : « Cháu ít tuổi mà anh-hùng như vậy, thật nước rất có phước »

Quốc-Toản còn giúp Trần-nhật-Duật phá quân Toa-Đô ở Hàm-tử-Quan, cùng Trần-Quang-Khải đánh lại giặc Nguyên tại Chương-Dương-Độ.

Quốc-Toản, vì bị khinh nhỏ tuổi, không được người lớn cho dự Hội-ng nghị quân sự tức và thẹn nên đã tổ tài lập công cho mọi người đều biết. Các Nhi-đồng Việt-Nam hãy soi gương đó mà noi theo !

LÀM QUÝ NƯỚC NAM CÒN HƠN VƯƠNG ĐẤT BẮC : TRẦN-BÌNH-TRỌNG

DÀN BÀI

- 1) *Một danh-tướng*
- 2) *Chống cường-địch*
- 3) *Gương trung-liệt*

DẪN GIẢI

Trần-bình-Trọng là một người có chí-khí, rất can-đảm. Thuở quân Nguyên xâm chiếm nước ta, vua Nhân-Tôn cử ông làm tướng Tiên-Phong, đón đánh tại biên thùỵ mạn ngược Bắc-Việt.

Sau vua lại giao cho ông giữ thành Nam-Định là quê hương của vua. Quân giặc tràn đến vây thành, ông bị thua và bị giặc bắt. Biết ông là tướng tài, giặc không nỡ giết tìm cách dụ dỗ : « Nếu chịu hàng ta cho làm vương đất Bắc ». Ông giận dữ, bèn quát to : « Thà làm quý nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc ». Thoát-Hoan cả giận sai đem giết ông đi. Người trong nước ai cũng thương tiếc kính phục ông và ghi nhớ mãi mãi lời khẳng khái cứng cỏi của ông.

Xưa nay những bậc anh hùng hy-sinh cho nước nơi chiến trường kẻ cũng nhiều, song được như Trần-bình-Trọng biết khinh-thường phú-quí, lấy cái chết làm vinh, thật đáng nêu gương sáng làm hồ thẹn cho những kẻ quen bán nước cầu vinh.

MƯỜI NĂM BÌNH-ĐỊNH QUÂN MINH :
LÊ-LỢI, LÊ-LAI, NGUYỄN-TRÃI

DÀN BÀI

A.— Lê-Lợi :

- 1) Lê-Lợi khởi nghĩa.
- 2) Lê-Lợi kháng chiến.
- 3) Lê-Lợi đại thắng quân Minh.

B.— LÊ-LAI :

- 1) Ông Lê-Lai.
- 2) Lòng hy sinh của Lê-Lai.

C.— Nguyễn-Trãi :

- 1) Nguyễn-Trãi tiễn đưa cha.
- 2) Nguyễn-Trãi trả nợ nước, báo thù nhà.
- 3) Nỗi oan của Nguyễn-Trãi.

DẪN GIẢI

A.— LÊ-LỢI

1) LÊ-LỢI KHỞI NGHĨA :

Cuối đời nhà Hồ, nhà Minh đem quân sang chiếm nước ta. Nhà Minh cai-trị rất ác nghiệt, khiến cho dân ta hết sức khổ sở.

Khi ấy, có một người nông dân tên là Lê-Lợi quê ở Làng Lam-Son, tỉnh Thanh-Hóa (Trung-Việt) nổi lên đánh quân Tàu. Lê-Lợi là người khảng-khái, thường nói : « ta quyết lo việc lớn giúp nước, cứu dân, quyết không chịu uốn lưng làm nô-lệ cho người ». Ông bán hết gia sản, chiêu mộ binh sĩ, xưng là Bình-Định-Vương đem quân đi đánh giặc Minh.

2) LÊ-LỢI KHÁNG-CHIẾN :

Ban đầu, Lê-Lợi bị thua luôn, vì quân còn ít, giặc là **manh**, nên Ông phải luôn-luôn vất vả, trốn tránh trong rừng núi. Tuy nhiều phen phải đào củ chuối, hái rau, làm thịt cả voi **ngựa** mà ăn để chống giặc, mà ông vẫn không bao giờ nản chí.

Nhờ có những tướng giỏi như Lê-Lai, Lê-Thạch, Nguyễn-Trãi, Trần-nguyên-Hãn hết sức giúp đỡ, nên sau một thời gian **kháng** chiến kéo dài trong mười năm, Lê-Lợi dần dần chuyển **bại** thành thắng

3) **LÊ-LỢI ĐẠI THẮNG QUÂN MINH**: Sau khi chiếm được Nghệ-An, và Tây-Đô (tức Thanh-Hóa) Lê-Lợi cử binh đánh Đông-Đô (Hà-nội). Ông phá tan mười vạn quân Minh ở Tuy - Động và phục binh giết chết tướng Liễu - Thăng cùng hàng chục vạn quân Minh ở Chi-Lăng (Lạng-Son).

Tướng Minh là Vương-Thông sợ hãi phải xin hòa và xin cho rút quân về Tàu. Lê-Lợi cũng y cho.

Phá xong quân Minh, Lê-Lợi sai Nguyễn-Trãi làm tờ Bình-Ngô-dại-Cáo, bá-cáo cho nhân dân biết sự thắng-lợi của quân ta. Lê-Lợi lên làm vua tức là Lê-Thái-Tổ.

Lê-Lợi thực là một vị anh hùng, tượng-trưng cho chí phấn đấu, và tinh-thần quật cường của dân-tộc Việt-Nam ta vậy.

LÊ-LAI

1) **ÔNG LÊ-LAI** : Lê-Lai là người làng Dưng-Tú, tỉnh Thanh-Hóa là người khỏe mạnh, khôn ngoan. Lê-Lai theo giúp Bình-định-Vương Lê-Lợi từ hồi còn nhỏ, nên được Lê-Lợi coi như em ruột.

2) **LÒNG HY SINH CỦA LÊ-LAI** : Lê-Lai cùng với Bình-định-Vương chia sẻ mọi nỗi cực - khổ trong lúc kháng - chiến. Khi Bình-định-Vương rút về Chi-Linh, bị giặc vây kín bốn bên, chủ - ý bắt cho được chủ - tướng. Bình - định - Vương thấy nguy cấp quá, định liều chết xông ra phá vòng vây để thoát thân. Nhưng Lê-Lai can ngăn, xin mặc áo ngự - bào ra trận, để cho quân giặc tưởng lầm, xô lại phía mình, thì may ra Bình-định-Vương mới thoát vòng vây được. Bình-định-Vương lúc đầu không chịu nghe, nhưng sau, tình thế nguy cấp quá, đành phải cởi áo, khoác cho Lê-Lai, khóc mà nói rằng : « Em vì ta mà phải chết, ta xin ghi ơn suốt đời và sẽ giết hết giặc Minh để báo đền ».

Lê-Lai mặc ngự bào, vừa xông ra, đã bị quân giặc xúm lại, đâm chết, tưởng lầm là đã giết được Lê-Lợi. Trong khi ấy, Bình-định-Vương tìm đường rút khỏi được vòng vây.

Nhờ sự hy sinh và lòng yêu nước của Lê-Lai, mà Bình-định-Vương mới thoát nạn dễ về sau lấy lại nền tự-chủ cho nước nhà.

NGUYỄN-TRÃI

1) NGUYỄN-TRÃI TIỀN ĐƯA CHA : Nguyễn-Trãi người làng Nhị-Khê, tỉnh Hà-Đông, học giỏi, thi đỗ Tiến-sĩ. Khi người Tàu sang đánh nước ta, bắt cha Ông là Nguyễn-Phi-Khanh dẫn về Tàu, Ông khóc lóc, đi theo cha.

Đến cửa Nam-Quan, Phi-Khanh bảo con : « Con về lo trả thù cha, rửa hận nước, chứ theo cha than khóc, có ích gì ». Nguyễn-Trãi lay cha, rồi trở về, ngày đêm quyết chí phục-thù.

2) NGUYỄN - TRÃI TRẢ NỢ NƯỚC, BÁO THÙ NHÀ : Nguyễn - Trãi tìm vào Lam - Sơn, theo Lê - Lợi được phong làm Tham-mur-trưởng. Nguyễn-Trãi không nề vất-vả, chịu cực khổ với Bình-định-Vương suốt mười năm kháng-chiến, nên đến khi thắng trận, Ông được Lê-Thái-Tổ phong chức Tể-Tướng đứng đầu hàng công-thần. Sau khi Lê-Thái-Tổ chết, Ông về trí sĩ ở núi Côn-Son.

3) NỖI OAN CỦA NGUYỄN-TRÃI : Vua Lê - Thái - Tông, nhân đi qua Côn-Son, có ghé lại thăm nhà Ông. Sau đó, vua chẳng may bị bệnh, chết. Triều đình nghị là Ông đã giết vua bèn kết án Ông và cả họ bị tử hình.

Ông bị chết, người trong nước ai cũng thương xót và biết là ông bị oan ức. Mãi sau, đến đời vua Lê-Thánh-Tông mới xét lại việc oan ức của Ông và phòng cho Ông là Quốc-Công, và cho lập đền thờ Ông.

BÀI THỨ BẦY

CUỘC NAM-TIẾN

dưới thời Lê-Thánh-Tông và các chúa Nguyễn

A. — Lê-Thánh-Tông với cuộc Nam tiến.

I DÀN BÀI

- 1) Mở bài
- 2) Duyên-cớ việc đánh Chiêm-Thành.
- 3) Sửa-soạn chiến tranh.

- 4) *Cuộc chiến.*
- 5) *Kết quả của cuộc chiến.*
- 6) *Tổng luận.*

II BÀI ĐỌC

1) Vua Lê-Thánh-Tông là một ông vua có tài cai-trị, có văn-học giỏi, mà còn chăm lo việc võ, khiến cho nước ta hồi đó trở thành một nước mạnh ở phương Nam.

2) Khi ấy vua Chiêm-Thành là Trà-Toàn muốn gây sự với nước ta. Một mặt sai người mang cống-vật sang nhà Minh xin cho quân giúp, một mặt đem quân sang đánh phá ở Hóa-Châu. Vua Thánh-Tông cũng sai sứ sang Tàu kể rõ việc người Chiêm hay sang quấy nhiễu đất ta, để nhà Minh không thể vin vào có gì hòng bênh-vực nước Chiêm được. Rồi ngài khởi 20 vạn quân sang đánh Chiêm-Thành. Vua Chiêm không thấy quân Minh sang giúp mà quân ta thì thế mạnh quá, mới vội rút quân về giữ ở đất nhà.

3) Khi vào đến Hóa-Châu, Thái-Tông sai đóng quân lại diễn tập, cố ý cho người Chiêm thấy ta mạnh mà nhụt chí chiến đấu. Ngài lại sai người lên sang vẽ địa-đồ nước Chiêm để cho biết rõ nơi nào hiểm, nơi nào không, rồi mới tiến lên đánh cửa Thi-nại.

4) Quân Chiêm thua to, mạnh ai nấy chạy. Trà-Toàn thoát chết chạy về cố giữ thành Đồ-bàn là kinh-đô nước Chiêm. Quân ta kéo đến vây thành. Thánh-Tông lại tự ra đốc chiến. Vì thế, tướng binh hăng-hái, xông-pha làn tên đạn, vượt tường mà vào thành. Bọn lính giữ thành đó lại mở cửa thành cho đại-quân ta tiến vào. Trà-Toàn bị bắt. Thế là nước Chiêm bị quân ta chiếm.

5) Thánh-Tông bèn sáp nhập Đồ-Bàn vào đạo Quảng-Nam. Những đất còn lại của Chiêm được chia làm ba nước, phong ba ngôi vua. Đó là ý Thánh-Tông muốn cho nước Chiêm yếu đi, khỏi hay sang quấy nhiễu ta như trước.

6) Xem như việc đánh Chiêm-Thành này quân ta vào cõi Chiêm như vào chỗ không người, thì đủ biết quân thế nước ta lúc ấy mạnh lắm. Nước Lào và các Mường ở phía tây khiếp sợ đều về triều-cống cả.

Có được một vị anh-hùng dân-tộc như thế, ta thực đã hãnh-diện được có hời lịch-sử lung-lẫy, không thua kém những đoạn

sử vẻ-vang nhất của các giống nòi. Chẳng những ta phải ghi ơn ngài vì công cuộc mở-mang đất nước, ta còn phải noi ý-chí ngài, khi cần đến, không ngần-ngại gì đem máu đào mà tô-diềm non sông.

B.— CÁC CHÚA NGUYỄN MỞ ĐẤT Ở MIỀN NAM

I.— DÀN BÀI

- 1) *Chúa Nguyễn-Hoàng lấy đất Phú-Yên.*
- 2) *Chúa Nguyễn-phúc-Tần lấy đất Khánh-Hòa.*
- 3) *Chúa Nguyễn-phúc-Chu lấy đất Bình-Thuận.*
- 4) *Việc thu phục đất Chân-lạp dưới thời chúa Nguyễn-phúc-Chu.*
- 5) *Lý-do được đất dưới thời chúa Nguyễn-phúc-Khoát.*
- 6) *Tổng-luận.*

II.— BÀI ĐỌC

1-) Từ khi vào trấn đất Thuận-Hóa, chúa Nguyễn-Hoàng đã có ý định mở rộng bờ cõi về phía Nam để có thể lập-thành một nước tự chủ, đủ sức chống nhau với họ Trịnh. Năm 1611, chúa vào đánh Chiêm - Thành lấy được phần đất tỉnh Phú-Yên bây giờ.

2-) Đến đời chúa Nguyễn-phúc-Tần, vua Chiêm là Bà-Chiêm sang quấy nhiễu ở đất Phú-Yên. Chúa cử binh sang đánh, chiếm lấy đất từ sông Phan-Lang trở ra, tức là đất Khánh-Hòa ngày nay.

3-) Lại đến đời chúa Nguyễn-phúc-Chu, vua Chiêm là Bà-Tranh bỏ không triều cống, Chúa sai tướng đem binh vào đánh, bỏ ngôi vua Chiêm, thu dùng các quan lại người Chiêm và bắt phải đổi y-phục theo như người Việt. Từ đấy nước Chiêm-Thành mất hẳn và phần đất cuối cùng này sau được lập-thành tỉnh Bình-Thuận.

4-) Trong cõi chúa Nguyễn thường hay bị mất mùa, lại thêm có chiến-tranh với nhà Trịnh, nên cảnh đói kém không thể tránh được. Nhìn sang nước láng giềng thì thấy Chân-lạp là một vựa lúa mà dân thưa, nhiều đất chưa được khai-khẩn. Chúa Nguyễn-phúc-Chu định dùng cách di dân để lấn dần đất ấy. Việc di dân được khuyến-khích. Nhiều gia-dình người

Việt sang ở khoảng đất Bà-Rịa và Biên-Hòa ngày nay, vỡ đất làm ruộng. Đến năm 1658, nước Chân-lạp có loạn, chúa tranh nhau, sang cầu cứu chúa Nguyễn, nên chúa có dịp bảo-hộ Chân-Lạp. Gặp lúc có bọn bầy tôi cũ nhà Minh không phục nhà Thanh sang xin trú-ngụ ở nước ta, chúa cho vào ở miền Đông Chân-Lạp. Những người này lập ra ở mấy nơi ấy, những thị-trấn buôn bán rất là sầm-uất. Được ít lâu chúa đặt quan cai-trị ở những đất ấy mà sau này đổi tên là Gia-định (khoảng Saigon Cholon), Biên-hòa và Định-tường. Lại có người khách là Mạc-Cửu cũng tránh nạn nhà Thanh sang lập nghiệp ở miền Tây Thủy-Chân-Lạp, lâu dần gây dựng thành trấn Hà-tiên. Mạc-Cửu đem đất khai-khẩn của mình dâng lên chúa Nguyễn.

5-) Đến đời chúa Nguyễn-phúc-Khoát, vua Chân-Lạp, đề chuộc tội tư thông với Trịnh mà đánh Nguyễn, đã dâng chúa phần đất mà sau này là tỉnh An-giang. Sau hết đến năm 1759, ở nước Chân - Lạp họ-hàng nhà vua giết lẫn nhau. Mạc-ong-Tôn chạy sang Hà-tiên cầu cứu chúa Nguyễn, ta giúp cho lại được về nước làm vua. Vua Chiêm bèn dâng chúa Nguyễn phần đất còn lại của Thủy-Chân-Lạp (sau là Vĩnh-long) để tạ ơn.

6-) Toàn cõi Thủy-Chân-Lạp đã thành đất Nam-Việt và các chúa Nguyễn đã góp một phần lớn công-lao vào việc xây dựng đất nước. Bây giờ đến phần việc chúng ta phải giữ-gìn đất đai của cha ông. Dù là một tấc đất, chúng ta cũng không được để lọt vào tay kẻ khác. Thế mà hiện nay đất gốc tích của chúng ta là Bắc-Việt đang bị bọn Việt-cộng dâng cho Nga, Tàu đỏ. Việc làm của bọn bán nước ấy khiến cho chúng ta phải sôi máu căm-hờn. Tất nhiên chúng ta phải lấy lại đất ấy mới không hổ làm dân nước Việt.

BÀI THỨ TÁM

ĐẠI PHÁ QUÂN THANH : QUANG-TRUNG (1789)

I.— DÀN BÀI

1) Vua Lê-Chiêu-Thống cầu cứu Thanh-Triều.

2) Cuộc xâm-lăng :

- a) *Lực-lượng quân Thanh,*
- b) *Quân Tây-Son đối phó,*
- c) *Quân Thanh chiếm Thăng-Long*

3) Phá xâm-lăng :

- a) *Bắc-bình-Vương lên ngôi,*
- b) *Xuất quân,*
- c) *Phản công,*
- d) *Toàn thắng.*

4) Thông hiếu với nhà Thanh.

II.— BÀI GIẢNG

1) Vua Lê-Chiêu-Thống Cầu cứu Thanh-Triều.

Vua Lê-Chiêu-Thống cùng Hoàng-thái-hậu, Hoàng-tử sang cầu cứu bên Tàu. Vua Càn-Long nhà Thanh nhân dịp ấy mượn tiếng cứu nhà Lê. để lấy nước ta, bèn sai binh tướng sang đánh Tây-Son.

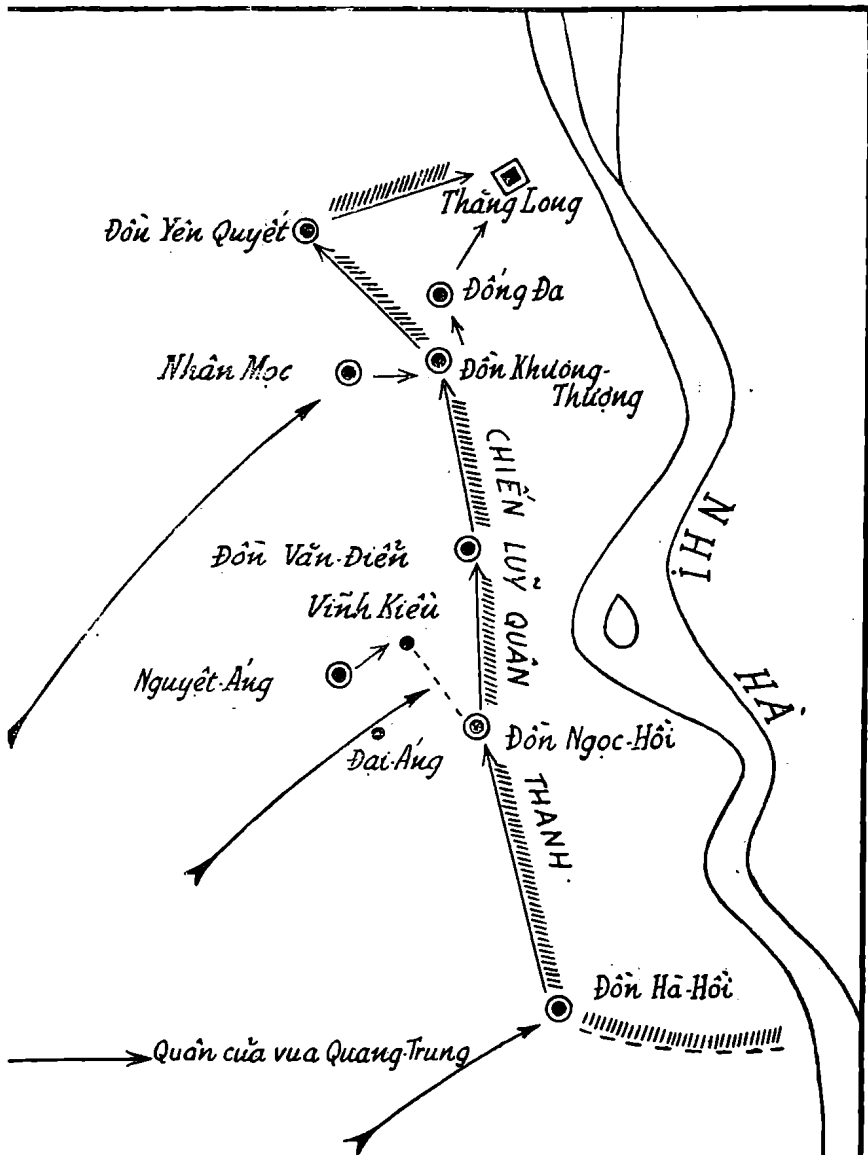
2) Cuộc xâm-lăng :

a) LỰC-LƯỢNG XÂM-LĂNG. Vua Càn - Long giao cho Tôn-sĩ-Nghị điều động quân bốn tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam, Quý-Châu gồm 20 vạn chia làm 3 đạo tiến sang. Tổng binh Vân - Nam, Quý - Châu đem một đạo sang mạn Lào - Cai, Yên - Bái; Sầm - nghi - Đống đem một đạo sang mạn Cao bằng; Tôn-sĩ-Nghĩ và Hứa-thế-Hanh đem một đạo tiến theo đường Lạng-Sơn.

b) Tướng Tây-Son là Ngô-thị-Nhậm và Ngô-văn-Sở ở Thăng-Long, được tin quân Thanh đã sang, sợ thế yếu đánh không nổi, bèn rút quân thủy bộ về đóng giữ từ núi Tam-Điệp (trước gọi là đảo Ba-Dội ở chỗ phân địa giới tỉnh Ninh-Bình và tỉnh Thanh-Hóa) ra đến bờ biển, rồi sai người về Phú-Xuân cấp báo.

c) Chiếm xong Thăng - Long, quân Thanh tiến, không gặp sức kháng cự nào đáng kể. Tôn-sĩ-Nghĩ kéo quân đến Kinh-bắc (Bắc-Ninh), vua Chiêu-Thống ra chào mừng rồi theo quân

Bản đồ chỉ dẫn các chiến công của vua Quang-Trung đánh quân Thanh



Thanh về Thăng-Long. Sĩ-Nghị đóng đồn ở giữa bãi sông Nhị-Hà, bắc cầu phao cho tiện liên lạc và chia quân đóng giữ các mặt. Sĩ-Nghị tuyên đọc sắc phong cho vua Chiêu-Thống làm An-Nam Quốc-Vương.

Sĩ-Nghị nắm hết quyền hành đê sai khiến vua Lê và Triều-đình. Lê-chiêu-Thống chỉ lo báo thù riêng, Tôn-sĩ-Nghị thì kiêu ngạo, coi thường việc binh, cho quân sỹ cướp phá dân gian, vì thế nhân dân mất hết tin tưởng ở nhà Lê và quân Thanh sang cứu viện.

3) Phá xâm-lăng :

a) **BẮC-BÌNH-VƯƠNG LÊN NGÔI**,— Được tin quân nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng-Long, Bắc-bình-Vương lập tức hội các tướng sĩ để bàn việc xuất binh. Các tướng đều xin ngai lên ngôi tôn đề yên lòng người rồi sẽ khởi binh.

Cuối năm 1788, vương làm lễ lên ngôi Hoàng đế, rồi tự mình thống lĩnh thủy bộ đại binh ra đánh giặc Thanh.

b) **XUẤT BINH**.— Quang-Trung Hoàng-đế ra đến Nghệ-An nghỉ lại 10 ngày, kén thêm binh, cả thấy được 10 vạn quân và 100 con voi. Đến 20 tháng chạp, quân kéo đến Núi Tam-Điệp. Bọn Ngô-văn-Sở ra tạ tội. Vua Quang-Trung an ủy mọi người rồi truyền cho quân sỹ ăn Tết Nguyên-Đán trước, đề ngày trừ tịch thì khởi quân và định trước ngày mồng 7 tháng giêng vào thành Thăng-Long mở tiệc ăn mừng.

c) **PHẢN CÔNG**.— Ngày 30 tháng chạp, Ngai cho tiến quân ra Bắc.

Qua Sông Gian (giáp giới Ninh-Bình và Hà-Nam) một toán binh của nhà Lê đón đường, nhưng chống cự không nổi phải bỏ chạy.

Một toán quân Thanh toàn-tiểu bị vua Quang-Trung bắt sống hết, nên các đồn địch ở Hà-hồi, Ngọc-Hồi không biết tin tức gì cả.

Đêm mồng 3 Tết, quân ta vây kín đồn Hà-hồi. Tiếng loa hét, tiếng quân reo làm quân giặc hoảng sợ phải xin hàng.

Sáng mồng 5 Tết, quân ta tiến đến Ngọc-Hồi giáp chiến với địch. Quân Thanh cố thủ trong đồn bắn ra như mưa. Vua Quang-Trung sai người lấy những mảnh ván, ghép ba mảnh lại làm một, lấy

rom cỏ đắp nước quân ở ngoài, rồi sai quân cứ 20 người khiêng một mảnh, mỗi người dắt một con dao nhọn, lại có 20 người cầm khi giới theo sau. Vua Quang-Trung cưỡi voi đi sau đốc chiến. Quân ta vào gần đến đồn, bỏ ván xuống đất, rút dao ra, xông vào chém, quân đi sau cùng kéo ụa cả vào đánh. Quân địch toan loạn, quân ta thừa thế đánh tràn đi, lấy được các đồn Vạn-Điền và Yên-Quyết. Quân các đạo khác cùng toàn thắng. Sầm-nghi-Đồng đóng ở Đồng-Đa (gần Hà-Nội) bị vây đánh phải thất cổ tự-tử. Quân ta rầm rộ kéo vào Thăng-Long.

Tôn-sĩ-Nghị hoảng hốt nhảy lên ngựa không yên cùng mấy tên quân kỵ qua cầu phao sang sông Nhị chạy về Kinh-bắc. Quân Thanh ụa tranh nhau sang cầu. Cầu sập, quân lính chết đuối như rạ.

d) TOÀN THẮNG.— Nhờ tinh thần quyết chiến của tướng sĩ và nhờ chiến lược chớp nhoáng quân Tây-Sơn đã phá được 20 vạn quân Thanh trong 5 ngày. Vua Quang-Trung vào thành Thăng-Long, hạ lệnh chiêu an, cấm quân lính không được xâm phạm của dân và giết hại địch quân và cho địch quân đầu thú.

4) THÔNG HIẾU VỚI NHÀ THANH.— Tuy đã đại thắng quân Thanh, Quang-Trung cũng tự biết chưa đủ sức chống chọi với nước Tàu, nên Ngài sai sứ sang triều cống và cầu phong.

Vua Cáp-Long cho giảng hòa và phong cho Quang-Trung làm An-Nam Quốc-Vương.

BÀI THỨ CHÍN

A.— SỐNG CHẾT VỚI THÀNH: NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG

Ông Nguyễn-tri-Phương, người tỉnh Thừa-Thiên, có học thức rộng, chí khí lớn. Làm quan trải ba triều nhà Nguyễn, ông lập được nhiều chiến-công oanh-liệt: dẹp giặc Chân-lạp, Xiêm-la miền Nam, giặc Nùng, Khách Cai-Vàng miền Bắc, Ông là một vị công-thần chỉ đem hết tâm-trí lo việc nước, không ham của cải, nên suốt đời cửa nhà thanh-bạch.

Đời vua Tự-Đức, nhân có một người lái buôn Pháp là Đơ-Phồ-Nghĩa (Jean Dupuis) muốn dùng sông Hồng-Hà để chở hàng hóa sang Vân-Nam, gây chuyện rắc rối, ông được

cử làm Tổng-Thống quân vụ ra Bắc đàm phán với người Pháp. Việc thương-nghị gay gò không đem lại kết quả gì, vì Pháp cố ý dùng võ lực chiếm thành của ta.

Cuộc đàm phán thất bại, ông bố tri phòng thủ thành trì quyết tâm chống lại quân Pháp.

Sáng ngày 15 tháng 10 năm 1873, quân Pháp phá thành. Ông cùng con là Phò-Mã Nguyễn-Lâm trấn giữ cửa Đông và cửa Nam. Không may, cả hai cửa đều bị trúng đại-bác: phò mã Lâm tử nạn, ông bị thương nặng và bị quân Pháp đem xuống tàu.

Nghĩ mình là một lão-thần, nổi tiếng đánh Nam dẹp Bắc, nay bị sa cơ, lấy làm tủi nhục, ông nhất định tuấn-tiết vì nước.

Vì vậy, ông từ chối, không chịu ăn, không chịu buộc thuốc.

Ông Nguyễn-tri-Phương, chịu đói chịu đau mà chết để tỏ cái khí-phách của tôi trung đối với Chúa, của người dân biết yêu nước, chịu đau đớn xác thịt để tâm hồn được thanh cao, thật đáng làm gương cho muôn đời vậy.

B.— ÔNG HOÀNG-DIỆU

Ông Hoàng-Diệu xuất thân ở một gia-đình bình-dân tại phủ Điện-Bàn, tỉnh Quảng-Nam, là người có trí tuệ thông-minh, thi đỗ phó-bảng năm 25 tuổi, được bổ làm Tri-P phủ Tuy-Phước, tỉnh Bình-Định.

Ba năm sau khi ông Nguyễn-tri-Phương tuấn-tiết, quân Pháp phải trả lại thành Hà-Nội, ông được vua Tự-Đức, cử đi trấn thành đó (1880). Tình hình nước ta lúc bấy giờ rất phức tạp, rối ren. Tại miền Bắc, các nước Âu-Châu: Tây-Ban-Nha, Ý, Anh và Hoa-kỳ đều gửi sứ thần sang ta xin thông-thương buôn bán, cho nên Pháp càng lo tiếp tục bành trướng thế lực để củng cố địa vị của họ, mong giữ độc quyền buôn bán ở nước ta.

Biết rõ không thể tránh khỏi chiến tranh, Tổng-Đốc Hoàng-Diệu cho đào hào, đắp lũy, xây pháo-đài, mộ binh lính, đặt kế giữ thành; vả lại Ông thấy quân Pháp tự nhiên kéo binh thuyền vào sông Hồng-Hà nhiều lắm.

Đúng như lời ông đoán, ngày 25 tháng 4 năm 1882, Đại Tá Pháp là Hăng-ri Ri-vi-e-rơ (Henri Rivière) gửi tới hậu thư

buộc ông phải mở cửa thành, trước 8 giờ sáng hôm ấy, ông bèn ra lệnh cho quan quân cố thủ Thành trì. Đúng 8 giờ sáng, quân Pháp khởi cuộc tấn công, quân ta chống giữ mãnh liệt. Nhưng vì thế yếu, văn quan, võ tướng lo sợ bỏ thành chạy cả, duy chỉ còn ông cùng lãnh binh Nguyễn-đình-Khang, ở lại cầm cự. Tới 11 giờ, Thành đổ ; ông hạ lệnh cho quân sĩ tháo lui, còn một mình ông ở lại treo cổ lên cành cây tuần tiết với thành, hưởng thọ được 54 tuổi.

Cũng như ông Nguyễn-tri-Phương, ông Hoàng-Diêu liệu chết để giữ thành, thật là một tấm gương hy sinh cao cả, đáng kính phục vậy.

BÀI THỨ MƯỜI

VUA HÀM-NGHI, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG ĐẢNG VĂN-THÂN

DÀN BÀI

1) Vua Hàm-Nghi.

2) Cuộc kháng chiến.

- a) *Nguyên nhân cuộc kháng-chiến,*
- b) *Sửa soạn cuộc kháng-chiến,*
- c) *Công cuộc kháng chiến,*
- d) *Tình-hình Huế sau ngày kháng-chiến,*
- e) *Ảnh hưởng việc Vua Hàm-Nghi rời cung điện.*

3) Ông Phan-đình-Phùng và đảng Văn-Thân :

- a) *Thân thế Phan-đình-Phùng,*
- b) *Công cuộc kháng-chiến,*
- c) *Công cuộc tiêu trừ của triều-đình Huế.*

BÀI GIẢNG

1) VUA HÀM-NGHI.— Vua Kiến-Phúc mất, hai ông Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết, phụ chính. không muốn lập người lớn tuổi, sợ mình mất quyền, nên chọn ông Ưng-Lịch mới 12 tuổi, lập lên làm vua, đặt niên-hiệu là Hàm-Nghi.

2) Cuộc kháng-chiến

a) NGUYÊN-NHÂN CUỘC KHÁNG-CHIẾN.— Năm 1885, Thủy-quân Đô-đốc Đờ Quốc-xi vào Huế để bắt Triều-đình ta phải thi-hành hiệp-ước và chịu quyền bảo-hộ. Quốc-Xi sai triệu ông Tường và Thuyết sang bên Khâm-Sứ định việc yết-kiến vua Hàm-Nghi, xong chỉ có ông Tường sang còn ông Thuyết thì cáo bệnh không sang. Quốc-Xi bắt đầu cũng phải kiêng sang, lại bắt rằng hôm vào diện yết-kiến vua Hàm-Nghi thì phải mở cửa chính cho Quốc-Xi đi cùng các nhân viên tùy tùng và quân lính, như thế trái với quốc lễ. Quốc-Xi khước từ cả lễ vật của bà Từ-Dụ Thái-hậu cho đem sang biếu.

Triều đình thấy bị khinh mạn quá, ai nấy đều ngơ ngác. Ông Tường và Thuyết tức giận quyết định kháng chiến.

b) SỬA-SOẠN CUỘC KHÁNG-CHIẾN.— Hai ông đã sửa soạn từ năm 1884, mộ quân, tập lính và lập đồn Tân-Sở ở gần Cam-lộ thuộc tỉnh Quảng-Trị đem cả báu ngọc, vàng bạc ra đây, phòng khi có việc gì thì đem quân ra đó để chống nhau với quân Pháp.

c) CUỘC KHÁNG-CHIẾN.— Chiều hôm 22 tháng 5 năm Ất-Mùi (1885) quân ta ở trong thành bắn sang dinh Khâm-Sứ và đánh trại lính của Pháp ở Mang-Cá. Quân Pháp bị đánh úp ban đêm chỉ im lặng mà chống giữ.

d) TÌNH-HÌNH HUẾ SAU NGÀY KHÁNG CHIẾN.— Sáng 23 tháng 5 năm Ất-Mùi (1885) quân Pháp mới tiến lên đánh. Quân ta thua. Tôn-thất-Thuyết đem vua Hàm-Nghi và các bà Thái-Hậu chạy ra Quảng-Trị. Nguyễn-văn-Tường thì ra thú.

e) ẢNH HƯỞNG VIỆC VUA HÀM-NGHI RỜI CUNG ĐIỆN.— Vua Hàm-Nghi rời cung điện chạy ra Quảng-Trị đã là một tiếng chuông thức tỉnh lòng người nên Đờ Quốc-Xi cố sức đuổi theo để bắt ngài hồi loan. Ngày 27 tháng 5 tàu Pháp đến Quảng-Trị để vây bắt, nhưng được tin tàu sắp đến. Tôn-thất-Thuyết xin Tam-Cung ở Quảng-Trị rồi xa giá lên Tân-Sở.

Khi đã yên-ở Tân-Sở rồi, Tôn-thất-Thuyết làm hịch Cần-Vương gửi đi khắp nơi, nên từ Bình-Thuận trở ra cho đến Nghệ-An, Thanh-Hóa, chỗ nào sĩ dân cũng nổi lên chống lại quân Pháp.

3) ÔNG PHAN-ĐÌNH-PHÙNG VÀ ĐẢNG VĂN-THÂN.— Tiếp được hịch của Tôn-thất-Thuyết và chiếu của vua Hàm-

Nghị kêu gọi toàn dân kháng chiến, phong trào « Cần-Vương » trước kia đã bùng-bột nay lại sôi nổi hơn nữa. Trong bọn các nho sĩ hưởng ứng lời kêu gọi « Cần-Vương » có ông Phan-đình-Phùng đứng đầu đảng Văn-Thân là đáng kể.

a) **THÂN THẾ PHAN-ĐÌNH-PHÙNG.**— Ông Phan-đình-Phùng người tỉnh Hà-Tĩnh thi đỗ Đình-Nguyên về đời vua Dục-Tôn, làm đến ngự-sử, sau bị Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết cách chức đuổi về.

Phan-đình-Phùng là người có tài văn-chương, thao-lược. Ông tổ-chức quân linh có cơ ngũ, luyện tập tướng sĩ có kỷ-luật.

b) **CÔNG CUỘC KHÁNG-CHIẾN.**— Ông Phan-đình-Phùng cầm cự với Pháp từ năm 1886 đến 1895. Ông có tướng Cao-Thắng tự chế được súng trận kiểu 1874. Lập căn cứ ở Hương-Khê (Hà-Tĩnh) ông thu nạp những đảng viên đảng Văn-Thân cũ và giao tranh nhiều trận với quân Pháp làm quân Pháp thiệt hại cũng nhiều.

Việc trấn áp của Chính-quyền thực-dân. Chính-quyền thực-dân tìm đủ mọi cách dụ ông Phan-đình-Phùng về hàng nhưng không được; bèn cử tổng-đốc Bình-Định là Nguyễn-Thân đem quân đi đánh, nhưng quân của Thân ra đến nơi thì ông Phan-đình-Phùng vì già yếu mắc bệnh đã mất rồi.

Bị quân của Nguyễn-Thân bao vây, nghĩa quân của « Văn-Thân » vì hết lương thực phải tán vỡ. Sau đó nghĩa-quân chia làm hai. Một phần lần theo đường Sơn-Cước qua sông Cửu-Long sang Thái-Lan làm ruộng, buôn bán và tiếp tục công cuộc cách mệnh trong bóng tối, một phần ngược lên Yên-Thế hợp với quân của ông Hoàng-hoa-Thám tiếp tục cuộc kháng-chiến.

BÀI THỨ MUỖI MỘT

CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA Ở NAM-VIỆT

Ngay sau khi quân Pháp lấy ba tỉnh Gia-định, Định-tường và Biên-hòa, các cuộc khởi-nghĩa liên-tiếp nổi lên ở Nam-Việt để chống lại người Pháp kịch-liệt, đáng kể nhất là :

1.) **CUỘC KHỞI NGHĨA TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH.**— Trương-công-Định, nguyên quán ở Quảng-Ngãi, theo cha vào Nam, kết hôn với con gái một nhà hào phú ở Tân-Hòa, hạt Gò-công. Lúc bấy giờ, ông là một viên quân đồn-diên. Năm

1860, ông theo ông Nguyễn-tri-Phương giữ đại đồn Kỳ-Hòa Năm sau, đồn thất thủ, ông rút lui về Gò-cong để mưu tiếp tục cuộc kháng - chiến.

Ở đây, ông cùng với Phan-văn-Đạt, Hồ-huân-Nghiệp, Nguyễn-Thông và Nguyễn-đình-Chiều chiêu mộ quân-sĩ để đánh Pháp, thắng nhiều trận ở vùng Cholon, Tân-an, Gò-cong, và nổi tiếng nhất là trận Cầu-giuộc.

Sau khi ký hiệp-ước 1862, ông được Triều-đình cử đi giữ chức lãnh binh ở An-Giang (Châu-đốc). Ông không đi, xin ở lại cầm binh tiếp-tục chống Pháp, đánh những trận Hắc-khư, Qui-son, Cửa-khẩu, Rạch-giá.

Ngày 19-8-1864, vì có sự phản-bội của Huỳnh-Tấn, quân Pháp đến mãi tận chỗ căn-cứ của ông vây đánh, ông bị thương, rút gươm tự-tấn.

2) CUỘC KHỞI NGHĨA THỦ-KHOA-HUÂN.— Ông Thủ-khoa-Huân mưu đồ khởi nghĩa từ năm 1861, nhưng mãi đến năm 1864, được dư đảng của ông Trương-công-Định đến giúp sức, thanh thế của ông mới mạnh. Lấy miền Cai-lậy (Mỹ-tho) làm căn cứ, ông xuất quân đánh phá những vùng Rạch-giá Châu-đốc và Hà-tiên của Pháp. Được dân chúng ủng-hộ nhiều tiền, ông mua súng ống từ Hải-nam tải sang.

Về sau bị quân Pháp vây đánh, ông hết lương-thực, phải rút lui về ẩn náu ở Chợ-gạo thì bị tên Trần-bá-Lộc bắt. Ông bị xử-tử năm 1868.

3) CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA KHÁC :

— Khởi nghĩa Đồng Thấp-Mười 1864-1865) do ông Thiên-hộ Nguyễn-huy-Dương cầm đầu.

— Khởi nghĩa Phan-Liêm, Phan-Tôn (con cụ Phan-thanh-Giản) ở vùng Bến-tre, Trà-vinh, Vĩnh-long, Sa-déc.

— Khởi nghĩa Nguyễn-trung-Trực ở Tân-an (1867-1868).

— Khởi nghĩa Thập-bá, phù-viên ở vùng Bà-diêm Hóc-môn.

Tuy rằng những cuộc khởi nghĩa kể trên không đem lại cho ta những kết quả mong muốn, nhưng với tinh cách liên-tục của nó, đã tỏ ra rằng dân-tộc Việt-nam cương-quyết tranh-dấu chống bọn xâm-lãng.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA Ở TRUNG-VIỆT

DÀN BÀI

- 1) *Cuộc khởi nghĩa Văn-Thân Nghệ-Tĩnh*
- 2) *Cuộc kháng-chiến ở Ba-Đình*
- 3) *Các cuộc khởi-ngĩa khác.*

BÀI GIẢNG

1) **Cuộc khởi nghĩa Văn-Thân Nghệ-Tĩnh (1874)**

Ngay sau khi ký tờ hòa-ước năm Giáp-Tuất (1874) do đó ta nhường đất cho Pháp 6 tỉnh ở Nam-Việt, các cuộc khởi-ngĩa liên tiếp nổi lên ở suốt từ Nam tới Bắc, phần đông do đảng Văn-Thân lãnh đạo.

Ở Trung-Việt, kịch-liệt nhất là :

- 1) *Cuộc khởi-ngĩa của Văn-Thân Nghệ-Tĩnh*
- 2) *Cuộc kháng-chiến ở Ba-Đình*
- 3) *Các cuộc khởi-ngĩa khác.*

Bình-Thuận, Khánh-Hòa, Quảng-Nam, Quảng-Bình v.v...

a) Tại Nghệ-Tĩnh, hai ông Trần-Tân, và Đặng-như-Mai, nổi lên, truyền hịch « Bình-Tây sát tả », đại ý nói : « Triều đình hòa với Tây mặc kệ, sĩ phu trong nước không chịu hòa, vậy trước hết phải trừ những kẻ làm nội ứng cho Tây, rồi sau đánh Tây cho hết, để giữ lấy nền văn-minh Nho-Giáo đã hơn 1000 năm v.v... ». Dân chúng Nghệ-Tĩnh có tất cả tới 3000 người về theo kéo đi đốt phá các nơi trọng yếu. Sau bị Nguyễn-văn-Tường trấn áp.

b) Vào khoảng tháng 6 năm Ất-Dậu (1885), ông Phan-dinh-Phùng nghe tin vua Hàm-Nghi chạy ra tới miền thượng du tỉnh Quảng-Bình, ông cùng các bạn đồng chí ra yết-kiến. Vua Hàm-Nghi phong cho ông làm Tân-lý quân-vụ, thống lĩnh các đạo nghĩa binh. Ông phụng mệnh trở về, phát tờ hịch đi khắp các nơi, kéo cờ khởi nghĩa. Ông chống cự với quân Pháp từ 1885 tới 1895 thì mắc bệnh mà mất.

2) Cuộc kháng-chiến ở Ba-Đình

Cuộc kháng-chiến này do ông Tống-Duy-Tân và Đinh-công-Tráng lãnh đạo. Ông Tống-duy-Tân thường gọi là ông Nghè Tống vì ông đỗ tiến-sĩ. Nghĩa-binh kháng cự với quân Pháp rất kịch liệt và đã đánh được những trận rất vẻ-vang ở Ba-Đình và Mã-Cao.

Chiến-lũy Ba-Đình do ông Đinh-công-Tráng xây bằng tre, và đất xung-quanh ba làng Mậu-Thịnh, Mỹ-Khê, Thượng-Thọ, bề rộng 400m. bề dài 1200m. Vì địa-thế hiểm yếu, chung quanh toàn đồng nước, chỉ có một đường độc đạo dẫn vào, cho nên quân Pháp đánh từ tháng 4 tư năm 1885, mãi tới tháng Giêng 1887 mới hạ được nhưng cũng bị hao binh tổn tướng rất nhiều. Sau ông Đinh-công-Tráng chạy về Nghệ-An, bị bắn chết đêm hôm 5 tháng 10 năm 1887 tại làng Tang-Yên trên bờ sông Cả. Còn ông Tống-duy-Tân thì bị tên học trò Việt-gian là Cao-ngọc-Lễ làm phản bắt ông đem nộp cho Pháp rồi ông bị chém tại Thanh-Hóa.

3) Các cuộc khởi-nghĩa khác

Bùi-Điền, Mai-xuân-Thường, Nguyễn-đức-Nhuận nổi lên tại Bình-Thuận, Khánh-Hóa.

— Trần-văn-Dự lập nghĩa-hội ở Quảng-Nam.

— Ấm-Sinh Lê-Ninh nổi lên ở Hà-Tĩnh.

— Nguyễn-xuân-Ôn, Lê-doãn-Nha ở Nghệ-An.

— Nguyễn-phạm-Tuân, Lê-Trực ở Quảng-Nam.

BÀI THỨ MƯƠI BA

NGUYỄN-THIỆN-THUẬT

1831 — 1926

I DÀN BÀI

- 1) Gốc-tích và thời-kỳ xuất thân.
- 2) Thời-kỳ được trọng dụng.
- 3) Thời-kỳ chống Pháp do mệnh-lệnh của Triều-đình,
- 4) Thời-kỳ khởi nghĩa-quân chống Pháp.
- 5) Những ngày chót ở Trung-Hoa.

II BÀI ĐỌC

1) Ông Nguyễn-thiện-Thuật là người làng Xuân-dục, huyện Mỹ-Hào, tỉnh Hưng-Yên. Ông sinh vào năm 1831, khoảng đời Minh-Mạng. Thuở bé đi học, ông nổi tiếng thông-minh, chăm-chỉ. Năm ngoài 20 tuổi đi thi đỗ đầu tú-tài và được bổ Bang-tá Hưng-yên. Lúc ấy là thời Tự-Đức. Ở hạt Kinh-môn, Hải-dương có tên Tiêu-Viên, nguyên là bộ hạ cũ của Phăng-si Ga-ni-ê (Francis Garnier), sọt tội với Triều-dinh. mới nổi lên làm giặc. Các quan tỉnh Hải-dương liền cử ông đi tiền giặc ấy. Dẹp xong giặc rồi, ông được thưởng quân-công.

2) Năm ông 41 tuổi (1871) lại đi thi hương, để thủ-khoa và được bổ Tri-phủ Trừ-sơn, Bắc-ninh. Ở chức ấy hơn ba năm, ông được thăng Tán-tướng quân-vụ, giúp Nguyên-súy Hoàng-kế. Viêm đánh giặc khách ở mạn thượng-du. Lúc này giặc cờ đen Lưu-vĩnh-Phúc đã hàng. Ta chỉ còn phải dẹp giặc cờ vàng Hoàng-sùng-Anh đóng ở Hà-Giang và thường tràn xuống Tuyên-Quang, Sơn-La, Hưng-Hóa, v.v... Bình xong giặc, ông được phong làm Chánh-sứ 16 châu thuộc hạt Hưng-Hóa và Sơn-Tây. Trong tại chức, Triều-dinh khiến ông khai-khẩn miền rừng núi giữa Hòa-Bình và Sơn-La, và ông đã biến miền ấy thành những đồng ruộng phì-nhiều.

3) Năm 1883, quân Pháp hạ thành Hải-dương, ông được Triều-dinh tạm bổ làm Tổng-đốc Hải-dương kiêm coi cả Hải-Phòng và Quảng-Yên. Lại sung chức Phó nguyên-súy đạo binh Đông-Bắc để chống nhau với quân Pháp. Ông mộ lính khách ở Đông-triều hợp với quân mấy tỉnh dưới quyền ông rồi ngày 12 tháng 11 năm 1883 đánh thành Hải-dương. Quân giặc bị một phen vô cùng khốn-đốn. Khi thành được giải nguy thì vừa lúc được tin quân Tàu sang giúp, ông lên ngay Lạng-sơn để đón mừng và đề liệu bề hợp-tác. Đầu năm 1885, thành Lạng-sơn bị quân Pháp chiếm rồi lại được liên-quân giành lại nhưng đến khi Hoa Pháp ký hòa ước Thiên-Tân, quân Tàu rút ra khỏi cõi, ông cũng phải lánh qua Long-Châu.

4) Cuối năm ấy, hay tin thực-dân Pháp phế vua Hàm-Nghị và lập vua Đồng-Khánh ông trở về nước lập chiến khu ở Bãi-Sậy (Mỹ-Hào Yên-Mỹ) và thường hoạt động trong 3 tỉnh Hưng-Yên, Hải-dương và Bắc-ninh. Ông có 2 người em là Hai-Kế và Lãng-Giang rất gan-dạ hào hùng. Lại thêm bảy

viên Đề-đốc tám vị Lãnh-binh đều là những kiện-tướng. Bắt đầu từ năm 1889, thực-dân Pháp đem một toán quân mạnh đến đàn áp nghĩa quân ở Bãi-Sậy. Trong hai năm liền, 2 bên đánh nhau có tới vài ba mươi trận. Tuy nghĩa quân thắng nhiều trận như những trận Liên-trung, Đầu thao, Hoàng - ván, La - mát, v.v... và đã giết được nhiều viên chỉ huy của địch, nhưng nghĩa quân cũng mất dần những tướng tài giỏi. Chính-Lãnh-Giang, em ông cũng tử trận ở Bần - yên - Nhân. Bởi thế cuối năm 1890, ông biết cơ sự không thành, sui em là Hai-Kế bỏ đi, và tự mình cũng bỏ sang Tàu. Ông còn để lại 7 viên tướng - tá và họ còn tiếp-tục cuộc chiến thêm một năm nữa, rồi cũng lần-lượt bỏ mình vì nước, Năm 1892. Hai-Kế bị bắt và bị đẩy ra Côn-đảo.

5) Ông Tân-Thuật sống cuộc đời buồn tủi ở Trung-Hoa cho mãi đến năm ông 95 tuổi mới mất (1926) Nhưng sự-nghiệp của ông thì sống đời đời trong trí nhớ của dân ta.

HOÀNG-HOA-THẨM

I.— DÀN BÀI

1) Thời kỳ theo mảy nghĩa-đảng

- a) Gốc-tích và ý-chí.
- b) Hồi vào 1 nghĩa-đảng ở trong nước.
- c) Hồi theo đảng Đồng-nai ở Trung-Hoa.

2) Thời kỳ tự lập chống Pháp

- a) Hồi hoạt động chiến đấu.
- b) Hồi giả qui thuận.

3) Thời kỳ hợp tác với nghĩa-đảng

(Đồng-kinh nghĩa-thực)

- a) Cuộc đầu độc lính Pháp.
- b) Hồi tái chiến và bị mưu hại.

II.— BÀI ĐỌC

1) Ông Hoàng-Hoa-Thẩm vốn trước họ Trương sau đổi ra họ Hoàng là người thôn Ngọc-cục, phủ Yên-thế, tỉnh Bắc giang. Khi mới lớn lên, ông đã có chí chống Pháp, Ông theo một nghĩa-đảng do Trần-quang-Loan làm đảng-trưởng để

mong thực hiện ý nguyện của ông. Sau thấy Trần-quang-Loan không có chí lớn, ông bèn bỏ đảng, theo người cha nuôi là Ba-Phúc sang Trung-hoa. Ba-Phúc vốn là người Tàu và có quen với Lương-tam-Kỳ trong đảng Đồng-nai, nên nhờ Lương giới thiệu cho ông vào đảng ấy. Riêng ý ông thì vào đảng này để tìm vẫy cánh, mong được giúp đỡ về mai sau, vì đảng Đồng-nai cũng là một nghĩa-đảng do Cai-Kinh làm thủ lĩnh. Một quả núi của ta (núi Cai-Kinh) ở địa giới Bắc-giang Thái-nguyên còn mang tên người nghĩa-sĩ Trung-hoa ấy, không hiểu vì lẽ gì. Chính khi ở trong đảng này ông đổi họ và từ đấy xưng là Hoàng-hoa-Thám.

2) Năm 1888 thấy không thể trông mong gì ở nghĩa-đảng Trung-hoa, ông trở về nước làm lấy cuộc đời và khởi nghĩa binh đánh Pháp. Buổi đầu, nghĩa quân hoạt-động ở Quảng-Yên. Pháp đem đại quân đến đánh trong mấy năm liền mà không có kết quả. Nhưng ông cũng tự bỏ nơi ấy mà rời chiến-khu về miền Tam-đảo (Vĩnh-Yên). Ở đây lại diễn ra nhiều trận đánh khác mà chỉ riêng phía Pháp chịu tổn hại nhiều. Mãi đến năm 1896, ông mới lập đồn Bắc-vọng ở Nhã-nam, hùng cứ khu Yên-thế thuộc Bắc-giang và mở rộng cuộc vây-vùng ra khắp các tỉnh lân cận. Từ năm 1896 đến năm 1899, Pháp đã hao binh tổn tướng nhiều mà không hạ được Nhã-nam, mới đành dùng kế chiêu-dụ ông, hứa hẹn cho nhiều quyền lợi. Về phần ông, muốn nghỉ-ngơi ít lâu để bành trướng thế-lực, ông mới giả ý xin quy thuận với điều-kiện được thu thuế 22 làng ở Nhã-nam và cai trị toàn hạt Yên thế. Chẳng những Pháp ưng thuận, mà còn gửi phẩm vật vào tặng ông.

3) Năm 1908 có cuộc đầu độc lính Pháp ở Hà-nội. Việc bại lộ. Pháp đổ cho ông chủ mưu mới đem đại quân lên đánh Yên-thế. Vì thế yếu, ông phải rút vào rừng và áp dụng lối đánh lưu động. Ròng-rã mấy năm, Pháp vẫn không làm gì được, mới treo một giải thưởng rất lớn để tặng ai hoặc bắt, hoặc giết được ông. Cuối năm 1912, Pháp lại sai người sang Trung-hoa nhờ Lương-tam-Kỳ giúp sức và trước cho Lương nửa số tiền thưởng ấy. Lương tam-kỳ liền sai 3 tên bộ hạ, trước kia đều có thâm-tình với ông Hoàng-hoa-Thám, giả ý sang giúp nghĩa quân.

Hồi 4 giờ rưỡi sáng ngày 10 tháng 2 năm 1913, bọn này đã lừa giết ông khi ông đang ngủ.

Ông Hoàng-hoa-Thám chống nhau với Pháp trong 25 năm giữa khi quân lực Pháp khá mạnh, mà Pháp còn phải cạy tay người khác mới hại nổi ông thì đủ thấy ông là bậc anh hùng lỗi-lạc. Nhất là ông đã hy-sinh vì non nước thì việc làm của ông đáng cho ta noi gương.

BÀI THỨ MUỖI BỐN

PHONG TRÀO DUY-TÂN (1900-1910)

I.— DÀN BÀI

I) Nguyên-nhân xa, gần của phong trào Duy-tân

II) Mục đích của phong trào Duy-tân

a) *Kích thích tinh-thần quốc-gia dân-tộc*

b) *Cải cách chính-trị, văn-hóa.*

III) Phong-trào Duy-tân phát huy như thế nào.

a) *Phan-bội-Châu với cuộc dân-tộc cách-mạng.*

b) *Phan-chu-Trinh với việc cải cách chính-trị văn-hóa.*

IV) Kết quả của Phong trào Duy-tân.

II.— BÀI GIẢNG

Phong trào Cần-vương thất bại vì tổ chức không khoa-học, không có quần chúng tham-gia đông đảo. Các sĩ-phu yêu nước thấy cần phải chọn đường lối khác do đó gây nên phong-trào Duy-tân.

Phong-trào này có hai hình thức:

1) Phan-bội-Châu với cuộc dân-tộc cách-mạng.

2) Phan-chu-Trinh với việc cải cách chính-trị nội bộ.

I) PHAN-BỘI-CHÂU VỚI CUỘC DÂN TỘC CÁCH-MẠNG

Nhận thấy phong trào cần vương không có kết quả tốt đẹp, giới trí thức thấy cần phải gây phong-trào dân-tộc, xây dựng bằng văn-hóa và chính-trị. Họ xét thấy cần phải vận động để đạt mục đích dân-tộc cách-mệnh giải phóng

đất nước. Đứng đầu phong trào là Phan-bội-Châu, hiệu Sào-Nam người làng Đan-nhiêm, huyện Nam-dân, Nghệ-An. Ông sinh năm 1867, là con một gia-đình nông dân. Năm 18 tuổi, ông lập ra « Học-sinh nghĩa-dũng-đoàn » hưởng ứng chiếu cần-vương, nhưng chẳng bao lâu nghĩa-đoàn tan vỡ, ông lui về đọc sách. Năm 1900 (33 tuổi) ông thi hương, đỗ thủ khoa, nghĩa là đỗ đầu kỳ thi của tất cả học trò miền Trung. Phan-dinh-Phùng vừa mất, ông nhận thấy sự vô hiệu quả của phong-trào Cần-Vương, nên năm 1902, ông thu thập đồng-chí trong hàng ngũ Văn-Thân Cần-Vương cũ. Năm 1904 ông vào Quảng-Nam gặp Tăng-bạt-Hồ, lập hội Duy-Tân, mời một người dòng dõi nhà vua là Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề làm hội-chủ.

Hội Duy-Tân nhằm mục-dịch truyền-bá tư-tưởng mới, kích-thích tinh-thần nhân-dân để tiến đến cách-mạng dân-tộc. Sĩ-phu trong nước hưởng-ứng rất đông, trong số đó có các ông Phan-chu-Trinh, Đặng-thái-Thân, Đặng-nguyên-Cần, Ngô-đức-Kế, Huỳnh-thúc-Kháng, Trần-quý-Cáp, Nguyễn-thượng-Hiền, Lương-ngọc-Can. Các chi-sĩ chủ-trương muốn hành-động phải có quân giỏi và sự cứu giúp của nước ngoài. Năm 1905 Phan-bội-Châu, Đặng-tử-Kính, Tăng-bạt-Hồ qua Tàu rồi sang Nhật vì người Nhật vừa thắng người Nga.

Ở Nhật, Phan-bội-Châu được Lương-khải-Siêu giới thiệu với các nhân vật trọng yếu của nước Nhật. Các nhân vật này như Khuyến-dưỡng-Nghị, Bá tước Đại-Ôi khuyên nên đưa Cường-Đề ra ngoài. Phan-bội-Châu trở về nước, mời Phan-châu-Trinh qua Nhật, còn Đặng-tử-Kính cùng Cường-Đề đến năm 1906 mới xuất dương.

ĐÔNG-KINH-NGHĨA-THỰC.— Trường này của hội Duy-Tân mở ở phố hàng Đào, Hà-nội. Giám đốc là Nguyễn-Quyền, các giáo sư là Ngô-đức-Kế, Hoàng-tăng-Bí, Lương-ngọc-Can. Nhà trường chuyên dạy ba thứ Pháp, Hán, Việt văn, không lấy tiền. Mục đích chính của nhà trường là truyền bá tư tưởng Duy-tân mà các nhà chí sĩ đã học được trong các sách của người Tàu (Lương-khải-Siêu, Khang-hữu-Vi) đã dịch hoặc trước thuật theo các sách Âu-Tây, cảnh tỉnh đồng bào, khuyến khích thanh niên xuất dương du học. Các giáo sư trong trường có liên lạc với Đề-Thám.

Hoạt-động của Phan-bội-Châu ở Hương-cảng là cùng các Việt-kiều lập « Thương-đoàn công-hội » làm cơ quan tuyên

truyền. Ở trong Nam thì có Gin-be-Chieu mở hội buôn để giúp về tái chính. Hồi đó Phong-trào cách-mạng đã sôi nổi, số học-sinh xuất dương đã có tới vài trăm người, trong nước luôn luôn có những cuộc nổi lên chống chính sách Pháp.

II) PHAN-CHU-TRINH VỚI VIỆC CẢI CÁCH CHÍNH TRI NỘI BỘ:

Phan-chu-Trinh, hiệu Tây-Hồ, tự là Hy-mã, người làng Tây-lộc, huyện Hà-đông (nay là phủ Tam-kỳ) Quảng-Nam. Thuở trẻ, ông rất hiếu học, năm 1900, ông thi đậu cử-nhân rồi thi Hội đỗ Phó bảng, được bổ Thừa-Biện, một chức nhỏ ở Bộ.

Phan-châu-Trinh được đọc các sách về Âu-Tây của Khang, Lương (Trung-quốc) nhìn lại nước nhà, thấy quan liêu là bọn hủ-lậu, liền từ quan về tìm đồng chí cổ động việc Duy-tân. Nhứt thắng Nga càng làm cho Phan-châu-Trinh và các đồng chí phấn khởi. Ông đã gặp Phan-sào-Nam từ năm 1904 và đã cùng Sào-Nam qua Nhứt.

PHONG TRÀO DUY-TÂN PHÁT ĐỘNG: Phong trào Duy Tân, với Kỳ-ngoại-Hầu Cường-Đề làm minh chủ được các Đồng chí của ông Phan-châu-Trinh phát động mạnh mẽ ở Trung. Các ông cho rằng nếu nước nhà không cải cách Duy-tân, không sao thoát ách nô-lệ. Các ông cũng mở trường dạy nền học mới, và Phan-chu-Trinh gửi kiến nghị yêu cầu Chính-phủ Pháp nghĩ đến việc đổi mới chính trị, theo nền dân-chủ, mở mang việc học mới, đưa dân đến chỗ [văn-minh Phan-chu-Trinh vào Nam, ra Bắc, cổ động phong trào mới. Ở Bắc, ông diễn thuyết tại Hà-nội (Đông-kinh nghĩa-thực) vào năm 1907, lúc nào cũng chủ trương: Duy-tân bất bạo động.

BIỂU TÌNH XIN MIỄN THUẾ: Năm 1908, vì Phong-trào Duy-tân, có xảy ra ít việc bạo động: biểu tình xin giảm thuế ở Quảng-Nam, Bình-Định, có một bọn kéo nhau đi đường gặp ai mặc áo dài họ sé ngắn, ai để tóc họ cắt đi rồi bắt nhập bọn biểu-tình.

NGƯỜI PHÁP ĐÀN ÁP.— Trong khi ở Trung xảy ra biểu-tình, ở Bắc có vụ « đầu độc trại lính Tây ». Người Pháp liền đề ý và thẳng tay đàn áp: a) Trong nước: Đông-kinh nghĩa-thực bị giải-tán, các giảng-viên bị đẩy Côn-Đảo (Ngô-đức-Kế, Lương-ngọc-Can, Hoàng-tăng-Bí v.v...) Vì vụ giảm thuế Trần-quý-Cáp bị xử chém ngang lưng, Phan-chu-Trinh bị án tử hình

nhưng sau nhờ có Hội Nhân-Quyền can thiệp bị đẩy ra Côn-Đảo cùng các chiến-sĩ trong tổ-chức của Trần-cao-Vân.— Ba năm sau được tha ra và đưa qua Pháp. Đến 1925, Phan-chu-Trinh được tha về Saigon nhưng chẳng được mấy ngày thì từ trần ;

b) Ở ngoài nước : năm 1910 Pháp ký một thương-uớc với Nhật, có khoản yêu cầu Nhật trục xuất Cường-Đề, Phan-bội-Châu. Việt-Nam Quang-phục hội.— Bị trục xuất khỏi Nhật-Bản Phan-bội-Châu đưa các đồng chí sang Tàu nương tựa đảng Cách-mạng Trung-Hoa. Ít lâu sau ông qua Xiêm hoạt-động, nhưng đến năm 1911, khi Cách-mạng thành công ở Trung-quốc, ông lại trở về đây. Năm 1910, ông phái Đặng-tử-Mẫn sang Nhật mua 500 khẩu súng trường để gửi cho Đê-Thám, nhưng vận-tải khó khăn nên việc không thành. Hội Duy-Tân tan rã và Việt-Nam Quang Phục hội, có tính cách chính-trị rõ rệt, thành lập.

Năm 1913, xảy ra vụ ném bom ở một khu tại Hà-nội, mấy sĩ quan Pháp thiệt mạng ; lại còn vụ ném bom giết viên tuần phủ Thái-bình là Nguyễn-duy-Hàn. Nhân các vụ đó, Phan-bội-Châu và Cường-Đề bị xử tử vắng mặt. Cuối năm ấy toàn quyền Đông-Dương, lợi dụng lòng tham của viên Tổng-đốc Quảng-Đông là Long-tế-Quang, nhờ bắt Phan-bội-Châu. Long-tế-Quang thi hành việc ấy và Phan-bội-Châu bị giam đến năm 1917 mới được thả ra. Trong năm ấy ông phái ngay Nguyễn-hải-Thần về giúp Đội-Cần vừa khởi nghĩa ở Thái Nguyên (Bắc-Việt). Sau đó ông vẫn tiếp tục hoạt-động ở Nhật-Bản và Trung-Hoa (Vân-Nam, Quảng-Đông, Thượng-Hải, Hàng-Châu).

Tháng 6 năm 1925, Phan-bội-Châu bị bắt ở Tô-giới Thượng-Hải, rồi đưa về nước. Dân chúng nhiệt-liệt biểu-tình đòi người Pháp thả ông ra, nên ông được ra khỏi khám Hỏa lò, về ở Thanh-Hóa, rồi sau ở Huế.

Ông mất năm 1940. Trong thời kỳ bốn ba ở ngoài, ông đã viết nhiều sách bằng chữ Hán đề thức tỉnh quốc-dân.

KẾT LUẬN.— Phong-trào Duy-Tân và Cách-mạng dân-tộc tuy chưa thành công nhưng đã gây trong quốc-dân lòng kiên-quyết đấu tranh và một tinh thần quốc-gia mạnh-mẽ.

BÀI THỨ MƯỜI LĂM

CÁC CUỘC GIẢI-PHÓNG DÂN-TỘC Ở BẮC — TRUNG VÀ NAM Ở ĐẦU THẾ KỶ THỨ XX

I. — DÀN BÀI

1) Nguyên do : tinh-thần tranh-đấu của dân-tộc Việt-Nam đòi lại độc-lập và thống-nhất.

2) Các cuộc khởi nghĩa ở Bắc.

a) Vụ đầu độc 1908

b) Vụ khởi nghĩa Thái-Nguyên (1917)

c) Tiếng bom Sa-điện (1923)

d) Vụ khởi-nghĩa Yên-Báy (1930)

đ) Vụ khởi-nghĩa Lạng-Son (1940)

e) Các đảng phái Cách-Mạng (1940 — 1945).

3) Các cuộc khởi-nghĩa ở Trung :

a) Cuộc biểu-tình ở Quảng-Nam (1908)

b) Cuộc khởi-nghĩa của vua Duy-Tân và hai chí-sĩ Thái-Phiên và Trần-cao-Vân (1916)

c) Sự thành lập các đảng Cách-Mạng của các lãnh-tụ Đông-Kinh Nghĩa-Thục (1926).

4) Các cuộc khởi-nghĩa ở Nam.

a) Âm-mưu khởi-nghĩa Gò-Công (1911)

b) Âm-mưu Cách-Mạng do Gilbert Chiêu cầm đầu (1913)

c) Cuộc phá khám lớn Saigon (1916)

d) Việc học sinh toàn quốc bãi khóa (1926)

II. — BÀI GIẢNG

Sau khi ký hòa-ước Pa-tơ-nốt (1884) nền độc-lập của Việt-Nam bị mất hẳn về tay thực-dân Pháp. Nhưng tinh-thần tranh-đấu của dân-tộc Việt-Nam thật bền bỉ. Trong 80 năm bị đô-hộ, các cuộc vận-động giải-phóng dân-tộc hoặc công khai, hoặc ngầm-ngầm kế tiếp không ngừng,

Sau đây là những cuộc khởi nghĩa đầu thế kỷ thứ XX,

1.— Ở BẮC

1) VỤ ĐẦU ĐỘC 1908.— Năm 1908, một nhóm nhân sĩ trong nước (Lê-Đại, Vũ-Hoàng, Tú-Quyền, Dương-bá-Trạc v.v.) thông tư với quân đội trong thành Hà-Nội đầu độc sĩ quan Pháp để cho Đề-Thám đem quân về hạ thành Hà-Nội. Song việc bị vỡ lở và thất bại. Quân Pháp thấy thế quyết đánh phá quân của Đề-Thám ở Yên-Thế (1909-1910). Khoảng 1913 Đề-Thám bị quân Pháp thuê người ám-sát.

2) VỤ KHỞI NGHĨA THÁI-NGUYỄN (1917).— Năm 1917, nhà cách-mạng Lương-ngọc-Quyến bị bắt ở Hương-Cảng đưa về giam giữ ở Thái-Nguyên. Được viên đội Trịnh-văn-Cẩn cầm đầu, quân cách mệnh khởi nghĩa đêm hôm 31-8-1917, phá nhà giam, kéo cờ Việt-Nam, chiếm giữ tỉnh thành được 3 ngày. Sau bị quân Pháp tiến đánh. Lương-ngọc-Quyến tự tử còn các chiến sĩ rút vào rừng trong vùng Tam-Đảo, Yên-Thế. Sau quân ta phải tan rã vì lực lượng kém và Đội Cẩn tự tử để khỏi sa tay quân địch.

3) TIẾNG BOM SA-ĐIỆN.— (1923) Năm-1923, Toàn quyền Méc-lanh đi công vụ ở Nhật-Bản về qua Quảng-Châu được kiều dân Pháp đãi tiệc tại một khách-sạn lớn ở tô-giới Sa-Điện tối hôm 19 tháng 6. Thanh-niên chí-sĩ Phạm-hồng-Thái ném bom đình giết toàn-quyền Méc-lanh, nhưng không may, giết hụt. Phạm-hồng-Thái nhảy xuống sông Châu-Giang tự tử. Người Trung-Hoa cầm cái nghĩa-khi của người thiếu-niên ái-quốc bèn vớt sác lên tâng đối diện với mộ 72 nhà cách-mạng Trung-Hoa. Vụ này có ảnh-hưởng rất lớn thúc đẩy nhiều đoàn-thể cách-mạng hoạt-động.

4) VỤ KHỞI-NGHĨA YÊN-BÁY (1930) Đảng cách mạng Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng thành lập từ năm 1927 do nhà cách-mạng Nguyễn-thái Học lãnh đạo cùng với Nguyễn-khắc-Nhu và Phó-đức-Chính. Tháng 2 năm 1930, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng khởi nghĩa tại nhiều nơi (Yên-Báy, Phú-Thọ, Kiến-An, Hải-Dương v.v.) song đều bị thất bại. Nguyễn-thái-Học và 12 đồng chí đều bị bắt và chém ở Yên-Báy ngày 17-6-1930. Cuộc khởi nghĩa của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng ở Yên-Báy là cuộc khởi-nghĩa có tiếng vang dội nhất trong các cuộc cách-mạng ở Bắc.

5) CUỘC KHỞI-NGHĨA LẠNG-SƠN (1940).— Năm 1940 nhân quân đội Nhật-Bản sang chiếm đóng Đông-Dương ; Phục-

quốc-quân do Trần-trung-Lập và Đoàn-kiêm-Điềm chỉ huy chiếm đóng Lạng-Son. Sau bị Nhật phản bội và tan rã. Trần-trung-Lập bị bắt và xử tử ở Lạng-Son.

6) TỪ 1940 ĐẾN 1945.— Trong nước có rất nhiều đảng phái nổi lên : đảng Đại-Việt Quốc-Xã, đảng Đại-Việt Quốc-Gia Liê-Minh, và quan-trọng nhất là đảng Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Minh-Hội do cụ Nguyễn-hải-Thần lãnh đạo. Cụ Nguyễn-hải-Thần trong hồi đại chiến-tranh (1914-1918) đã cùng cụ Phan-bội-Châu kéo quân đánh Lạng-Son. Những đảng phái đó đều có mục-đích đòi hỏi Việt-Nam được thống-nhất và độc-lập thật sự song cũng đều tan rã dần.

II Ở TRUNG

1) CÁC CUỘC BIỂU-TÌNH Ở TRUNG.— Đồng thời với vụ đầu độc năm 1908 ở Bắc, thì ở hầu khắp các tỉnh Trung-Kỳ nhất và mấy tỉnh Bình-Định, Quảng-Nghĩa, Quảng-Nam phát ra những cuộc biểu-tình dân chúng yêu-cầu bãi bỏ sưu thuế. Chính quyền thực-dân nghi nhóm Phan-chu-Trinh xúi giục liền bắt ông và ông Trần-quý-Cáp, Ông Phan-chu-Trinh bị đẩy đi Côn-Đảo, còn ông Nghè-Cáp xử tử tại Nha-Trang.

2) VUA DUY-TÂN KHỞI NGHĨA 1916.— Năm 1916, vua Duy-Tân và 2 chi sĩ Thái-Phiên và Trần-cao-Vân mưu khởi nghĩa ở Huế. Việc bị bại lộ, vua Duy-Tân bị bắt và đẩy ra đảo Ré-uy-ni-ông còn 2 chi-sĩ Thái-Phiên và Trần-cao-Vân bị xử tử.

3) NĂM 1926.— Các lãnh tụ Đông-Kinh Nghĩa-Thục được trở về nước, lập ra đảng Phục-Việt và Thanh-niên cách-mạng đồng-chí hội để chống Pháp. Hai đảng hoạt-động ở Nghệ-Tĩnh và Saigon, song đều thất bại.

III Ở NAM

1) ÂM-MUU KHỞI-NGHĨA GÒ-CÔNG (1911).— Một âm-mưu chính-trị đã bị phát giác ở Gò-Công hồi tháng 6 năm 1911 mục-đích là giết hết người Tây trong tỉnh và chiếm lấy tỉnh lỵ, và bị thất bại.

2) NĂM 1913, LẠI CÓ ÂM MUU CÁCH-MẠNG.— Do ông Gin-be-Chiêu cầm đầu, sau bị thất bại, nhiều đảng viên bị xử-tử và cầm giam.

3) CUỘC PHÁ KHÁM LỚN SAIGON.— Năm 1916, một nhóm chí-sĩ mưu cuộc khởi-nghĩa và có cuộc đánh phá khám lớn Saigon. Kết quả rất nhiều đảng viên bị bắt.

4) VIỆC HỌC SINH BÃI KHÓA (1926).— Sau khi Phan-tây-Hồ tiên sinh mất tại Saigon, phong-trào học sinh bãi khóa tự động làm lễ truy-diệu Tây-Hồ lan khắp trong nước.

CÂU HỎI.— Nói nguyên do các cuộc khởi nghĩa đầu thế kỷ XX? Ở Bắc có những cuộc khởi nghĩa nào đáng kể nhất? Và cuộc khởi-nghĩa nào quan-trọng nhất? Có những đảng phái nào nổi lên từ năm 1940 đến 1945? Ở Trung, có những cuộc khởi nghĩa nào đáng kể? Và có cuộc biểu tình ở đâu? Ở Nam, đã có những âm mưu cách-mạng nào? Tại sao học sinh khắp nơi bãi khóa năm 1926?

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

SỰ PHẢN BỘI CỦA MẶT TRẬN VIỆT-MINH VÀ NHỮNG TỘI ÁC CỦA VIỆT-CÔNG

I.— DÀN BÀI

- 1) Sự phản bội của Mặt trận Việt-Minh.
- 2) Những tội ác của Việt-Cộng (về Chính-trị, Kinh-tế, Tôn-giáo, Giáo-dục).
- 3) Phần kết luận.

II.— BÀI GIẢNG

(1)— SỰ PHẢN BỘI CỦA MẶT TRẬN VIỆT MINH : Ngày 14-8-1945, Nhật-bản đầu hàng Đồng-Minh thì chính quyền Bắc-Việt đã lọt ngay vào tay Mặt Trận Việt-Minh. Sự thành công của Việt-Minh ở Bắc-Việt vừa xong thì ở Trung và ở Nam, lòng người cũng nghiêng theo.

Nói các Trần-trọng-Kim từ chức, Bảo-đại thoái vị.

Đề lừa bịp quần chúng, Đông-Dương Cộng-sản-đảng đã khôn khéo nắn hình sau bình-phong quốc-gia để lãnh đạo nhân dân theo khẩu-hiệu « đánh Nhật đuổi Pháp » lợi dụng xương máu của đồng-bào để đối phó với những phe đảng đối lập.

Lúc ban đầu, Việt-Minh có cho bầu cử Quốc-hội lâm-thời và có ban bố một bản Hiến-Pháp tạm thời theo đường lối dân-chủ Cộng-Hòa. Nhưng không được bao lâu, quân Pháp đổ bộ

lên Bắc-Việt, thì chính-phủ Kháng-chiến ra đời, không thi hành Hiến-Pháp tạm thời nữa và tiến dần vào con đường Cộng-sản chuyên-chế.

Từ 1953, đã bắt đầu chính-sách đấu tố và phân chia điền địa. Thế là Việt-Minh biến thành Việt-Cộng. Sau trận Điện-biên-phủ, nhờ có Nga, Hoa giúp sức, Việt-Cộng đã thắng trận. Người Pháp phải ký hiệp-ước Giơ-neo chia đôi lãnh-thổ Việt-Nam.

Việt-Minh đã phản bội nhân-dân, phần nhiều chỉ mong được độc-lập và tự-do. Biết bao thanh-niên đã hy sinh xương máu cho đất nước.

2) NHỮNG TỘI ÁC CỦA VIỆT-CỘNG: Những tội ác của chúng rất nhiều, không sao kể siết ! Bản cáo trạng về những tội ác của Việt Cộng có thể xếp thành nhiều loại như sau : chính-trị, kinh-tế, tôn-giáo và giáo-dục.

a) CHÍNH TRỊ.— Với chính sách độc-tài đảng trị giai cấp, đấu tranh, chúng đã đàn áp nhân dân ở Bắc-Việt một cách cực kỳ dã man. Những chủ trương vô gia-đình, vô tổ-pước, vô tôn giáo là những mục tiêu của bè lũ Việt-Cộng. Chúng lại nêu ra những phong trào đấu tố và giai cấp đấu tranh để dễ cai-trị và bóc-lột. Để thực hiện mưu « vô sản hóa nhân dân », chúng còn nêu ra những khẩu hiệu : « đả đảo trí, phú, địa, hào » để hành hạ đồng bào.

Chúng hãm hại những chiến sĩ có tinh-thần quốc-gia. Chúng có những hành-động dã-man, tàn-sát ghê tởm để giết người một cách kín đáo và tinh vi. Người dân Việt lúc nào cũng nơm nớp lo sợ cho số phận của mình.

Sống dưới chế-độ áp-bức và độc-tài của Việt-Cộng, người dân mất hết giá-trị con người. Mọi người phải hy sinh hết khả năng để phụng sự cho đảng.

b) KINH-TẾ.— Để bóc-lột nhân-dân, Việt-Cộng đã đặt ra nhiều thứ thuế với nhiều hình thức khác nhau như : thuế tồn kho, thuế nông-nghiệp, thuế công nghiệp, thuế xuất nhập cảng.

Đầu năm 1955, Việt-Cộng đã ban hành thêm 12 thứ thuế khác nữa. Chính-sách quá tàn bạo của Việt-Cộng đã khiến nhân-dân lâm vào tình-trạng đói rét khổ sở.

Để thực-hành chính-sách « vô-sản-hóa quần chúng » chúng đã thực-hành chế-độ mậu-dịch quốc-doanh để cạnh tranh với

thường dân. Chính sách dân-công đã làm cho nhiều người chết một cách thê-thảm.

c) TÔN-GIAO.— Với chủ trương « Vô tôn giáo » Việt-Cộng tìm hết cách để triệt các tín-đồ, các tu-sĩ, các giáo-phái, giam giữ, đánh đập và đưa đi tù đầy các linh-mục, tu-sĩ, giải tán các nhà Dòng, cưỡng ép con chiên tố cáo các linh-mục, đốt phá đình chùa, giáo-đường.

Ngoài ra, Việt-Cộng còn kết tội các linh-mục là những người phản lại xứ sở.

d) GIÁO DỤC.— Thanh-niên và Học-sinh ở Bắc-Việt hiện nay là nạn nhân của chế-độ Giáo-dục Việt-Cộng độc ác và dã man. Việt Cộng lợi dụng tâm hồn trong trắng của thanh thiếu-niên để tuyên truyền chủ-nghĩa Cộng-sản. Trong học-đường, các lớp không có một chương trình đầy đủ, các giờ chính-trị được chiếm hết các giờ khác. Học sinh lại phải tham gia nhiều công-tác khác nữa và còn phải chia rẽ thành phần để họ thù ghét lẫn nhau.

Các học-sinh phải tự khai lý-lịch của mình từ đời cha ông trở xuống và nhất là sinh hoạt hàng ngày ở trong gia-đình.

Việt-Cộng bắt thanh thiếu niên luôn luôn có ý tưởng thờ phụng Nga-Hoa, bắt họ phỉ báng các vị anh-hùng dân-tộc của nước nhà là phong-kiến, bắt họ phải học lịch-sử và địa-lý của Nga-Sô, Trung-Cộng.

Chúng sui dục học sinh tòng quân, lại lợi dụng thị hiếu của họ, tổ chức những cuộc liên-hoan nhảy múa để làm cho học sinh say mê dọ lạc.

Hiện nay có nhiều gia-đình khổn khổ vì con đã thẳng tay tố khổ cha mẹ.

Phong-hóa suy đồi, nhân-tâm đảo ngược, không còn thiên-tính của con người, không còn có tôn ty trật tự gì ở trong xã-hội.

3) KẾT-LUẬN!— Tóm lại, âm-mưu chia rẽ đất đai của Việt-Cộng phản lại quyền lợi của nhân-dân, sự ngoan cố vận động Tổng-tuyên-cử và sự vận động quan-hệ bình-thường đều

có mục-đích để thôn tính nốt miền Nam nước Việt dâng cho Nga, Tàu.

Làm người Việt-Nam yêu nước, không thể thờ ơ lãnh đạm với chính sách bạo tàn của Cộng-sản. Chính-sách độc-tài, đảng-trị của Cộng-sản sẽ dẫn dân-tộc đi vào con đường thoái hóa, nô lệ, cho nên chúng ta phải hăng hái tố cáo mọi mưu-mô xảo trá của Việt-Cộng trước Thế Giới Tự-do để tố là dân-tộc Việt-Nam luôn luôn chống mọi áp bức để tranh đấu độc-lập và bảo-vệ tự-do dân-chủ. Lãnh-thổ Việt-Nam của ông cha để lại với bốn nghìn năm lịch-sử, Nam-Bắc một nhà, anh em ruột thịt phải được thống-nhất và độc-lập dưới một chế-độ tự-do dân-chủ.

CÂU HỎI.— 1) Mặt trận Việt-Minh lên nắm chính-quyền như thế nào ? 2) Mặt trận Việt-minh có phải chỉ có những đảng viên Cộng-sản không ? 3) Việt-Minh đã biến hình và lừa bịp dân chúng như thế nào ? 4) Hãy kể những thủ-đoạn tàn bạo và dã-man của chúng về chính-trị, về kinh-tế, về tôn-giáo và về giáo-dục. 5) Bồn phận của chúng ta ngày nay phải thế nào ?

BÀI THỨ MƯƠI BẢY

NGÔ TỔNG-THỐNG VÀ NỀN CÔNG-HÒA VIỆT-NAM

I DÀN BÀI

I) Tiều-sử của Ngô Tổng-Thống

- a) Gia thế và Giáo-dục
- b) Đạo-đức Cách-mạng của Ngô Tổng-Thống
- c) Thân thế của Ngài :
- d) Những sự-nghiệp cứu-quốc của Ngài.

II) Nước Cộng-Hòa Việt-Nam

Lần giở những trang lịch-sử oai-hùng của nước Việt-Nam, chúng ta thấy rằng : mỗi khi bán-đảo Ấn-Độ China này gặp cơn sóng-gió, lòng dân xao-xuyến vì nạn ngoại-xâm vô đạo hay vì ách đô-hộ hung-tàn, thì khí thiêng của sông núi, huyết-thống của dân-tộc lại hun đúc nên những người tuấn-khiết với

đức lớn tài cao có thể diu-dắt giống nòi qua những bước nguy vong. Kế tiếp các vị anh-hùng cứu-quốc đời xưa, Ngô Tổng-Thống ngày nay thật xứng đáng là một vị cứu-tinh cho hơn hai mươi triệu đồng-bào chúng ta. Vây toàn-dân ghi ơn và lấy làm hành-diện có một nhân-vật lịch-sử như Ngài.

Những sự-nghiệp vẻ-vang, tinh-thần cách-mạng của Ngô Tổng-Thống đáng được quốc - dân khâm-phục và hậu-thế tôn-sùng,

Cụ Ngô-dinh-Diệm là vị Tổng-Thống đầu tiên của nước Cộng-Hòa Việt-Nam. Đời tư và đời công của người là nền đạo đức gương mẫu đáng được người đời bắt chước,

a) GIA-THỂ VÀ GIÁO-DỤC.— Ngô Tổng-Thống sinh vào ngày 3-1-1901 tại làng Đại-phong, trên vĩ-tuyến 17 ở miền duyên hải tỉnh Quảng-Bình (Trung-Việt).

Sinh trưởng trong một gia-đình nền-nếp nho-phong, Ngài đã được hấp thụ một nền giáo-dục cổ-truyền. Trong buổi thiếu thời, Ngài là một học-sinh chăm chỉ và thông-minh, có hai điều sở-thích là : thể-thao và đọc sách, tạo lập được một thư-viện có tới 10.000 quyển sách chọn-lọc và có giá-trị. Thân-phụ của Ngài là một vị quan thanh-liêm, đạo-đức nổi tiếng trung-trực và yêu nước : Cụ Ngô-dinh-Khả, một vị phụ-đạo đại-thần trong triều Thành-Thái. Cụ đã cương-quyết phản đối việc người Pháp truất-phế vua Thành-Thái, một vị Hoàng-Đế có óc Cách-mạng cứu-quốc, nên mới có câu thành-ngữ rằng : « Phế vua không Khả ».

Ngô Tổng-Thống sở dĩ có sự-nghiệp vẻ-vang ngày nay phần lớn là nhờ về giáo-dục gia-đình.

Ngoài sự đào tạo của gia-đình, Ngài còn được huấn-luyện theo tôn-chỉ của Thiên-Chúa-Giáo, tóm tắt trong hai chữ Công-bình và bác-ái.

b) ĐẠO-ĐỨC CÁCH-MẠNG CỦA NGÔ TỔNG-THỐNG.— Muốn lập được sự-nghiệp lớn-lao, người anh-hùng, nhà chinh-khách phải biết khắc-kỷ tu thân (thắng được mình, sửa được nết). Tinh người giản-dị, Hiêm-khiết không tham phú-quý, không màng danh-lợi, không khuất phục dưới oai quyền. Ý-chi của Ngài là triệt-để hy-sinh để cứu đất nước và tranh-đấu cho nền tự-do. Sống thanh-đạm khắc-khở, Ngài thắng cả tình-ái, vượt mọi dục-vọng, hy-sinh lạc-thú gia-đình để chỉ phụng-sự Cách-mạng Quốc-gia.

Ngài là tượng-trưng của danh-dự và sự ngay-thắng.

c) **THÂN-THIỆT CỦA NGÔ TỔNG-THỐNG.**— 16 tuổi, đỗ Tú-tài. 20 tuổi, tốt nghiệp ưu-hạng trường đại-học Hà-nội. Liền đó, Ngài vào Huế, nhận chức vụ trong tòa Thư-viện. Ngài rất am hiểu Việt-văn và Pháp, Anh Hoa-ngữ.

Chân tài của Ngài đã được đề ý và đưa vào những chức vụ hành-chính quan-trọng: Tri-Huyện, Tri-Phủ, **Tổng-Đốc** rồi đến **Thượng-Thư Bộ-Lại**, lúc Ngài vừa tới 30 tuổi.

Không nhần nhục được với chính-sách thực-dân Pháp định nô-lệ và đầu-độc dân-tộc đủ mọi phương-diện, Ngài phải từ chức.

Thời-kỳ quy-ẩn này lại là một dịp để Ngài chuẩn bị tinh thần và tư-tưởng cùng hoàn-hảo những phương-pháp tranh đấu sau này.

Trong 10 năm đây, Ngài đã nhiều phen từ khước tham gia các chính-phủ bù-nhìn: Chính-phủ thân Nhật (1945) Chính phủ Hồ-chí-Minh (1946) Các chính-phủ Bảo-Đại (từ năm 1948).

Mãi đến năm 1954, sau Hội-nghị giơ-neo, Ngài mới chịu đứng ra lập chính-phủ với ý định cứu vớt dân-tộc và tổ-quốc trong cơn sóng gió. Ngài về nước vào tháng sáu 1954. Tình trạng nước Việt-Nam lúc đó cực kỳ nghiêm trọng, chính là lúc nhà chí-sỹ bắt tay vào việc cứu-quốc.

d) **SỰ-NGHIỆP CỨU-QUỐC CỦA NGÔ TỔNG-THỐNG.**—

Với tài-năng và nghị-lực sẵn có, Ngô-Tổng-Thống lần lượt thực-hành những công-trình vĩ-dại:

1) Giải quyết một vấn-đề xã-hội, phi-thường trong thế-giới di-cư và định cư của gần một triệu đồng bào giữa lúc không có một phương tiện bên trong mà còn phải đương đầu với muôn ngàn áp-lực bên ngoài.

2) Chiến-thắng và cải-tạo những phần tử diên rồ phiến-loạn, vô kỷ luật trong đảng phái để cho chính-quyền được vững chắc, để cho toàn dân sống trong trật-tự và an-ninh.

3) Triệt đề chống Cộng-Sản, bài phong-kiến, diệt Thực dân, cải-tạo các cơ-quan Hành chính, Cách-mạng lỗi làm việc Phong-kiến, bài trừ thói nát, hối lộ, rượu chè, cờ bạc, mĩ-dâm thuốc phiện, tham tàn và bóc lột, chống nạn mù chữ và đặt nền tảng lãnh mạnh cho xã hội Việt-Nam.

4) Mở cuộc trưng cầu dân-ý để chấm dứt chế-độ quân-chủ và thành lập chế-độ Cộng-Hòa cho nước Việt-Nam.

Ngoài ra Ngô Tổng-Thống luôn luôn chú tâm đến việc thống-nhất lãnh thổ. Nếu ngày nay Chính-phủ quốc-gia chưa thực hiện được việc ấy cũng bởi bọn Việt-Cộng thiếu thành tâm thiện chí.

Rồi đây, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ngô-Tổng-Thống nước Cộng-Hòa Việt-Nam sẽ đi đến chỗ vinh quang và toàn dân sẽ được sống một đời đầy hạnh phúc. Toàn dân hãy ủng hộ và tin tưởng vào Ngài.

NỀN CỘNG-HÒA VIỆT-NAM : Do địa thế nối liền Trung-hoa lục địa với các nước ở Đông-Nam Châu-Á và cũng do có một dân số 23 triệu người với các nguồn lợi, như lúa, ngô, cao-su và nguyên liệu kỹ-nghệ rất là phong phú, nước Việt-Nam có một vị trí chiến lược hết sức quan trọng, vì số phận của nó sẽ định đoạt số phận của Đông-Nam-Á Cho nên Cộng-Sản Nga-Hoa cố bám riết vào Việt-Nam và cũng do đó mà khối dân-chủ cũng cương-quyết ủng hộ Quốc-Gia Việt-Nam.

Từ ngày 20-7-1954, ngày ký Hiệp-Uớc Giơ-neo, miền Việt-Bắc đặt dưới quyền thống-trị của bọn Cộng-Sản Nga-Hoa, còn miền Nam tự-do đã được hoàn toàn độc-lập về mọi phương diện: văn-hóa, ngoại-giao, quân-sự, kinh-tế.

Ở nước Cộng-Hòa Việt-Nam, Chính-phủ Ngô-dinh-Diệm đã thực hiện những nhiệm vụ phản Cộng-Sản, bài phong-kiến và ủng hộ Cách-mạng quốc-gia dân-chủ. Cho nên nhân-dân các vùng lâu nay sống dưới chế độ Cộng-Sản nay đã hưởng ứng chính-quyền Quốc-gia. Các giới tiểu tư-sản, tri-thức thương-nhân, tôn-giáo đều được giải-phóng thực sự. Các nông dân không bị đóng góp nặng nề về nhân lực và thuế má. Nhiều đảng-viên Cộng-Sản đã ra xuất-thứ.

Dưới chính-thể Cộng-Hòa, mọi người đều được sung sướng nhẹ nhàng vì không có giai-cấp đấu-tranh mà chỉ có sự điều hòa quyền lợi giữa các giai-cấp.

Nước Cộng-Hòa Việt-Nam lại được Quốc-tế nhiệt liệt ủng hộ: 39 nước thừa nhận; có chân trong nhiều tổ chức quốc-tế và Liên-Hiệp-Quốc; Mỹ-Quốc viện trợ rất nhiều để giúp nước ta kiến-thiết; Minh-ước phòng thủ Á-Châu, cam kết giúp ta chống lại mọi hình thức xâm-lăng của Cộng-Sản.

Tóm lại, nước Cộng-Hòa Việt-Nam hiện thời có một tình trạng rất khả quan ở trong nước cũng như ở ngoài nước, Chính

quyền của nước ta ngày nay do Ngô-Tổng-Thống lãnh đạo là của nhân-dân và phục-vụ nhân-dân, nên chúng ta là công-dân Việt-Nam có bổn phận bảo vệ nó, đặt hết tin tưởng vào nó và chống lại các lực lượng của bè lũ Cộng-Sản dã-man và bóc-lột.

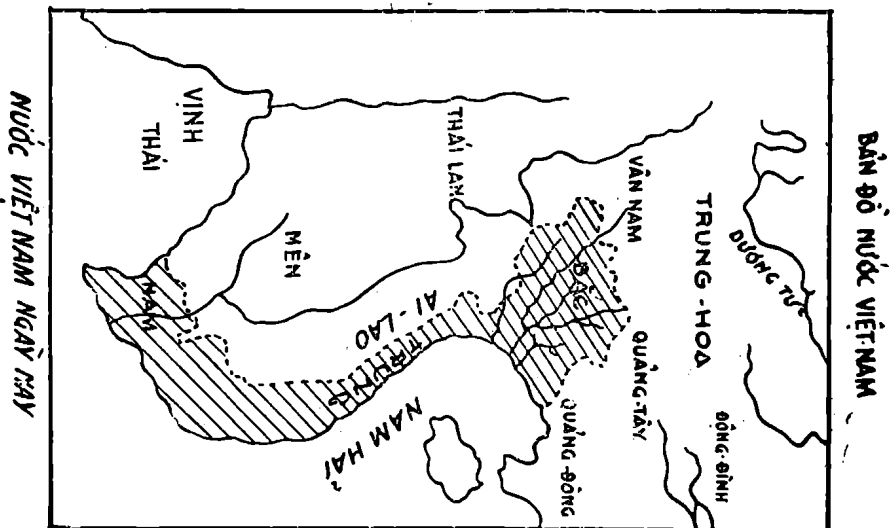
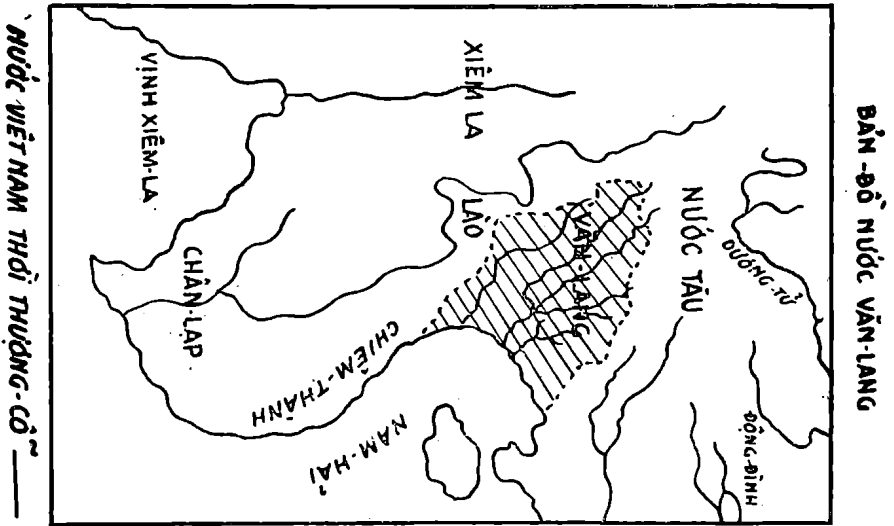
CÂU HỎI

- 1) Ai là vị Tổng-Thống đầu tiên của nước Cộng-Hòa Việt-Nam
- 2) Ngài sinh vào ngày nào và ở đâu?
- 3) Ngài được giáo dục và huấn-luyện thế nào?
- 4) Ngô Tổng-Thống có những đạo đức Cách-mạng thế nào?
- 5) Thân thế của Ngài ra sao?
- 6) Hãy nói những sự nghiệp cứu quốc của Ngài.
- 7) Tại sao nước Việt-Nam có một vị trí chiến-lược ở Đông-Nam Châu-Á.
- 8) Hiệp ước Giơ-neo ký vào ngày nào và có những hậu quả gì cho nhân dân Việt-Nam.
- 9) Ở nước Cộng-Hòa Việt-Nam, Chính-phủ Ngô-đình-Diệm đã thực hiện được những nhiệm-vụ gì?
- 10) Nước Cộng-Hòa Việt-Nam có được quốc-lẽ ủng-hộ không ?



NƯỚC VIỆT-NAM THỜI THUỘC-CỔ VÀ
NƯỚC VIỆT-NAM NGÀY NAY

(Tiếp bài thứ nhất trang bốn)



ĐỊA - LÝ

BÀI MỘT DẠY VẼ BẢN ĐỒ LỚP HỌC, TRƯỜNG HỌC VÀ LÀNG XÓM

A — DÀN BÀI:

- 1) *Bản đồ lớp học*
- 2) *Bản đồ trường học*
- 3) *Bản đồ xóm, làng*

B — BÀI GIẢNG

Để nhận rõ vị-trí, diện-tích, hình-thể của một nơi, ta phải vẽ bản đồ.

Người ta thường vẽ bản đồ một thửa ruộng, một căn nhà, một công-sở, một xóm, một làng, một quận, một tỉnh, một nước. Người ta còn vẽ bản đồ một đại-châu tức là một phần thế-giới, hoặc là vẽ bản đồ cả thế-giới.

Chúng ta hãy tập vẽ từ dễ đến khó. Bây giờ ta hãy vẽ bản đồ lớp học của chúng ta đây, rồi lần lượt chúng ta tập vẽ bản đồ trường học, xóm và làng chúng ta ở.

- 1) **BẢN ĐỒ LỚP HỌC.**— Vẽ bản đồ lớp học cần phải :
 - a) Nhận rõ lớp học hình gì? Mỗi cạnh dài bao nhiêu?
 - b) Nhận rõ mặt đẳng trước lớp học trông về phương nào?
 - c) Tính xem nên vẽ rút nhỏ mỗi cạnh lớp học bao nhiêu lần cho vừa.

Lớp học của chúng ta hình chữ nhật, bề dài 8m, bề rộng 6m. Nếu vẽ rút nhỏ mỗi cạnh 100 lần thì bề dài là 8cm, bề rộng là 6cm. Như vậy bản đồ sẽ trung bình, không lớn, không nhỏ.

Mặt đằng trước lớp học trông về phương Nam thì ta phải vẽ mặt đó xuống dưới, vì trông vào bản đồ, trên là phương Bắc, dưới là phương Nam, bên tay phải (tay mặt) là phương Đông, bên tay trái là phương Tây.

Những bức tường lớp học phải vẽ bằng hai vạch, những nơi có cửa sổ thì thay bằng nhiều chấm, nơi có cửa ra vào thì để trống (Xem bản đồ).

Vẽ xong lớp học, ta vẽ các đồ đạc bày trong lớp. Bàn thầy giáo kê về phía Đông, ở giữa. Bảng đen kê ở góc Đông-Bắc. Tủ sách kê ở góc Đông-Nam. Đằng trước bàn thầy giáo có hai dãy bàn ghế học trò, mỗi dãy 6 bộ.

Lớp học giáp những nơi nào cũng cần phải ghi rõ: phía Bắc là học-đường-viên, phía Nam là sân chơi, phía Đông và phía Tây là hai lớp học.

Ở bản đồ, người ta thường biên tỷ-lệ-xích để biết rõ bản đồ đã vẽ rút nhỏ đi bao nhiêu lần.

2) BẢN ĐỒ TRƯỜNG HỌC.— Bản đồ trường học cũng vẽ như bản đồ lớp học nhưng vẽ rút nhỏ hơn, độ $\frac{1}{1000}$ hay $\frac{1}{2000}$

— Hàng rào nào hoặc tường chạy xung quanh nhà trường hình dung bằng nét đơn.

— Phải vẽ tất cả các căn nhà chính và phụ thuộc ở trong giới hạn trường học, song không phải vẽ những đồ đạc ở các phòng.

3) BẢN ĐỒ XÓM, LÀNG.— Bản đồ xóm hoặc làng cũng vẽ như bản đồ trên, song phải vẽ rút nhỏ hơn nữa cho vừa khổ giấy.

(Dạy vẽ bản đồ xóm, làng, phải dùng bản đồ mẫu mà học trò sẽ tập vẽ rút nhỏ lại. Ông thầy có thể vừa giảng, vừa vẽ lần lần lên bảng để học trò vẽ theo).

— Giới hạn của xóm, làng thường hình dung bằng những chấm gạch . — . — . —

— Vẽ những đồi núi, sông, rạch, hồ, ao...

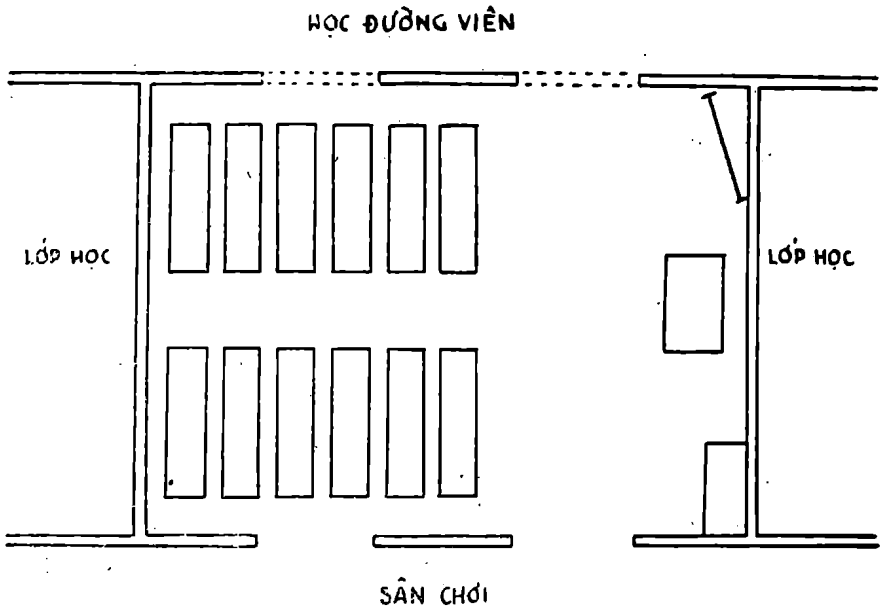
— Ghi rõ những vườn, ruộng, công-viên, những nơi có nhà ở, công-thự như nhà hội-đồng, trường học, nhà thờ, đình chùa, v.v...

— Vẽ những đường đi bằng hai vạch song-song.

— Những giới hạn xóm làng, những đồi-núi, sông, rạch, nếu được tô màu thì rõ ràng hơn.

BẢN ĐỒ LỚP HỌC

Tỷ lệ xích $\frac{1}{100}$



BÀI THỨ HAI

BẢN ĐỒ VIỆT-NAM

(Dạy vẽ và chỉ dẫn những điểm chính)

HƯỚNG DẪN

1) Vẽ một hình chữ nhật chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài rồi chia thành 15 ô vuông.

2) Vẽ các hình ký-hà (1, 2, 3, 4, 5)

Hình 1 là Bắc-Việt

Hình 2 là tỉnh Thanh-Hóa

Hình 3 là các tỉnh miền Bắc Trung-Việt

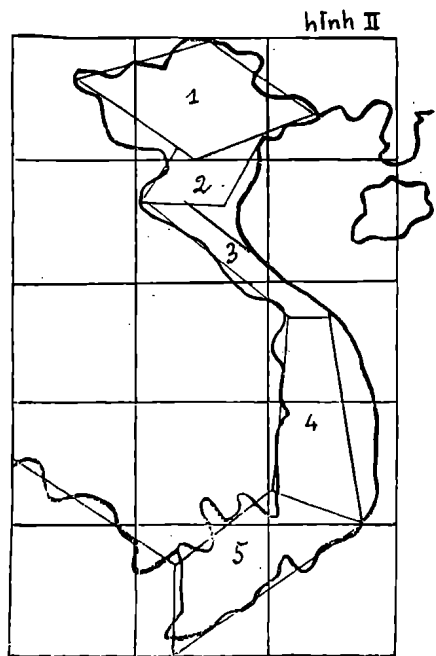
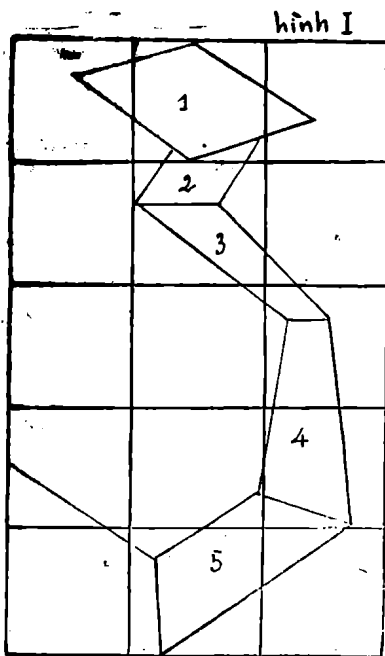
Hình 4 là các tỉnh miền Nam Trung-Việt

Hình 5 là Nam-Việt.

3) Dựa vào các hình ký-hà trên để vẽ bờ biển và đường biên-giới.

BẢN ĐỒ VIỆT-NAM

(DẠY CÁCH VẼ)



BÀI THỨ BA

VIỆT-NAM : VỊ-TRÍ — GIỚI-HẠN — DIỆN-TÍCH

DÀN BÀI

I. — Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích.

1) VỊ-TRÍ: Ở miền đông bán-đảo Hoa-Ấn.

2) GIỚI-HẠN: Giáp Trung-Hoa, Ai-Lao, Cao-Mên và biển Nam-Hải.

DIỆN-TÍCH: 330.000 km²

II. — Sự quan-hệ của vị-trí Việt-Nam ở miền Đông-Nam-Á.

1) Về phương-diện giao-thông.

2) — chiến-lược.

BÀI GIẢNG

I. — Vị-trí — Giới-hạn — Diện-tích

1) VỊ-TRÍ : Việt-Nam ở miền đông bán-đảo Hoa-Ấn (Trung Hoa — Ấn-Độ), miền đông-nam Á-châu, ven bờ biển Nam-Hải (Thái-Bình-Dương).

2) GIỚI-HẠN : Việt-Nam

Bắc giáp 3 tỉnh Trung-Hoa : Vân-Nam, Quảng-Tây và Quảng-Đông.

Đông và Nam giáp Vịnh Bắc-Việt, biển Nam-Hải và vịnh Thái-Lan.

Tây giáp Ai-Lao và Cao-Mên.

3) DIỆN-TÍCH :

a) Diện-tích nước Việt-Nam đo được 330.000 km², chia ra như sau :

Bắc Việt-Nam : 116.000 km²

Trung — : 150.000 km²

Nam — : 64.000 km²

b) So sánh :

Diện-tích Việt-Nam : $\frac{4}{3}$ diện-tích Ai-Lao

$\frac{5}{3}$ — Cao-Mên

$\frac{1}{140}$ — Châu-Á

$\frac{1}{1600}$ — Hoàn-cầu.

c) ĐẶC-ĐIỂM : Nước Việt-Nam dài và hẹp. Quãng giữa thắt lại, hai đầu phình ra. Đo thẳng từ Cao-Bằng đến Cà-Mâu được 1.650 km. Chỗ hẹp nhất ở quãng giữa chỉ đo được 150 km. Khắp nước không chỗ nào xa biển quá 550 km.

Núi và Cao-Nguyên chiếm $\frac{3}{4}$ diện-tích toàn-quốc.

Bình-Nguyên chiếm $\frac{1}{4}$.

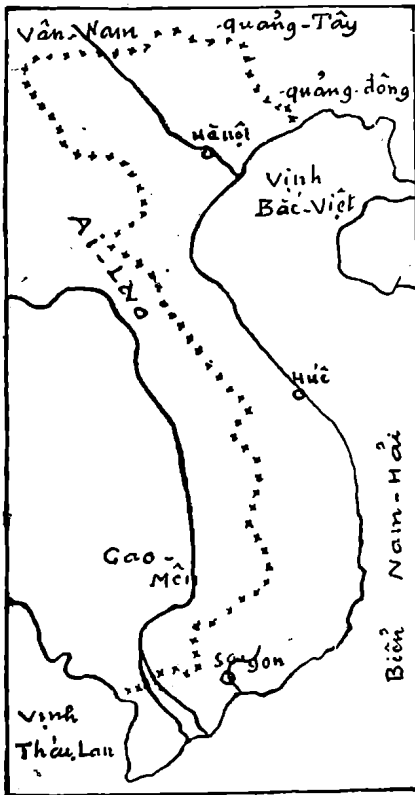
II. — Sự quan-hệ của vị-trí Việt-Nam ở miền Đông-Nam-Á.

1) VỀ PHƯƠNG-DIỆN GIAO-THÔNG :

Các tàu bè và phi-cơ từ Viễn-Đông sang Ấn-Độ, Phi-Châu, Âu-Châu; từ Mỹ-Châu sang Diến-Điện, Ấn-Độ đều phải dùng đến các hải-cảng và phi-trường Việt-Nam làm căn-cứ.

Việt-Nam là cửa ngõ miền Hoa-Nam, Ai-Lao và Cao Mên. Các hàng-hóa xuất nhập-cảng của Mên, Lào phần nhiều qua

BẢN ĐỒ VIỆT-NAM



thương - cảng Saigon.

2) VỀ PHƯƠNG-DIỆN CHIẾN-LƯỢC:

Các chiến-lược-gia quốc-tế đều cho rằng nước Việt-Nam là cái « bao lơn trên Thái-Bình-Dương ». Nếu có chiến tranh Việt-Nam sẽ là căn-cứ địa cho không-quân để hoạt động khắp miền Đông-Nam-Á. Nhờ có những vịnh quân sự như Cam-Ranh bờ biển Việt-Nam có thể dùng làm nơi hoạt-động cho tất cả các loại tàu chiến tối tân.

X
X X

BÀI THỨ BỐN VIỆT-NAM: NÚI VÀ ĐỒNG BẰNG.

I.— DÀN BÀI

I.— Núi và Cao-Nguyên

- a) Miền Thượng du Bắc-Việt.
- b) Dây núi Tràn-Sơn.

II.— Đồng-bằng Bắc-Việt

- Trung-Việt
- Nam-Việt

I.— Núi và Cao-Nguyên.

Nước ta có nhiều núi và Cao-Nguyên chia làm hai miền.

1) Thượng du Bắc-Việt.

2) Dãy Tráng-Sơn.

a) MIỀN THƯỢNG-DU BẮC-VIỆT: Miền này gồm những Cao-Nguyên lớn, núi cao, rừng rậm lan khắp phía bắc và phía tây chiếm quá 4/5 diện-tích Bắc-Việt.

Những dãy núi xòe ra như những nan quạt mà nhai quạt là một điểm ở núi Tam-Đảo. Từ Tây sang Đông có 5 dãy núi chính ;

1) Dãy Nhị-Đà (ở giữa sông Nhị và sông Đà) là dãy núi hùng-vĩ nhất đoạn trên có ngọn Hoàng-Liên-Sơn (tức Fan-si-Pan) 3142m cao nhất Việt-Nam.

2) dãy sông Gầm có núi Phia-da (Pia-ga) cao 1970m Trong miền này có hồ Ba-Bể là một thắng cảnh của nước ta.

3) Dãy Ngân sơn có núi Phia uất (Pia-ouac) cao 1930m Rạng này có mỏ thiếc.

4) Dãy Bắc sơn hay Cai-Kinh là một rặng núi Đá vôi tiếp giáp với sông Thương.

5) Dãy Đông-Triều chạy từ Phủ Lạng-Thương đến Mon-cay có nhiều mỏ than đá.

Ở biên giới Hoa-Việt có những cao-nguyên như cao-nguyên Pa-Kha, cao-nguyên sông Chảy, cao-nguyên Pou-tha-ca, cao-nguyên Đồng-quan.

Ngoài ra, miền Trung-du Bắc-Việt có những đồi núi thấp như Tam-Đảo, Yên-thế, Ba-vì.

b) DẪY TRÁNG-SƠN : Dãy Tráng-sơn chạy từ thượng Lào đến Việt-Nam, chiếm gần hết đất-đai Trung-Việt, gồm có nhiều rặng núi kế-tiếp nhau. Dãy Tráng-sơn hình cánh cung quay lưng ra biển Nam-Hải, sườn về phía biển thì dốc thẳng còn về phía Ai-lao thì thoải-thoải. Dãy núi này không cao lắm (ngọn cao nhất chừng 2000m) và bị cắt ra làm nhiều đoạn bởi những đèo Hợp-Hàm, Quý-Hợp, Mụ-già, Lao-Bảo, An-Khê Đốc-ca, v.v.. quan-trọng nhất là đèo Lao-Bảo vì nó thấp và là một con đường giao thông tiện lợi từ Trung-việt sang Ai-lao,

Dãy Tráng-sơn có nhiều ngành đâm ngang ra biển, chia Trung-Việt làm nhiều ngăn những ngăn này thông với nhau

bằng những đèo, như Đèo-Ngang, đèo Hải-Vân, đèo Cánh Sừng.

Về phía Nam, Dãy Trảng-sơn chạy gần sát biển, miền bên trong lan thành những cao-nguyên rộng như : cao-nguyên Công-tum, Di-Linh, Đắc-Lắc, Lâm-viên. Những cao-nguyên này gọi là Cao-nguyên Miền Nam vì thổ dân là đồng-bào Thượng.

Miền cao-nguyên này thấp dần dần xuống và lan xuống địa-hạt Nam Việt với những ngọn núi thấp như núi Bà-đen núi Chùa-chang,

II.— ĐỒNG BẰNG

Đồng-bằng nước ta chia làm 3 miền rõ-rệt :

- 1) Đồng-bằng Bắc-Việt.
- 2) Đồng-bằng Trung-Việt.
- 3) Đồng-Bằng Nam-Việt.

Tổng cộng diện-tích các đồng bằng này chỉ bằng $\frac{1}{5}$ diện-tích toàn-quốc. Tuy nhiên những bình-nguyên này đều là những nơi dân cư trù-mật và sản-xuất nhiều thóc-gạo.

1) ĐỒNG-BẰNG BẮC-VIỆT : Đồng-bằng Bắc-Việt do phù-sa sông Thái-Bình và sông Hồng-Hà, bồi nên. Sông Thái-Bình ít phù-sa nên miền duyên-hải ở cửa sông này ít được bồi thêm, sông Hồng-Hà nhiều phù-sa. Vì có dòng nước biển cuốn về phía nam nên bờ biển về hữu-ngạn càng ngày càng bồi thêm nhiều, mà ở tả-ngạn bồi rất ít.

Đồng-bằng Bắc-Việt diện tích 15000km² hình tam - giác, đỉnh là Việt-tri, đáy là bờ vịnh Bắc-Việt. Những đồi nhỏ ở Bắc-Ninh, Kiến-An, Ninh-Bình là di-tích những cù-lao cũ.

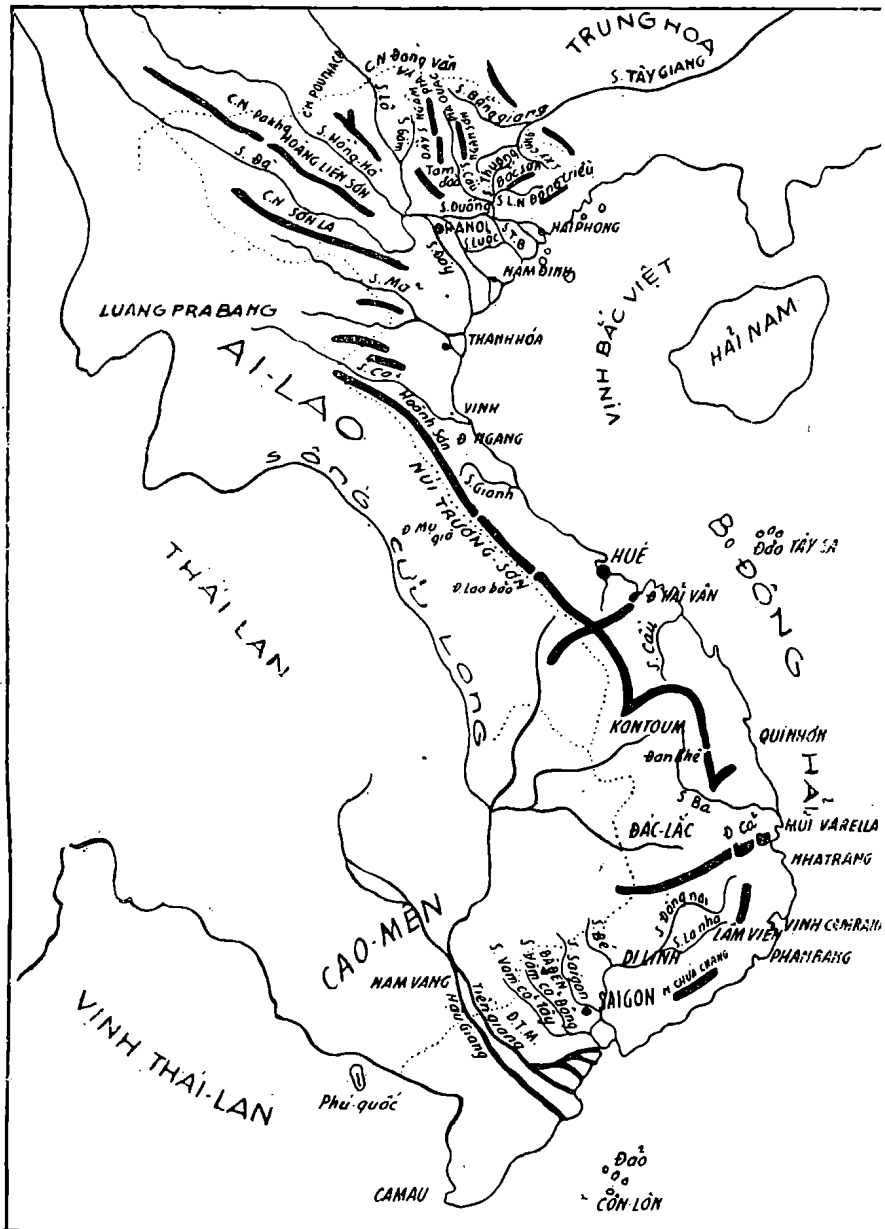
Đồng-bằng Bắc-Việt là một vựa thóc lớn của Việt-Nam nhưng vì dân-số Bắc-Việt quá đông nên số thóc gạo sản-xuất được chỉ vừa đủ với nhu-cầu.

2) ĐỒNG-BẰNG TRUNG-VIỆT : Trung-Việt không có đồng-bằng rộng vì Dãy Trảng-sơn chạy dài theo ven biển, chỉ có những cánh đồng-bằng hẹp và dài phân cách nhau bởi những nhánh của Dãy Trảng-sơn. Người ta phân biệt 4 cánh đồng-bằng là :

1) Đồng-bằng Thanh-Nghê-Tĩnh rộng hơn cả vì dãy Trảng-sơn mọc xa bờ biển.

2) Đồng-bằng Bình-Trị-Thiên từ đèo Ngang đến đèo Hải-Vân,

VIỆT-NAM NÚI VÀ ĐỒNG BẰNG



3) Đồng - bằng Nam-Ngãi-Định từ Hải - Vân đến mũi Varella.

4) Đồng-bằng Phú-Khánh-Thuận ở phía nam mũi Varella
Đồng-bằng Trung-Việt không được phì nhiêu bằng đồng
bằng Bắc-Việt và Nam-Việt. Nhưng diện tích tổng-cộng không

kém đồng-bằng Bắc-Việt và cũng sản-xuất được một số ngũ cốc đủ dùng.

3) ĐỒNG-BẰNG NAM-VIỆT : Đồng-bằng Nam-Việt trước kia là một cái vịnh, sau được phù-sa sông Đồng-Nai và nhất là sông Cửu-Long bồi nên. Sông Đồng-Nai ít phù-sa, nhưng, sông Cửu-Long mỗi năm tải ra biển rất nhiều phù-sa làm cho miền cực-nam nước ta càng ngày càng lấn ra biển. Chính miền cửa sông Cửu-Long không được bồi thêm mấy vì có luồng nước biển cuốn phù-sa về phía tây-nam nên mỗi năm miền Cà-Mâu được bồi thêm ra từ 60m đến 80m.

Trừ một vài ngọn núi đồi thấp và những khu rừng rậm ở phía đông, còn Nam-Việt là một cánh-đồng bát-ngát phì-nhiều, rộng tới 35.000km².

Đồng-bằng Nam-Việt là một vựa thóc lớn nhất của nước Việt-Nam hàng năm sản xuất một số thóc gạo rất quan-trọng trước chiến-tranh thường xuất-cảng được nhiều,

BÀI THỨ NĂM

NƯỚC VIỆT-NAM : KHÍ HẬU

DÀN BÀI

I.— Những nét đại-cương :

1) Tổng-quát : Khí-hậu nóng và ẩm nhưng không đều ở mọi nơi.

2) Nhiệt-độ : Trung bình : 25°

3) Gió : Đặc biệt là gió mùa (gió Bắc và gió Nam).

4) Mưa : Mưa nhiều, nhất là về mùa có gió Nam.

II. — Khí-hậu Miền Nam Việt-Nam

III. — Khí-hậu Miền Bắc Việt-Nam

VI. — Khí-hậu Miền Trung Việt-Nam.

V. — Tổng-kết :

Khí hậu không lợi cho sức khỏe nhưng thuận-lợi cho sự trồng lúa.

BÀI GIẢNG

I.— Những nét đại-cương :

1.— TÔNG QUÁT : Nước Việt-Nam ở miền nhiệt-đới, hai mặt Đông và Nam trông ra bể nên khí-hậu nói chung nóng và ẩm; từ Bắc chí Nam dài 1.650 km nên khí-hậu không đều và

nhiệt-độ mỗi nơi khác nhau.

2.— **NHIỆT-ĐỘ** : Việt-Nam là một xứ nóng ; nhiệt-độ trung-bình là 25 độ. Càng về miền Nam càng nóng. Trung bình ở Hà-nội 22°, Huế 25°, Saigon 29°.

3.— **GIÓ** : Cũng như mọi xứ nhiệt-đới ở Việt-Nam có nhiều ngọn gió thổi tùy theo mỗi mùa nên gọi là gió mùa. Gió mùa rất có ảnh-hưởng đến sự thay đổi thời tiết : Có hai mùa gió.

a) Mùa gió Bắc từ tháng 11 đến tháng 4 d.l. gió thổi theo hướng Đông-Bắc về Tây-Nam, từ miền lục-địa Á-Châu ra bề nên rét và khô.

b) Mùa gió Nam từ tháng 5 đến tháng 11 d.l. Gió Nam thổi từ Tây-Nam lên Đông-Bắc. Có khi ngọn gió trở ngọn thổi từ Đông-Nam lên Tây-Bắc. Gió Nam thổi từ miền bề vào lục-địa nên mát và hay có mưa.

Từ tháng 6 đến tháng 11 d.l. gió Nam chuyển-động mạnh nên gây thành bão-lố và mưa lớn ở miền duyên-hải Bắc-Việt và miền Bắc Trung-Việt.

4.— **MƯA** : Ở Việt-Nam mưa nhiều và mưa lớn (trung-bình mưa được 1^m 50 nước) dồn thành lụt lội, rất hại cho mùa màng và giao-thông...

Ở miền núi và Cao-Nguyên mưa nhiều hơn ở đồng bằng. Thường thường thì hay mưa về mùa gió Nam nhưng ở miền Trung Trung-Việt thì hay mưa về mùa gió Bắc.

Trên đây là những nét đại-cương như.về hình-thể nước Việt-Nam kéo dài lại có nhiều núi cao rừng rậm nên khí-hậu ở các miền cũng có thay đổi.

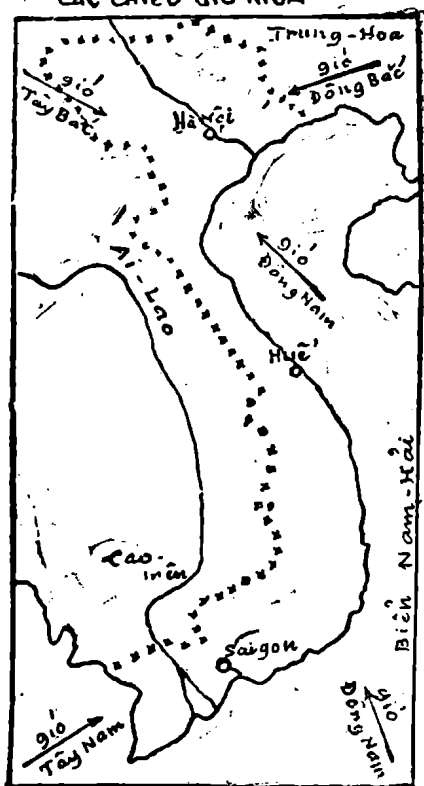
II.— Khí-hậu miền Nam Việt-Nam

1.— Miền Nam Việt-Nam nóng đều quanh năm. Từ tháng 11 đến tháng 5 d.l. là mùa nắng, từ tháng 6 đến tháng 10 d.l. là mùa mưa mùa này mưa lớn ; khí-hậu ẩm-ướt.

2.— **NHIỆT-ĐỘ** : trung-bình là 28°. Mùa nóng có khi lên đến 36°. Tháng 12 và 1 d.l. có gió mát ban đêm ; có khi xuống tới 20°. (Trung-bình ở Saigon mùa nóng 29° ; mùa mát 25°).

3.— **GIÓ** : Gió mùa thổi rất đều. Mùa mưa phù-hợp với mùa gió bề thổi từ Tây-Nam lên Đông-Bắc qua Nam-Việt từ tháng 5 đến tháng 10 d.l. Từ tháng 11 đến tháng 4 d.l. có gió

**VIỆT NAM : Khí hậu
CÁC CHIỀU GIÓ MÙA**



Bắc thổi từ miền lục-địa trở về.

4.— MÙA : Mùa mưa bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 10 d.l. hay có mưa lớn được từ 1m 50 đến 2m 50 nước mưa. (Ở Saigon 2m).

III.— Khí-hậu miền Bắc Việt-Nam

1.— Miền Bắc khí-hậu rõ rệt hơn. Có 4 mùa xuân, hạ, thu, đông. Mùa hạ và mùa đông rõ rệt hẳn, nhiệt độ chênh lệch hẳn. Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 2 d.l. Mùa hè từ tháng 5 đến tháng 9 d.l.

2.— Nhiệt độ: Mùa đông trung bình lạnh tới 16° có khi xuống 8° , ở miền núi dưới 2° mùa hè nóng 32° có khi lên quá 40° .

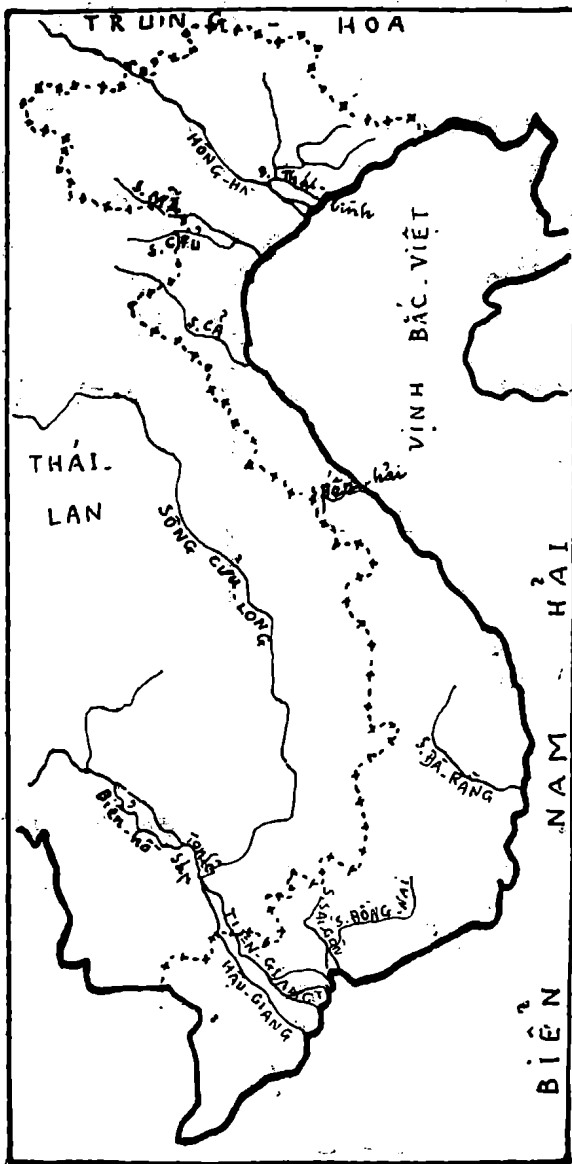
3.— GIÓ: gió Đông-Nam thổi nhiều vì thế có nhiều mưa. Trong mùa hè có gió Lào (tức gió Tây) thổi từ rừng núi Trọc ở Lào về nên nóng và khô. Về mùa đông có gió Bắc thổi về miền trung-châu nên rất buốt. Tháng 4 và tháng 10 gió đổi chiều nên hay có bão lớn tàn phá miền duyên hải lan cả đến miền Bắc Trung Việt.

4) Mưa: về mùa đông tháng 1, 2 d.l. hay có mưa phùn. Về mùa hè hay có mưa lũ gây nên nạn vỡ đê, lụt-lội.
Mưa được từ 1m 50 đến 2m nước (Hanoi 1m 80).

IV.— KHÍ HẬU MIỀN TRUNG: Chia làm 3 miền.

- a) Từ dãy Hoành-Sơn trở ra khí hậu giống Bắc-Việt.
- b) Từ Hoành-Sơn trở vào giống Nam-Việt.
- c) Miền Cao-nguyên Lâm-Viên, Đà-lạt khí hậu lạnh (18° , 2°)

V.— TỔNG KẾT: Khí hậu Việt-Nam nóng và ẩm có thể chia làm 2 miền: từ Hoành-Sơn trở ra thì nóng lạnh có mùa, từ



Bản đồ
VIỆT NAM SÔNG NGÒI

CHÚ GIẢI

- - - - - địa giới
- ~~~~~ : sông ngòi
- : bờ biển

Sông Đồng-nai phát-nguyên ở dãy Trảng-Sơn, lòng sông nhỏ hẹp, có nhiều thác. Từ Biên-hòa ra biển, lòng sông rất sâu, nước chảy dữ mạnh tàu bè qua lại dễ dàng. Sông Đồng-nai có một phụ-lưu là sông Sài-gòn chảy qua đó thành Sài-gòn. Phụ-lưu này rất quan-trọng, nhờ có nó mà các tàu bè, từ Vũng-Tàu, có thể cập bến Sài-gòn được.

Cũng như Hồng-hà và sông Thái-bình ở Bắc-Việt, lưu-vực Cửu-long và Đồng-nai ở Nam-Việt đã hợp cùng rất nhiều sông,

ngòi nhỏ khác, thành một hệ-thống lưỡng-tiên cho việc giao-thông và cho việc dẫn-thủy.

Giữa hai lưu-vực quan-trọng này, một ở Bắc, một ở Nam, nước Việt-Nam còn có những dòng sông nhỏ ở miền Trung. Trung-Việt có dãy Trường-sơn chạy dài gần bờ-biển, nên các sông đều ngắn, nông, có nhiều thác, không tiện bề giao-thông. Ta có thể kể tới hai sông : Mã và Chu đã hợp-lực bồi đắp thành một châu-thổ nhỏ ở phía bắc Trung-Việt.

Ngoài ra, sông Bến-hải ở phía bắc Quảng-Trị, chảy ngang qua Trung-Việt, đã thành một dòng sông lịch-sử chia đôi nước Việt-Nam, từ ngày có thỏa-hiệp Giơ-neo, giữa Pháp và Việt-Cộng.

BÀI THỨ BẢY

VIỆT-NAM DÂN-CƯ, CÁC TỈNH

DÀN BÀI

I Dân-cư

- 1) Dân số
- 2) Cách tập trung dân số
- 3) Sự tăng giảo của dân số Việt-Nam qua thời-gian
- 4) Sự di cư của dân số Việt-Nam.
- 5) Các dân thiểu số.

II Các tỉnh

- 1) Các tỉnh Bắc-Việt : 27 tỉnh.
- 2) Các tỉnh Trung-Việt : 18 tỉnh
- 3) Các tỉnh Nam-Việt : 24 tỉnh.

BÀI GIẢNG

I Dân-cư

1) DÂN SỐ : Tổng số dân Việt-Nam theo sự ước lượng mới nhất có độ 22.600.000 người.

Lấy diện-tích nước Việt-Nam là 330.000 cây số vuông thì trung bình trong 1 cây số vuông có chừng 68 người.

2) CÁCH TẬP-TRUNG DÂN SỐ : Dân số ta phân chia rất không đều : nhiều nơi dân số tập trung đông quá, nhiều nơi đông lúc vừa vừa, và có nhiều chỗ dân cư thưa thớt.

Vì dân ta sống về nghề làm ruộng, nên dân số tập trung ở miền đồng bằng ruộng đất phì nhiêu rất là đông đúc. Tỷ dụ như ở miền trung châu Bắc-Việt, trên mỗi cây số vuông có chừng 533 người.

3) SỰ TĂNG GIẢM CỦA DÂN SỐ: Việt-Nam qua thời gian từ xưa đến nay, dân số Việt-Nam vẫn tăng gia đều qua các thời đại. Cho nên dân-tộc ta đã sinh tồn cho tới ngày nay, tránh được sự áp bức khi tàn bạo, khi ngấm ngấm của dân tộc. Trung-hoa to lớn hơn ta gấp 20 lần.

Trong vòng 25 năm, từ năm 1921 cho tới năm 1946 dân ta tăng được 7 triệu người, nghĩa là một nửa tổng số dân số

Số tăng này do số sinh nhiều hơn số tử. Nhưng vấn đề vệ-sinh chung và y-tế của toàn dân hãy còn sơ sài lắm. Cho nên số tử rất lớn. Nếu các vấn đề xã-hội đó được tổ chức hoàn hảo hơn, nếu đời sống vật chất của dân ta được nâng cao lên, số tử sẽ bớt đi nhiều, và lúc bấy giờ, số dân tăng gia lại còn trội lên nhiều nữa.

4) SỰ DI-CƯ CỦA DÂN VIỆT-NAM; Vì Bắc-Việt đất hẹp mà dân cư lại đông đúc nên hàng năm vẫn có một số người di-cư vào Nam làm ăn buôn bán, nhưng đáng kể nhất là cuộc Di-cư vĩ đại trong năm vừa qua của ngót một triệu dân Bắc-Việt và Bắc-Trung-Việt để tránh gông cùm của Việt-Cộng sau khi đất nước bị phân đôi bởi hiệp-ước Giơ-neo.

5) CÁC DÂN THIẾU-SỐ: Các dân thiểu-số ở Việt-Nam tổng số tới 2.000.000 người. Họ gồm nhiều chủng tộc khá phức tạp.

NGƯỜI LÔ-LÔ: Là dân sơn-cước, trú ngụ ở miền thượng-du Bắc-Việt.

CÁC GIỐNG NGƯỜI THÁI: Quan trọng nhất trong số các dân sơn-cước: Tổng số của họ tới 500.000 người ở Bắc-Việt, 100.000 người ở Trung-Việt. Giống người Thái ở Bắc-Việt gồm nhiều chi tộc khác nhau: Thái-trắng, Thái-đen, người Nùng, người Thổ, người Mường.

GIỐNG NGƯỜI MÁN: Tổng số tới 80.000, nhiều nhất ở miền thượng-du Bắc-Việt.

Giống người Mèo: tổng số 800.000, phần nhiều ở miền thượng-du Bắc-Việt.

NGƯỜI THƯỢNG : Ở cao-nguyên miền Nam Trung-Việt, có nhiều người Thượng phân biệt theo tiếng nói : Jarai, Rhadé, Sédang.

Ở Nam-Việt cũng có người Thượng, ở trên dòng sông Bé và trung lưu sông Đồng-Nai

NGƯỜI CHĂM : Có độ 40.000 người, ở rải rác từ Nha-Trang vào tới hết địa phận Trung-Việt nhất là ở tỉnh Khánh-hòa và Bình-Thuận.

NGƯỜI CAO-MÊN : Ở Việt-Nam tổng số chừng 300.000 người, ở rải rác trong các tỉnh trên hữu ngạn sông Tiền-Giang (Trà-vinh, Sóc-trang, Rạch-giá...) Họ tuy ở chung đụng với người Việt-Nam song còn giữ được nhiều dân tộc tính : họ ở thành các làng riêng, giữ ngôn ngữ, phong-tục riêng. Tuy nhiên họ đều biết tiếng Việt và vận y-phục Việt.

II Các tỉnh

CÁC TỈNH BẮC-VIỆT : Bắc-Việt có 27 tỉnh chia ra 3 miền tùy theo mặt đất cao hay thấp:

a) **THƯỢNG-DU** 5 tỉnh : Sơn-la, Lai-châu, Lào-cai, Hà-giang và Cao-bằng.

b) **TRUNG-DU** 10 tỉnh : Hòa-bình, Phú-thọ, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Bắc-giang, Yên-bái, Bắc-kạn, Lạng-sơn, Quảng-yên và Hải-ninh.

c) **TRUNG-CHÂU** 12 tỉnh : Vĩnh-yên, Phúc-yên, Sơn-tây, Hà-dông, Bắc-ninh, Hải-dương, Kiến-an, Hưng-yên, Thái-bình, Nam-định, Hà-nam và Ninh-bình. Thủ-đô Hà-nội thuộc tỉnh Hà-dông.

2) **CÁC TỈNH TRUNG-VIỆT :** Trung-Việt chia làm 18 tỉnh

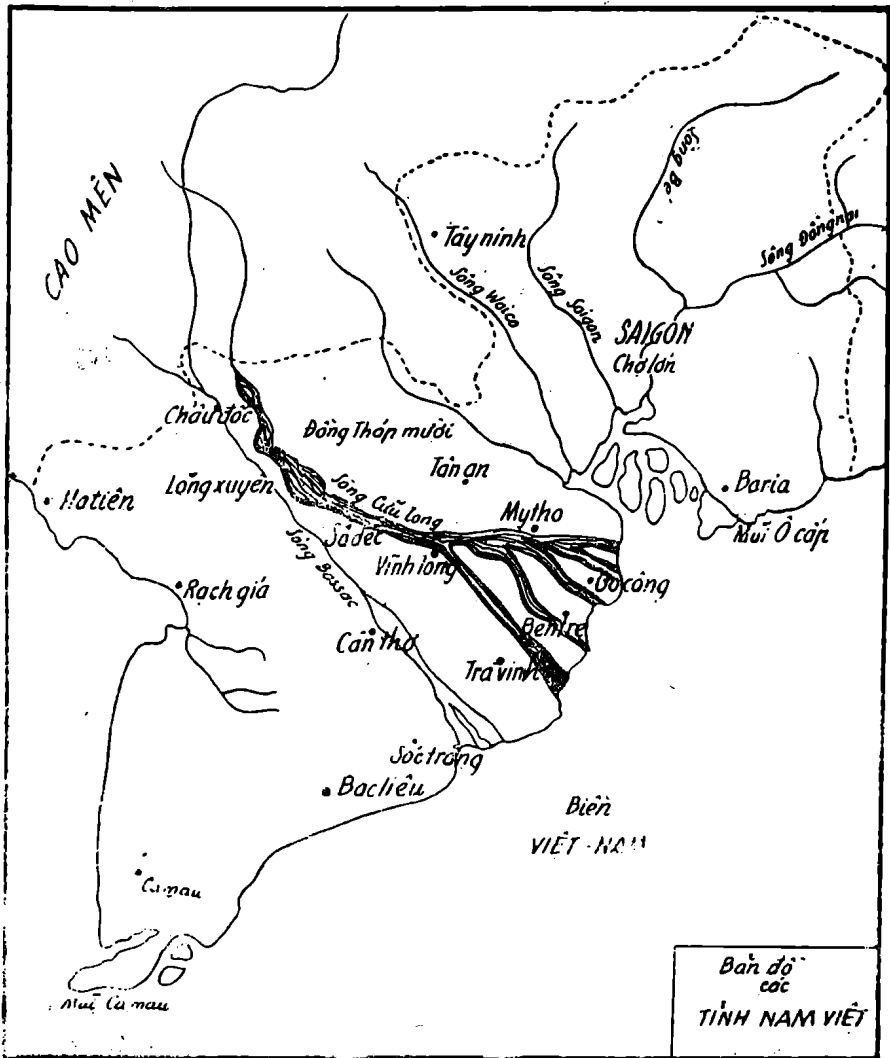
a) **GIÁP BẮC-VIỆT :** Là Thanh-hóa, Nghệ-an, (tỉnh lỵ là Vinh) và Hà-tĩnh.

b) **Ở GIỮA CÓ 6 TỈNH :** Quảng-bình, (tỉnh lỵ : Đồng-hới) Quảng-trị, Thừa-thiên (tỉnh lỵ : Huế) (Quảng-Nam : tỉnh lỵ Hội-An) Quảng-ngãi và Bình-định (tỉnh lỵ : Qui-nhơn).

c) **MIỀN NAM CÓ 4 TỈNH :** Phú-yên (tỉnh lỵ : sông-Cầu) Khánh-hòa (tỉnh lỵ : Nha-trang) Ninh-thuận (tỉnh lỵ : Phan-rang) Bình-thuận (tỉnh lỵ : Phan-thiết).

d) **LUI VÀO PHÍA TRONG DÂY TRƯỜNG-SƠN :** Có 5 tỉnh : Kông-tum (Kontum) Láy-quy (Pleiku) Đắc-lắc (Darlac)

Bản - đồ các tỉnh Nam-Việt



Đồng-nai và Lâm-viên (thành phố Đà-lạt).

3) CÁC TỈNH NAM-VIỆT ; Nam-Việt có 24 tỉnh chia làm 4 khu.

a) BỐN TỈNH PHÍA ĐÔNG : Giáp Trung-việt : Bà-ri-a, Biên-hòa, Thủ-dầu-Một, Tây-Ninh.

b) CHÍN TỈNH Ở GIỮA : Gia-định, Chợ-lớn, Tân-an, Mỹ-tho, Gò-công, Bến-tre, Trà-vinh, Vĩnh-lóng, và Sa-đéc.

c) BẦY TỈNH PHÍA TÂY : Châu-dốc, Hà-tiên, Long-xuyên, Cần-thơ, Sóc-trang, Bắc-liêu, và Rạch-giá.

d) BỐN TỈNH PHÍA NAM : Mộc-Hóa, Phong-Thạnh Tam-Cần, Cà-Mâu.

Thành phố Saigon, thủ-dò hành-chính của nước Việt-Nam Cộng-Hòa, thương-cảng lớn nhất của nước ta, thuộc tỉnh Gia-định.

BÀI THỨ TÁM

VIỆT NAM : CÁC THÀNH-PHỐ, HẢI-CẢNG LỚN, VỊ-TRÍ QUAN-TRỌNG VỀ QUÂN-SỰ CHÍNH-TRỊ HAY THƯƠNG-MẠI.

DÀN BÀI

1) Thành phố lớn:

Saigon, Hà-nội, Hải-phòng, Huế, Nam-định.

2) Hải-cảng lớn :

Saigon, Hải-phòng, Đà-nẵng.

3) Các vị-trí quan trọng:

a) Về quân-sự : *Hải-phòng, Saigon, Cam-Ranh...*

b) Về chính-trị : *Saigon, Hà-nội*

c) Về thương-mại : *Saigon, Chợ-lớn, Hải-phòng, Hà-nội.*

BÀI GIẢNG

1.— Saigon ngày nay là đô-thị lớn nhất và cũng là thủ-dò của Việt-nam. Sau đến Hà-nội và các thành phố khác như : Hải-phòng, Huế, Nam-định, Đà-nẵng, Vinh, Mỹ-tho, Đà-lạt, Hải-dương, Nha-trang, Bắc-liêu, Cần-thơ, Biên-hòa...

2.— Việt-nam có hai hải-cảng lớn là : Saigon và Hải-

phòng. Các hải-cảng như Cam-Ranh, Thuận-an, Vũng-tàu, đang lần lần được mở mang và rồi đây sẽ trở nên quan trọng về quân-sự cũng như về thương-mại. Các hải-cảng nói trên thường thường chỉ có tàu nhỏ của ngoại-quốc qua lại.

3.— a) Về quân-sự những vị-trí quan trọng có thể kể được là Sài-gon, Hải-phòng, Lạng-sơn, Lào-kay, Hòa-Binh. Nhưng với hiện tình nước nhà, trước âm-mưu xâm-lược của Việt-Cộng, thì mỗi tỉnh đều có thể coi là một vị-trí quan trọng về quân-sự để bất cứ lúc nào, quân đội Cộng-hòa Việt-Nam cũng có thể đẩy lui mọi cuộc xâm nhập của Cộng-sản.

b) Sài-gon là một vị-trí quan-trọng về Chính-trị vì là thủ-đô của Việt-nam và cũng là nơi mà non bốn chục nước đã công nhận nền Cộng-hòa Việt-nam, đã đặt các tòa lãnh-sự hay đại-sứ. Sài-gon cũng là nơi mà nhiều chính khách, nhiều phái đoàn quốc-tế thường qua lại hoặc thăm viếng để thiết-lập những cơ-sở về ngoại-giao hay về thương-mại.

c) Sau 80 năm Pháp thuộc và 10 năm khói lửa nền kinh tế Việt-nam đã bị kiệt quệ vì vậy nền thương-mại của ta rất lạc hậu phần lớn bị thực-dân và ngoại kiều (Hoa-kiều) lũng-đoạn.

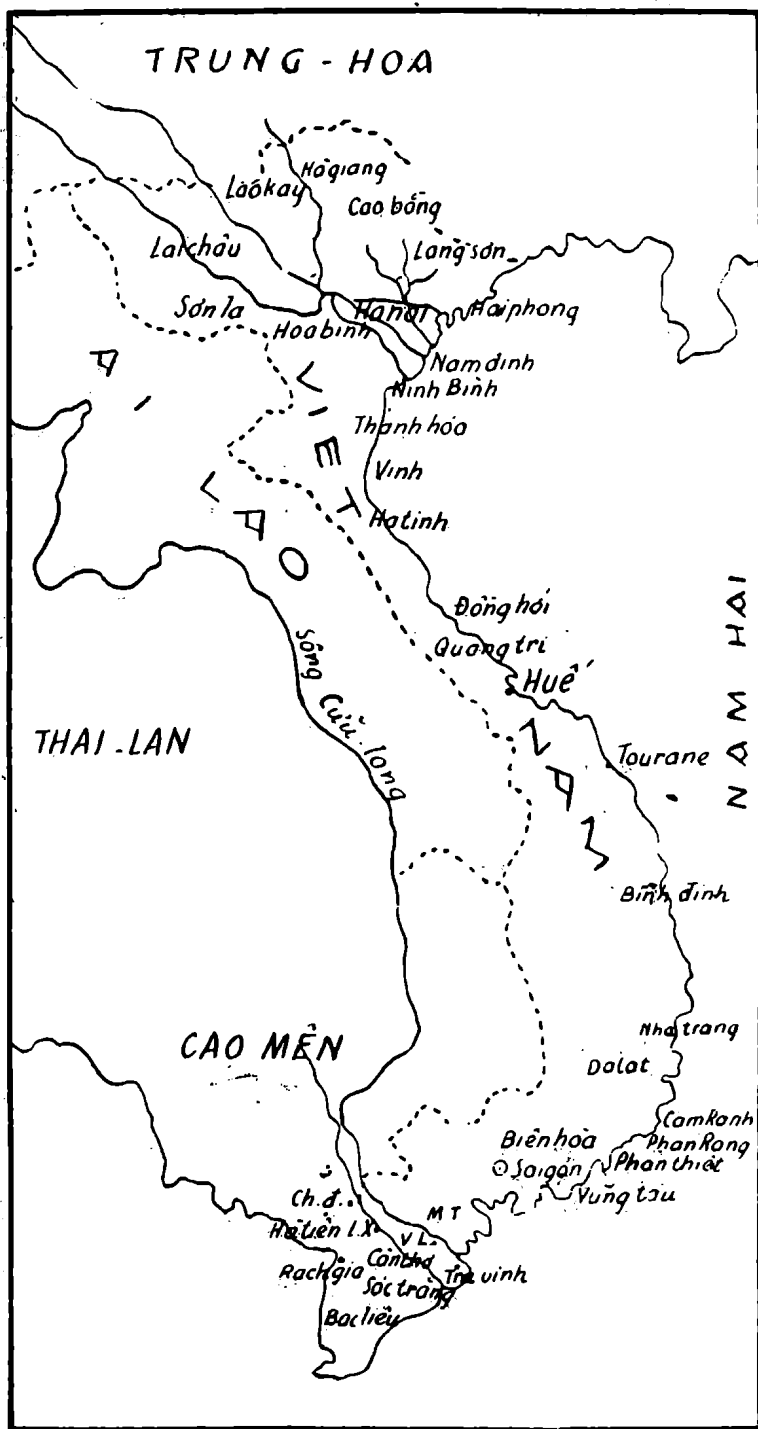
Và lại dân ta vốn nghèo chỉ buôn bán nhỏ ở chợ búa. Dân quê thường đem ra chợ hay tỉnh bán các nông sản như gạo, ngô, khoai, sắn, rồi lại mua về các hàng do tiểu công-nghệ chế tạo, các chế-phẩm. Thường thường dân miền châu-thỏ mang lên miền thượng-du bán những nông sản: muối, cá khô, các hóa phẩm mua ở ngoại-quốc và lại mua về những lâm-sản: gỗ, tre, nứa, măng, nấm, mật ong, củ nâu, cánh kiến, lợn, gà...

Nền ngoại thương cũng không được phát-đạt vì dân nghèo nên mua bán ít. Và lại ít người Việt-nam có nhiều vốn để tổ chức những công-ty xuất nhập cảng to lớn. Có thể nói được rằng nền ngoại-thương ở trong tay các ngoại-kiều nhất là Hoa-kiều và Pháp-kiều.

Các hàng xuất cảng phần nhiều là nông-sản: gạo, ngô, Trước hồi chiến tranh Việt-nam xuất cảng 2 triệu tấn gạo, 600.000 tấn cao-su và non 2 triệu tấn than-đá. Ngoài ra lại còn có cá khô, xi-măng, da trâu, bò.

Việt-nam nhập cảng các thực-phẩm như đường, thuốc lá,

Bản đồ VIET NAM



rượu, bột mì, sữa, dầu hỏa, vải, sợi, giấy, các máy móc, thuốc men và các chất hóa-học.

Ngày nay, dưới chính-thể Cộng-hòa, nền kinh tế Việt-nam đang dần dần phục-hưng và nền thương-mại cũng sẽ được phát đạt.

Việt-nam có hai thương-cảng lớn là, Sài-gon và Hải-phòng. Các thương-cảng khác là Cẩm-phả, Đà-nẵng, Bến-thủy và Qui-nhơn,

Những khách hàng của ta là: Thái-lan, Mỹ, Pháp, Anh và các xứ mà Anh đại diện trên địa-hạt quốc-tế, Ai-lao, Cao-mên, Nhật-bản, Thụy-sĩ, Thụy-diễn. Úc-đại-lợi, Ý-đại-lợi, Hòa-lan, Đan-Mạch, Tây-đức, Bỉ và Lục-Xâm-Bảo. Ngoài 2 nước Pháp và Thái-lan, các nước kể trên hiện nay mà các hàng hóa đem vào xứ ta đều được hưởng thuế xuất tối thiểu và trái lại những hàng hóa của Việt-nam đem bán cho các nước ấy cũng được hưởng thuế xuất tối thiểu như vậy.

BÀI THỨ CHÍN

NƯỚC VIỆT-NAM : CÁC SẢN-VẬT

DÀN BÀI :

1) Nông sản :

a) Nghề nông ở Việt-Nam.

b) Các cây để ăn uống.

c) Các cây dùng trong kỹ-nghệ : cây để lấy sợi, cây để làm dầu, cây để lấy nhựa.

2) Lâm-sản.

3) Chăn-nuôi.

4) Chài-lưới.

5) Khoáng-sản.

BÀI GIẢNG

NÔNG SẢN : 1) Ở nước ta có tới 90% dân số làm nghề nông, nhiều nhất là trên miền Châu - thổ sông Cửu - Long và miền châu-thổ sông Nhĩ - Hà. Vì là

ngành căn-bản của nước ta, nên hiện nay Chính-Phủ Cộng-Hòa đang tìm hết cách canh-tân nghề đó cho mỗi ngày một thêm tiến-triển.

Ngoài ra Chính-Phủ còn thi-hành chính-sách cải-cách ruộng đất, làm cho dân cày có ruộng ; cấp vốn, trâu bò, nông-cụ và phân bón cho dân nông ; xúc tiến việc khai khẩn đất hoang, thực hiện những công-trình thủy-lợi, khuyến-khích tăng-gia sản-xuất, cho đời sống của nhà nông ngày thêm sung-sướng.

2) Hầu hết các ruộng đất ở nước ta đều cấy lúa. Mỗi năm Việt-Nam sản-xuất được 5 triệu rưỡi tấn thóc, xuất cảng hơn một triệu tấn ; trên thị trường thóc gạo, nước ta đứng vào hàng thứ ba, sau Ấn-Điện và Thái-Lan.

Ngoài lúa, ta giồng ngô, khoai, sắn-đậu, hoàng-tinh, củ-từ, củ-mài. Ở miền trung Trung-Việt và miền tây Nam-Việt có giồng nhiều mía. Ở nhiều tỉnh Nam-Việt, nhất là ở Hà-Tiên có giồng hồ-tiêu. Ta lại còn giồng chè, cà-phê, thuốc-lào, thuốc-lá, cây ăn quả và các thứ rau.

3) Ở Ninh-Bình và miền Thanh-Nghệ có giồng bông. Trên các bãi ven sông có giồng dâu để chăn tằm. Đay và gai cũng có giồng nhưng ít nên phải nhập-cảng bao tải của Ấn-Độ. Duy có coi thì ta giồng nhiều ở các bãi mới bồi vịnh Bắc-Việt và ở Đồng-Tháp-Mười.

Các cây để lấy dầu thì có thầu-dầu, lạc, vừng, thầu, nhiều nhất là dừa giồng ở Nam Trung-Việt và Nam-Việt.

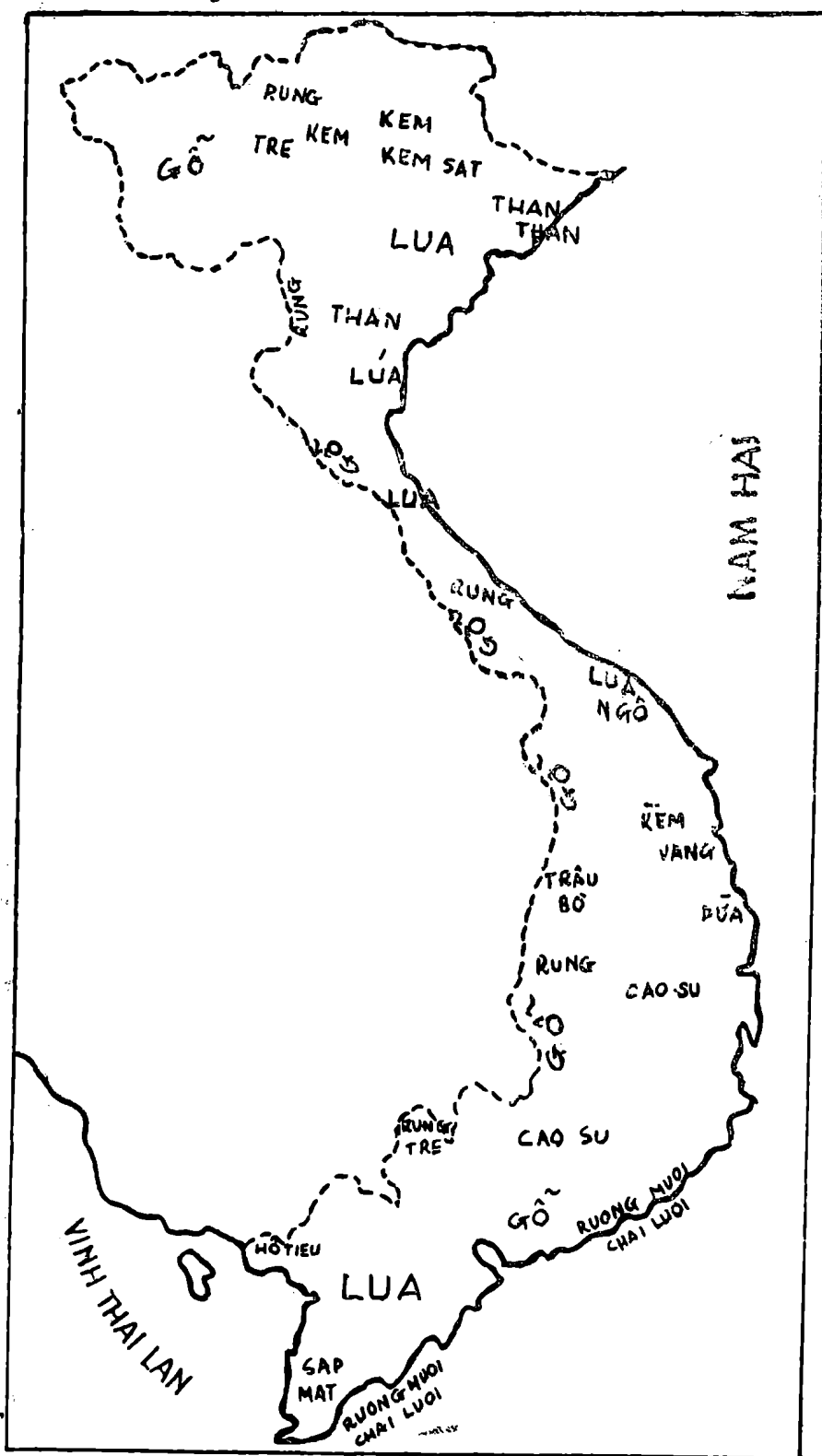
Trên các đồi miền trung-du Bắc-Việt và các cao-nguyên có giồng nhiều thông để lấy nhựa. Ở Phú-Thọ có nhiều đồi-sơn. Ở miền Nam dãy Trảng-Sơn có nhiều đồn-điền cao-su.

LÂM SẢN : Ở nước ta khí hậu nóng và ẩm nên có rất nhiều rừng chiếm hơn 1/3 diện-tích toàn quốc. Những rừng rậm ở Việt-Bắc, dãy núi Trảng-Sơn và miền đông Nam-Việt có nhiều gỗ quý. Những rừng thưa ở miền trung-du Bắc-Việt sản-xuất gỗ thường.

Rừng còn cho ta tre, nứa, song, mây và nhiều lâm-sản khác, đặc-biệt có quế dùng để làm thuốc.

Trước chiến-tranh, Nam-Việt hằng năm xuất-cảng một số gỗ đáng kể.

CHĂN NUÔI,— Ở nước ta không có nhiều cánh đồng có rộng lớn, nên nghề chăn nuôi không có tính cách đại quy-mô.



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

riêng ở cao-nguyên Miền Nam và miền thượng-du Bắc-Việt, việc chăn nuôi khá phát đạt. Ở nhà quê nhà nào cũng nuôi lợn, gà, nhưng chỉ nuôi ít. Vịt thì có nơi nuôi từng đàn lớn. Ngựa, dê, thỏ không nuôi mấy. Đặc-biệt ở Bắc-Liêu có nghề nuôi ong mật. Gần đây, ta đã học được cách nuôi cá Phi rất lợi và đã nhập-cảng những giống gà Mỹ đẻ rất nhiều.

CHÀI LƯỚI.— Việt-Nam có nhiều bờ biển, nên nghề chài lưới ở biển khá quan-trọng, nhưng tiếc rằng ta thiếu tàu đánh cá và những khi-cụ tối-tân; ngoài mấy chiếc tàu đánh cá mua của Nhật, ta chỉ có những thuyền buồm lớn. Nhưng chúng ta tin rằng một ngày gần đây với sự cố-gắng của Chính-Phủ và chương-trình viện-trợ của các nước bạn, nghề đánh cá ở nước ta sẽ phát-đạt không kém các nước khác. Trên các sông ngòi, nhất là miền Hậu-Giang Nam-Việt, việc đánh cá rất phồn-thịnh.

Các hải sản của ta còn có xà-cừ và mai đồi-mồi.

KHOÁNG-SẢN.— Ở nước ta các mỏ phần lớn tập-trung ở Bắc-Việt. Quan-trọng nhất là mỏ than đá ở Đông-Triều, Hòn-Gai, Cẩm-Phả, Cái-Bầu sản-xuất mỗi năm 1.700.000 tấn, tiêu-thụ hết 600.000 tấn, còn bán ra ngoại-quốc hơn một triệu tấn.

Về kim loại, có mỏ kẽm ở Chợ-Điền, Trảng-Đà, Lang-Hít, Đức-Bố; mỏ chì và bạc ở Ngân-Sơn; mỏ thiếc ở núi Phía-Uất (Cao-Bằng), mỏ sắt ở Thái-Nguyên, mỏ vàng ở Bồng-Miêu. Ở Lạng-Sơn, Thanh-Hóa, Nghệ-An có mỏ phốt-phát. Ở Hà-Tiên có đá ong; Biên-Hòa có đá xanh.

Việc khai thác các mỏ trước kia đều ở trong tay người ngoại-quốc. Rồi đây với chương-trình kỹ-nghệ-hóa của Chính-Phủ Cộng-Hòa, những khoáng-sản nói trên, nhất là than đá và sắt sẽ giúp cho nền đại kỹ-nghệ Việt-Nam phát-triển nhanh chóng.

BÀI THỨ MƯỜI

NƯỚC VIỆT-NAM : CÁC ĐƯỜNG GIAO-THÔNG

DÀN BÀI

- a) Đường thủy.
- b) Đường hàng không.
- c) Đường bộ.

BÀI GIẢNG

Cũng như các nước, Việt-Nam có đủ loại đường giao-thông : đường thủy, đường hàng không và đường bộ,

Nước ta có nhiều sông ngòi, một miền duyên-hải dài tới 2.2000 km, nên đường thủy rất phát-triển, nhất là đường hàng-hải. Hải-Phòng ở Bắc-Việt, Đà-Nẵng và Cam-Ranh ở Trung-Việt, Sài-gòn ở Nam-Việt là những hải-cảng sầm-uất, tàu bè ra vào tấp-nập. Nhờ vậy, sự giao-thông dọc theo miền duyên-hải, từ Bắc, qua Trung, tới Nam-Việt, rất tiện-lợi, sự thông-thương với các nước trên thế-giới cũng dễ-dàng.

Trong nội-địa thì các sông ngòi rất thuận-tiện cho tàu bè đi lại, nhất là ở hai miền châu-thỏ Bắc-Việt và Nam-Việt. Ở Bắc-Việt, đường thủy quan-trọng là dòng sông Hồng chảy ngang từ tây sang đông, ở Nam-Việt, nhiều sông ngòi giao nhau như đường mắc cửi. Hai sông : Sài-gon và Đồng-nai, vì có lòng sâu ít phù-sa, nên rất tiện cho các tàu biển lớn qua lại.

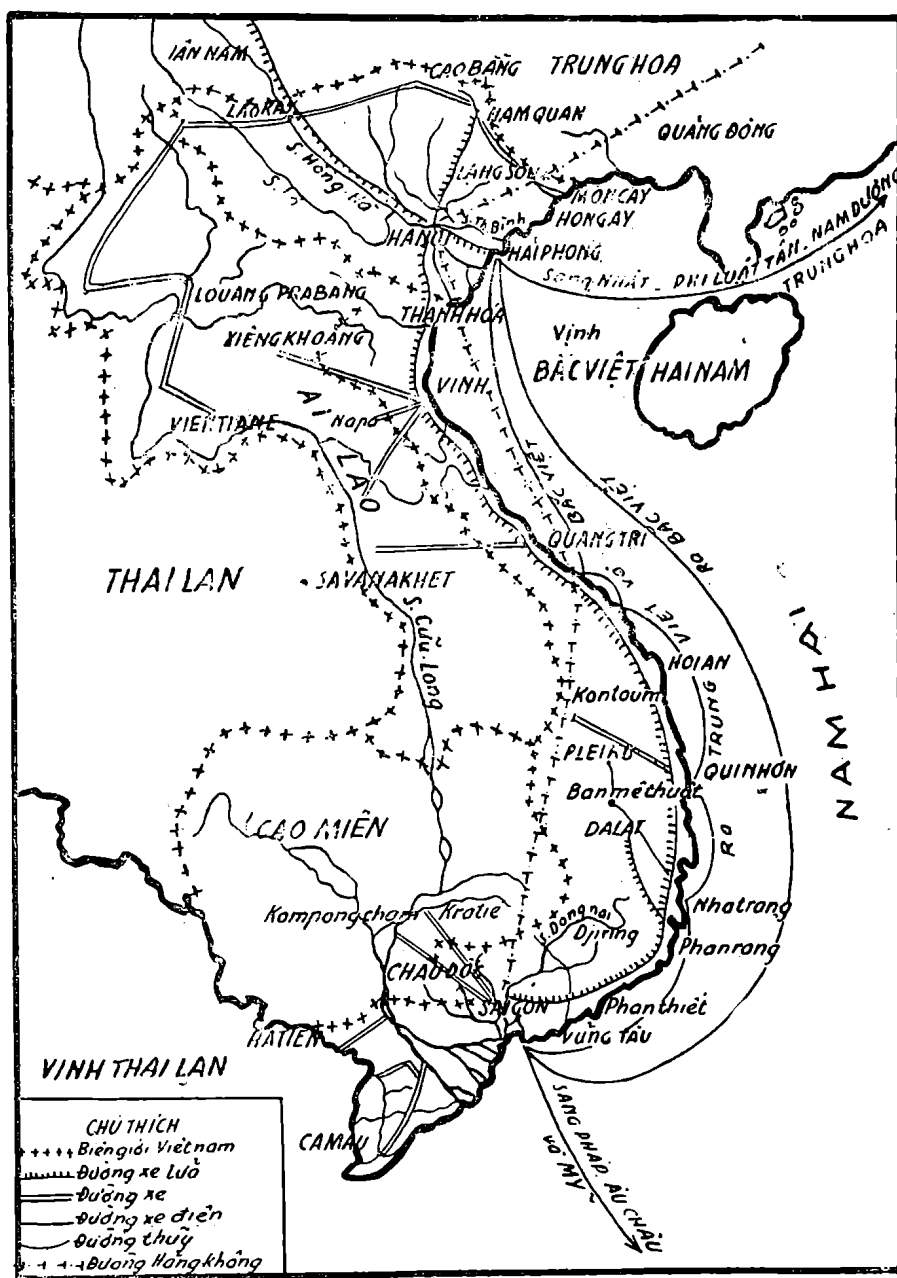
Đường hàng-không ở nước ta được mở-mang nhiều kể từ trận thế-giới đại-chiến lần thứ hai tới nay. Hiện thời Tân-sơn-Nhất ở Nam-Việt là phi-trường lớn nhất tại Việt-Nam Công-ty Hàng-không Việt-Nam hợp-lực cùng nhiều công-ty khác đảm-nhiệm sự vận-tải hành-khách và hàng-hóa trên nội-địa và từ các nước ngoài. Nhiều chuyến máy bay phụ-trách việc giao-thông giữa Việt-Nam và các nước : Ai-lao, Cao-miền Thái-lan, Phi-luật-Tân, Ấn-độ, Trung-hoa, Anh, Pháp, Mỹ, Nhật-bản vân. vân...

Đường bộ ở Việt-Nam gồm có đường đất, đường đá và đường xe lửa. Hiện nay chỉ còn có những đường-đất ở các vùng quê hẻo-lánh, và trong miền sơn-cước. Những đường quan-trọng đã được lát đá tới gần 30.000km, nhiều quãng đã được rải nhựa. Đường dài nhất là đường quốc-lộ số 1, từ biên-giới Cao-miền về Sài-gon, qua Nha-trang, Huế, thẳng lên Bắc-Việt qua Hà-nội, tới ải Nam-quan.

Từ phía Nam sông Bến-hải, ta còn có các đường.

- 1.— đường từ Qui-nhon đi Plê-Cu, qua Công-tum.
- 2.— đường từ Ninh-hòa đi Ban-mê-Thuột, Darlac.
- 3.— đường từ Sài-gon qua Blao, Djiring, tới Đà-lạt.
- 4.— đường từ Sài-gon qua Bà-rịa đi Vũng-tàu hoặc đi

V. N. các đường giao-thông



Đà-lạt qua Phan-thiết, Phan-rang.

Trước hồi đại-chiến thứ hai, nước Việt-Nam có **đường hỏa-xa** từ Nam-quan, qua Lạng-son, Hà-nội, Huế, Nha-Trang, tới Sài-gon. Nhiều đoạn trên con đường ấy đã bị phá-hoại vì chiến-tranh. Hiện nay ở phần đất Việt-Nam tự-do, ta có những **đường hỏa-xa** :

a) Đường từ Sài-gon qua Phan-thiết, Phan-rang, Nha-trang Đại-lãnh, dài 496km, Đường này tới Phan-rang thì chia đôi : ngã đi Đại-lãnh, ngã vào Đà-lạt.

b) đường từ Quảng-trị, qua Huế, tới Tourane, dài 175km. Quảng đường từ Đại-lãnh đi Tourane hiện-đang sửa chữa. Một ngày gần đây, ta sẽ có đường hỏa-xa chạy xuất từ Sài-gon tới Quảng-trị.

c) Đường từ Sài-gon đi Mỹ-thọ, dài 70km;

d) Đường từ Sài-gon đi Lộc-ninh, dài 141km.

Kết luận, nước Việt-Nam hiện có một hệ-thống giao-thông khá phát-triển về cả ba mặt : đường bộ, đường thủy và đường hàng-không.

BÀI THƯ MUỖI MỘT

VIỆT-NAM : KỸ-NGHỆ

DÀN BÀI

a) *Tiểu-công-nghệ cũ*

b) *Tiểu-công-nghệ mới*

c) *Đại kỹ-nghệ*

BÀI GIẢNG

Nền kỹ-nghệ của nước ta chưa được phát đạt. Cứ xem như hàng hóa ta bán ra phần nhiều là nông sản, mà hàng ta mua vào phần nhiều là chế-phẩm thì đủ rõ kỹ-nghệ của ta còn kém cỏi.

Kỹ-nghệ của ta chia làm 3 loại :

1) Tiểu-công-nghệ cũ.

2) Tiểu-công-nghệ mới.

3) Đại kỹ-nghệ.

1.— **Tiểu công-nghệ cũ.**— Tiểu công-nghệ cũ của ta có từ xưa, rất quan trọng vì nó nuôi sống hàng triệu người và giúp cho người dân nước ta có đủ vật dụng hàng ngày, không phải lệ thuộc vào nước ngoài.

Khi người Pháp chưa sang, người Việt-nam đã biết chế đủ các đồ nhặt-dụng, theo phương-pháp cổ-truyền và bằng những dụng-cụ đơn-giản.

Ngày nay tuy có nhiều ngoại-hóa tinh-xảo tràn vào, nhưng cũng chỉ cạnh-tranh với một vài thứ nội-hóa thôi, vì còn nhiều thứ, người dân vẫn phải nhờ vào tiểu-công-nghệ trong nước như đồ gốm, đồ gỗ, chiếu, nón, vớng, rổ, rá, thúng, mủng, ván ván...

Những kỹ-nghệ cũ được phát đạt hơn cả là :

— Vải, lụa : Hà-Đông, Thái-Bình, Nam-Định, Kiến-An, Bình-Định, Châu-Đốc, Long-Xuyên, Bến-Tre, Chợ-Lớn.

— Đồ cói : Thái-Bình, Ninh-Bình, Đồng-Tháp-Mười.

— Đồ khảm, đồ ngà, đồ thêu, đồ sừng : Bắc-Việt.

— Đồ đồi mồi : Hà tiên.

— Đồ kim hoàn : phát đạt nhất ở Nam-Việt rồi đến Bắc-Việt,

— Đồ sứ và đồ gốm : Mống-cái, Vĩnh-yên, làng Hương-Canh, Bắc-Ninh, làng Bát-Tràng, Thừa-Thiên, Biên-hòa, Chợ-lớn

— Nghề làm muối : ở dọc bờ biển Việt-Nam. Những ruộng muối có nhiều ở Nam-Định, Thái-Bình, Thanh-Hóa, Nghệ-An, Bình-Thuận, Bắc-liêu, Bà-rija.

— Nghề làm nước mắm : phát đạt nhất ở Cát-Bà, Thanh-Hóa, Nghệ-An, Đà-Nẵng, Bình-Thuận, Phú-Quốc.

Trong công-nghệ cũ của ta, nhiều thứ được ngoại-quốc tiêu-thụ, như thảm cói, chiếu cói, các đồ đan bằng mây, bằng tre.

2) **Tiểu công-nghệ mới.**— Những tiểu công-nghệ mới như các nghề làm mũ, làm khăn xếp, đóng giày, dép, đồ da, dép cao-su, may Âu-phục, dệt áo sợi, đan đồ len, làm đăng-ten, làm thủy-tinh, nấu xà-phòng, ván-ván. Những nghề này mới có ít lâu nay, thường tập-trung ở các nơi thành-thị, mỗi ngày một phát triển vì thích-ứng với nhu-cầu. Nghề làm đăng ten thịnh nhất, vì mỗi năm xuất-cảng rất nhiều sang Âu-Mỹ.

3) **ĐẠI KỸ-NGHỆ.**— Đại kỹ-nghệ của nước ta còn ở thời kỳ phôi-thai. So với các nước nhỏ ở gần như Phi-luật-Tân, Nam-Dương, ta còn thua kém. Vả lại đại-kỹ-nghệ hầu hết ở trong tay người Pháp và người Trung-Hoa.

Về các kỹ-nghệ khác, ta có nhà máy sợi, và xưởng dệt vải lụa (Hải-Phòng, Nam-Định, Bình-Định, Châu-Đốc), những nhà máy nấu rượu (Chợ-lớn) làm thuốc lá (Sài-gòn, Chợ-lớn) làm dầu và xà-phòng (Hà-nội, Hải-phòng, Chợ-lớn) nhà máy cưa (dọc các bờ sông Nam-Việt) xưởng thuộc da (Hà-nội, Sài-gòn) nhà máy xi-măng (Hải-phòng) nhà máy gạch (Sài-gòn).

Ở Sài-gòn có những xưởng đóng xe lửa, xưởng đóng và chữa tàu-thủy, ở các tỉnh lớn có nhà máy nước và nhà máy điện.

BÀI THƯ MƯỜI HAI

AI-LAO : VỊ-TRÍ, THỦ-ĐÔ, SỰ LIÊN-LẠC VỀ CHÍNH-TRỊ VÀ KINH-TẾ VỚI VIỆT-NAM.

DÀN BÀI

- 1) **Vị-trí :** Ai-Lao ở phía tây nước Việt-Nam.
- 2) **Thành - phố :** Lu - ăng Pờ - ra - băng (thủ - đô)
Vạn-Tượng Sa-va-na-khet, Tha-ket.
- 3) **Liên-lạc với Việt-Nam.**
 - a) **Về chính-trị :**
trước kia liên-kết trong-khối Liên-hiệp Pháp.
Nay : đã công-nhận nền Cộng-hòa Việt-Nam, trao đổi đại sứ.
 - b) **Về kinh-tế :**
trước kia liên-kết về quan-thuế và tiền-tệ.
Nay : thương-tróc, thuế xuất tối thiểu.

BÀI GIẢNG

- 1) Ai-Lao ở về phía tây và to bằng 2/3 nước Việt-Nam.
Ai-Lao là một nước mà toàn-thể diện-tích đều là núi và cao-nguyên rộng.

Ai-Lao chia làm hai miền : Thượng-Lào và Hạ-Lào.

a) Thượng-Lào rộng từ biên giới Trung-Hoa đến Vạn-Tượng.

b) Hạ-Lào có nhiều cao-nguyên rộng chạy từ đông sang tây và từ bắc xuống nam.

Sông Cửu-Long chảy từ bắc xuống nam, dài 2000 cây số nhiều chỗ khúc khuỷu, quanh co vì chảy qua miền núi đá.

2) Ai-Lao là một nước quân-chủ lập-hiến. Vua Lào đóng đô ở Lu-ăng pờ-ra-băng. Giúp việc vua Lào có Chính-phủ gồm có Thủ-tướng và các bộ-trưởng. Dân chúng bầu ra quốc-hội.

Ai-Lao không-có thành-phố lớn. Ngoài Lu-ăng pờ-ra-băng (thủ-đô) và Vạn-Tượng ra, các thành-phố quan-trọng khác là : Tha-khet, Sa-va-na-khet.

a) Trước kia, Ai-Lao và Việt-Nam là hai nước liên-kết trong khối Liên-hiệp Pháp nhưng ngày nay, thì hai nước đã hoàn-toàn độc-lập. Chính-phủ Lào đã công-nhận nền Cộng-hòa Việt-Nam và đã cùng nước Việt-Nam, trao đổi, đại diện ngoại-giao.

b) Ai-Lao là một nước đồi núi nhiều hơn ruộng nên các nông-sản không có gì quan-trọng. Thóc, gạo không đủ cung-cấp cho dân chúng nên phải mua của Việt-Nam và Thái-Lan.

Nghề chăn-nuôi thì phát-đạt hơn.

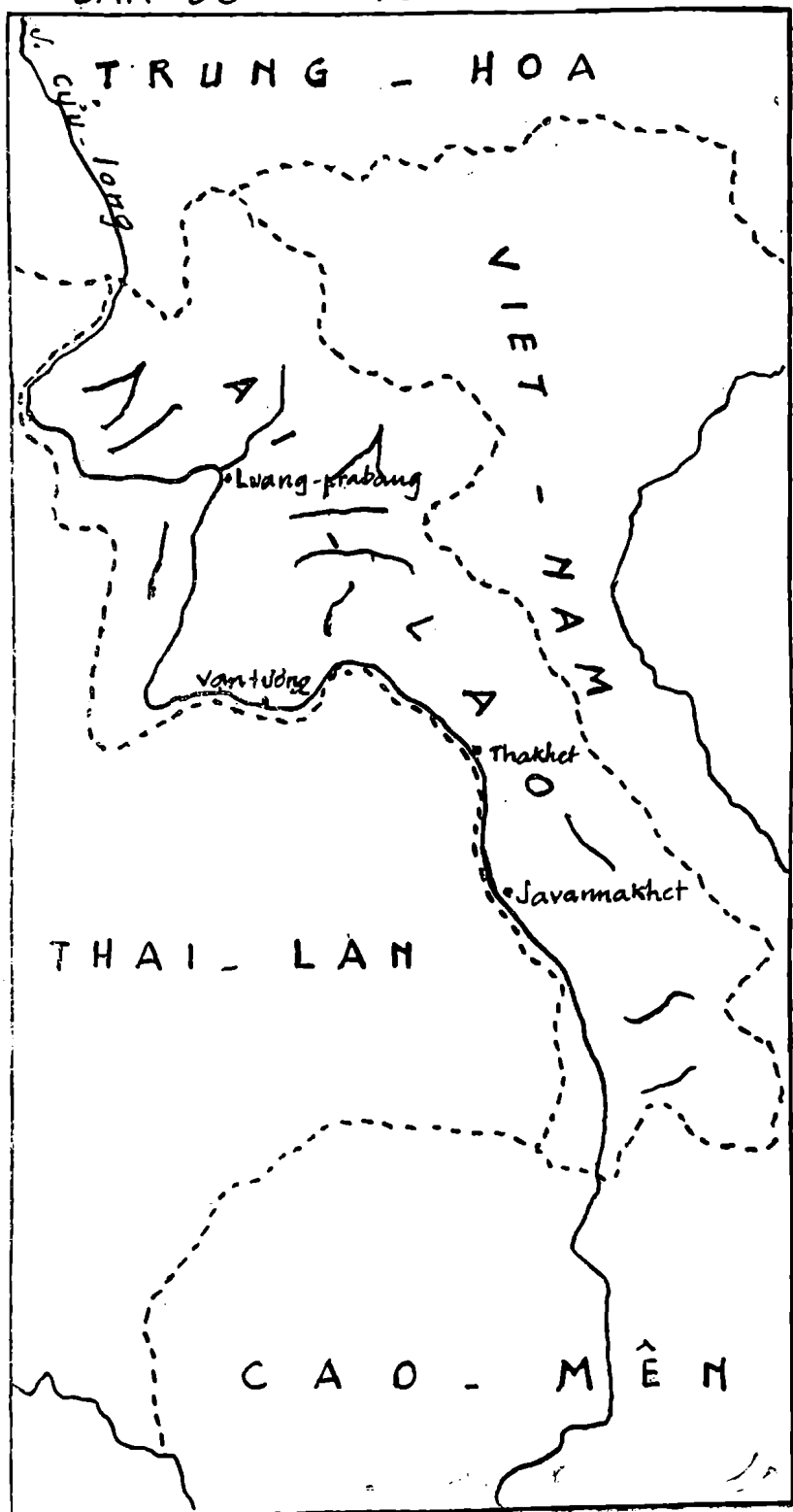
Rừng có nhiều lâm-sản. Các thứ gỗ quý như gỗ tếch, gỗ trắc và các thứ cánh-kiến thường bán ra các nước ngoài như Việt-Nam.

Về tiểu công-nghệ thì rất ít còn đại kỹ-nghệ thì chưa có gì.

Ai-lao mua của Việt-nam : vải, lụa, gạo, muối và các hàng do tiểu-công-nghệ chế tạo và bán cho Việt-nam trâu, bò, cau, cánh-kiến và gỗ tếch, gỗ trắc.

Ai-lao và Việt-nam trước kia đã liên kết với nhau về quan-thuế và tiền-tệ. Nhưng ngày này chỉ ký kết với nhau một thương ước, theo đó thì các hàng hóa của đôi bên đem bán cho nhau đều được hưởng thuế xuất tối thiểu.

BẢN ĐỒ AI-LAO



BÀI THỨ MUỖI BA

NƯỚC CAO-MÊN

(vị-trí, thủ-đô, sự liên lạc về chính-trị
và kinh-tế với Việt-Nam)

DÀN BÀI

- 1) Địa-lý thiên-nhiên.
- 2) Nhân-văn.
- 3) Kinh-tế.
- 4) Liên-lạc với Việt-Nam về kinh-tế và chính-trị.

1) Nước Cao-Mên ở phía Bắc Nam-Việt, trong miền Nam bán-đảo Hoa-Ấn. Diện-tích toàn-quốc bằng 3/5 Việt-Nam.

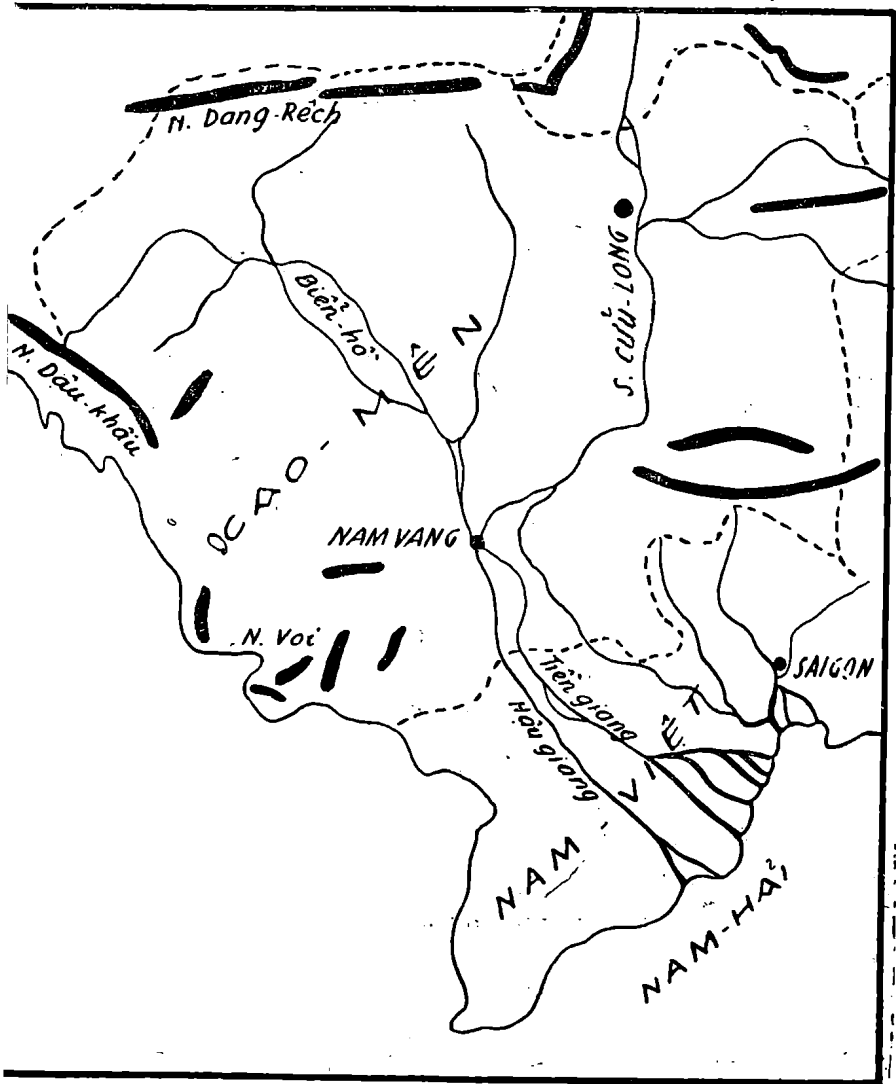
Ba bề, Bắc, Tây, Nam có núi bao quanh. Khoảng giữa là một bình-nguyên rộng nhưng trũng, thấp, có sông Cửu-Long chảy qua và thông với một hồ lớn (Biển-hồ) nằm chính giữa bình-nguyên. Về mùa nước lên, nước sông Cửu-Long chảy vào Biển-hồ, tràn-ngập những cánh đồng lán-cạn đem đất phù-sa làm cho đồng-ruộng thêm phì-nhiều ; cá-mù cũng theo dòng nước vào hồ kể có hàng ức, triệu con, làm giàu cho dân chài.

Từ Nam-Vang, thủ-đô Cao-Mên, sông Cửu-Long phân làm hai ngành : Tiền-giang và Hậu-giang chảy qua Nam-Việt ra biển Nam-Hải. Hàng-hóa xuất nhập biên cảnh Cao-Mên đều nhờ hai con đường thủy này và thương-khẩu Saigon. Cho nên sự thịnh-vượng của nền thương-mại Cao-Mên tuy thuộc một phần lớn nơi sự liên-kết với Việt-Nam.

Bờ biển Cao-Mên lởm-chổm những đá, tuy có nhiều vịnh nhưng kém kín-đảo lại quá nông nên không thể thiết-lập hải-cảng được.

2) Dân-số Cao-Mên chỉ ngang dân-số hiện nay của châu-thành Saigon — Cholon (3 triệu) Dân-tộc chính là người Mên ước-độ 2 triệu rưỡi. Còn thì là dân-tộc thiểu-số và ngoại-kiểu. Dân-Mên tập-trung nhiều nhất ở miền bình-nguyên và ở tản mác dọc theo bờ biển. Họ theo đạo Phật. Họ thuộc dòng Cơ-me (Khmer) từ Ấn-Độ tới và đã có một trình-độ văn-minh khá cao trong một thời-kỳ, còn ghi lại đến ngày nay bởi di-tích Chùa Đế-Thiên — Đế-Thích ở phía Bắc Biển-hồ.

Bản đồ nước Cao-Mên



Hiện nay, Cao-Mên đã thoát-ly khỏi Liên-hiệp Pháp và là một quốc-gia độc-lập theo chính-thể quân-chủ có Nghị-viện tuy chưa có Hiến-pháp.

3) Dân Mên chuyên về nông-nghiệp bởi có đồng ruộng phi nhiêu. Tuy-nhiên vì thiếu nhân-công lại chưa biết áp-dụng-những phương-pháp tối-tân về nông-nghiệp nên năng-suất tương-đối rất kém so với các nước tiền tiến như Nhật-Bản, Đan-Mạch v.v... Ngoài cây lúa là cây chính, dân Mên còn trồng

ngò, đậu, bông, hồ-tiêu. Nhưng nguồn lợi chính của Cao-Mên vẫn phải kể là nghề đánh cá rất thịnh ở Biển-hồ và nghề chăn nuôi khá phát-đạt trên nhiều cánh đồng cỏ bao-la.

Ngoài ra, rừng Cao-Mên cũng có gỗ quý như trắc, gụ, cẩm-lai dùng đóng đồ rất tốt.

Nền công-nghệ và thương-mại có thể nói không được phát-đạt lắm và phần lớn do ngoại-kiều chi phối.

4) Cao-Mên bán cho Việt-Nam trâu, bò, ngựa, heo, cá và mua của Việt-Nam muối, vải, lụa, cùng các sản-phẩm kỹ-nghệ.

Cao-Mên ở kề-cận Việt-Nam, nhờ thương-khâu Saigon dễ xuất nhập cảng hàng-hóa. Cao-Mên lại cùng đứng trong hàng ngũ thế-giới tự-do, dễ chống Cộng với Việt-Nam. Cho nên sự liên-kết với Việt-Nam sẽ có lợi cho cả hai nước về phươg-diện kinh-tế cũng như về phươg-diện Chính-trị.

BÀI THỨ MUỖI BỐN

TRUNG-HOA QUỐC-GIA

Vị-trí, Thủ-đô, sự liên-lạc về

Chính-trị và Kinh-tế với Việt-Nam

DÀN BÀI

- 1) *Vị-trí.*
- 2) *Thủ-đô.*
- 3) *Sự liên-lạc về chính-trị và kinh-tế với Việt-Nam.*

BÀI GIẢNG

1) **VỊ-TRÍ** : Trung-Hoa ở về phía đông Châu-Á,

Bắc giáp Tây-Bá-Lợi-Á

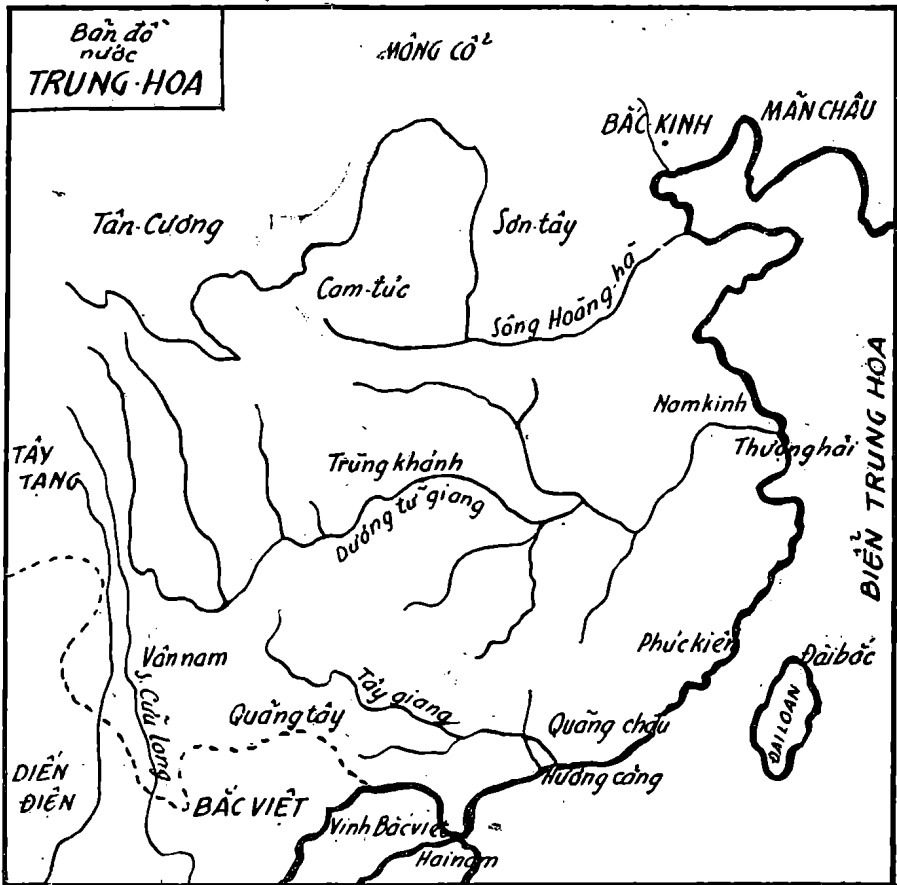
Đông giáp bể Đông-Hải

Nam giáp Diển-Điện, Bắc-Việt

Tây giáp Tân-cương-Nga.

Diện-tích đo được 10.000.000 (kể cả các thuộc quốc) Trung-Hoa gồm có Trung-Quốc và những thuộc quốc như Mãn-Châu, Mông-Cổ, Tân-Cương và Tây-Tạng. Trung-Quốc chia làm 3 miền là Hoa-Bắc, Hoa-Trung và Hoa-Nam,

Bản đồ nước Trung-Hoa



2) THỦ-ĐÔ : Sau khi Nhật đầu hàng Đồng-Minh (1945) đã xảy ra cuộc nội chiến đẫm máu và lâu dài giữa phe Cộng-sản và phe Quốc-dân-đảng. Cộng-sản do Mao-trạch-Đông cầm đầu còn phe Quốc-dân-đảng do Tưởng-giới-Thạch lãnh-đạo.

Sau khi Quốc-dân-đảng rời bỏ lục-địa, rút về Đài-Loan, đóng-đo tại Đài-Bắc rèn binh tuyển-tướng, đợi ngày tổng-phản-công để tái chiến lục-địa.

Trung-Cộng làm bá-chủ lục-địa, đóng-đo tại Bắc-Kinh, thực-hiện chế-độ Cộng-sản dã-man, tàn-bạo, lôi-kéo nhân-dân vào vòng đói-rét lầm-than.

3) SỰ LIÊN-LẠC VỀ CHÍNH-TRỊ VÀ KINH-TẾ VỚI VIỆT-NAM :

Về phương-diện chính-trị, Trung-Hoa quốc-gia có nhiều điểm giống Việt-Nam.

Xã-hội xây-dựng trên nguyên-tắc Bình-đẳng và lấy gia-đình làm gốc. Trong gia-đình, người cha là chủ.

Người Trung-Hoa theo nhiều tôn-giáo khác nhau : đạo Phật, đạo-Khổng, đạo-Lão, đạo-Thiên-Chúa.

Từ 90 đến 95% dân số sống thành làng ở thôn-quê.

Làng Trung-Hoa cũng giống làng Việt-Nam, thường cũng có lũy-tre hay tường đất bao-bọc chung-quanh, nhà cửa bằng gỗ hay có tường đất, mái lợp gianh.

Hiện nay nước Việt-Nam chỉ giao-thiệp với Trung-Hoa quốc-gia.

Hoa - Kiều sinh sống ở Việt-Nam rất đông, có tới 300.000 người.

Ở Nam-Việt, họ chia làm 2 loại : một loại sống rải rác trong tất-cả các tỉnh-ly, các làng-mạc Việt-Nam. Họ buôn-bán các thổ-sản và bán các hàng mà địa phương cần phải mua. Ngoài ra, họ còn làm nghề cho vay nặng lãi.

Một loại thứ 2 chỉ ở các thành-thị lớn. Không kể đến Chợ-Lớn, là một thành-phố Trung-Hoa (có tới 100.000 người) ở ngay trên đất Việt, còn ở các tỉnh khác đều có một phố Hoa-Kiều. Họ buôn-bán đủ các mặt hàng : xuất cảng có, nhập cảng có, buôn to có, buôn nhỏ có.

Nhất là ở Nam-Việt, đã có thời-kỳ họ làm bá-chủ nền thương-mại lớn. Bây-giờ họ còn chi-phối ngành buôn-bán gạo, hoa lợi căn-bản của Nam-Việt.

Hoa-Kiều lại được phép tự-do tậu nhà và ruộng. Cho nên ở Việt-Nam có nhiều đại điền-chủ Hoa-Kiều. Họ lại có nhiều nhà và đất ở Saigon và Chợ-lớn.

Họ tổ-chức thành các hàng Bang, đặt dưới quyền kiểm-soát của Chính-phủ Việt-Nam Cộng-hòa.

Vì có liên-lạc mật-thiết với ta về quyền-lợi, nên Hoa-Kiều đoàn-kết chặt-chẽ với dân ta trong việc chống Cộng, bài-phong, phản đế.

Về phương-diện thương-mại, nước ta xuất-cảng gạo sang Trung-Hoa quốc-gia và nhập-cảng của Trung-Hoa thuốc-bắc, lụa, đồ-sứ.

Phần lớn, các hàng-hóa ngoại-quốc nhập-cảng sang Việt-Nam đều qua Hương-Cảng.

BÀI THỨ MUỖI LĂM

PHI-LUẬT-TÂN

**Vị-trí, Thủ-đô, sự liên-lạc
về Chính-trị và Kinh-tế với Việt-Nam.**

DÀN BÀI

- 1) *Vị-trí*, : phía đông biên Nam-Hải.
- 2) *Thủ-đô* : Ma-Ni.
- 3) *Sự liên-lạc về chính-trị* : cùng đứng trong khối tự-do chống Cộng.
- 4) *Sự liên-lạc về kinh-tế* : các cuộc giao-thương giữa hai nước.

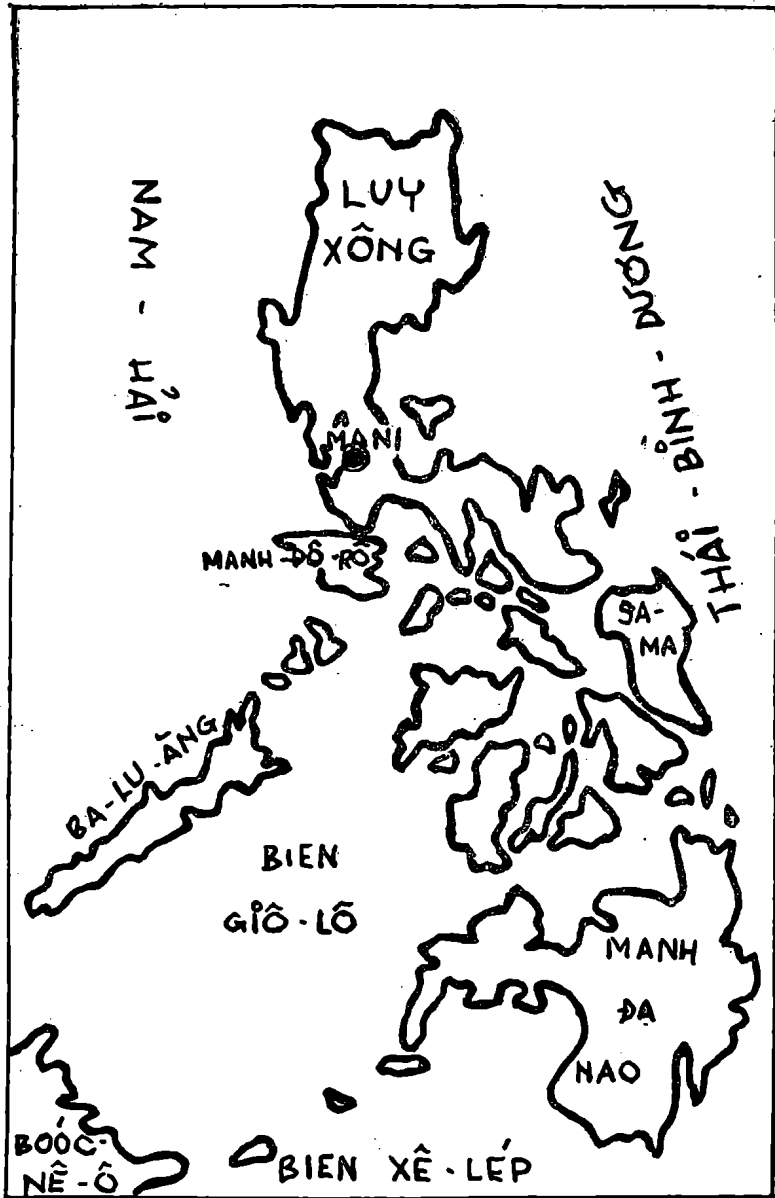
BÀI GIẢNG

1) **VỊ-TRÍ** : Phi-luật-Tân ở phía đông biên Nam.Hải, đối-diện với Việt-Nam, hơi nhỏ hơn Việt-Nam, đất đai gồm hai đảo lớn và hơn 7000 đảo nhỏ.

2) **THỦ-ĐÔ** : Thủ-đô nước Phi-luật-Tân là Ma-Ni, lập trên hòn đảo to nhất là Luy-Xông và ở ngay ven bờ biển nên là một hải-cảng rất thuận-tiện.

3) **SỰ LIÊN-LẠC VỀ CHÍNH-TRỊ VỚI VIỆT-NAM** : Hiện nay, Phi-luật-Tân là một nước Cộng-hòa Dân-chủ Độc-lập gồm 16 triệu dân-cư, đứng đầu là một vị Tổng-Thống.

Cùng đứng trong hàng ngũ các nước tự-do chống Cộng-sản như Việt-Nam, Phi là một trong tám nước đã ký-kết hiệp-



PHI-LUẬT-TÂN

ước phòng-thủ Đông-Nam-Á và là một vị-trí quân-sự quan-trọng trong khu-vực này.

Vì chung một nhiệm-vụ bảo-vệ tự-do và hòa-bình ở Đông-Nam-Á, nên giữa Phi-luật-Tân và nước ta có những liên-

lạc chính-trị rất mật-thiết Những mối bang-giao càng ngày càng được củng-cố.

Phi đã công-nhận Chính-phủ Cộng-Hòa Việt-Nam do Ngô-Tổng-Thống lãnh-đạo và đã đặt đại-sứ tại Saigon. Ta cũng đã thiết-lập tòa đại-sứ Việt-Nam tại Ma-Ni.

Tại hội-ng nghị Á-Phi họp ở Băng-dung (Nam-Dương) năm 1955, Việt-Nam và Phi-luật-Tân đã đồng quan-diêm lột trần âm-mưu xâm-nhập của Trung-Cộng vào các nước Đông-Nam-Á.

Đơn xin gia-nhập của Cộng-Hòa Việt-Nam vào Liên-hiệp-quốc lần nào cũng được Phi-luật-Tân ủng-hộ.

4) SỰ LIÊN-LẠC VỀ KINH-TẾ VỚI VIỆT-NAM : Ngoài những mối liên-quan về chính-trị, giữa nước ta và Phi-luật-Tân còn có những liên-lạc về giao-thông, thương-mại. Một đường vô-tuyến điện-thoại nối liền Sài-gòn và Ma-Ni đã được hoàn-thành. Những đường hàng-không và hàng-hải đã được thiết-lập giữa hai nước và sẽ còn được mở mang thêm.

Phi còn viện-trợ về kinh-tế và kỹ-thuật cho nước ta. Ta và Phi cùng là hội-viện Thanh-thương-hội.

Hiện nay, Phi mua của ta gạo và bán cho ta thuốc lá, đường, gai.

Tình hữu-nghị Việt, Phi

Tình hữu-nghị và tinh-thần tương-trợ giữa ta và Phi mỗi ngày một thêm bền chặt. Một phái-đoàn y-tế Phi đã được cử sang nước ta tham-gia Chiến-dịch bác-ái cứu giúp dân di-cư tị-nạn. Năm 1955, dân chúng Phi bị nạn bão, Chính-phủ ta đã gửi một số gạo sang cứu-trợ.

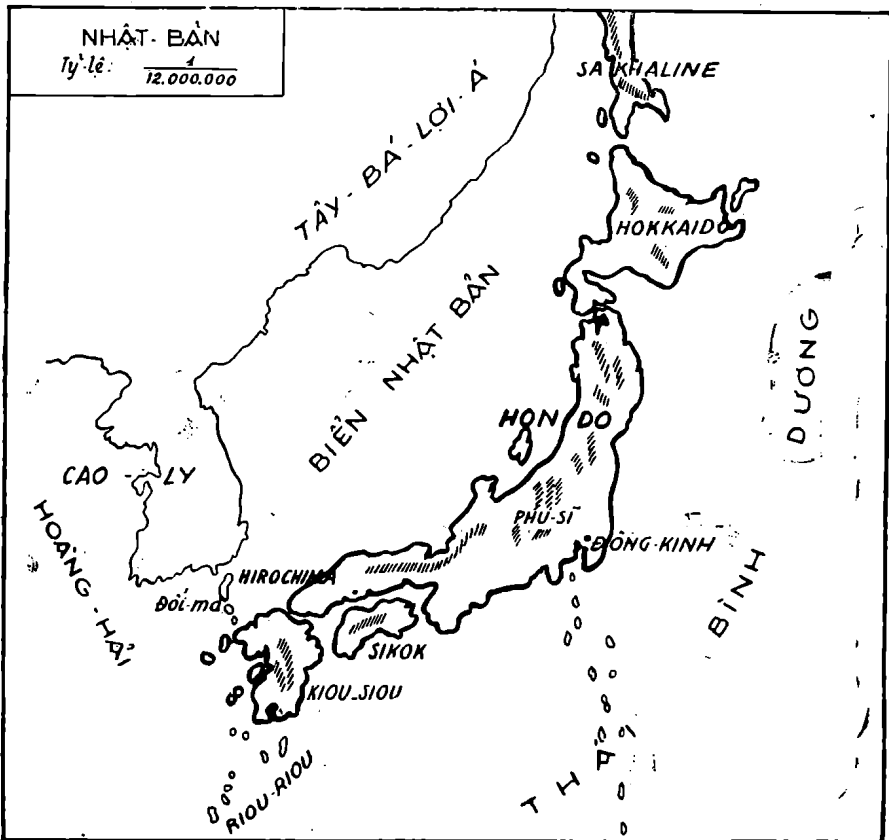
BÀI THỨ MUỖI SÁU

NHẬT-BẢN

**Vị-trí, Kinh-đô, Sự liên-lạc về
kinh-tế, với Việt-Nam**

1) VỊ-TRÍ : Nước Nhật-Bản là một quần-đảo ở phía đông Châu-Á. Với diện-tích 382.000 km², nước Nhật hơi rộng hơn

Bản đồ nước Nhật-Bản



nước Việt-Nam. Quần-đảo Nhật gồm nhiều đảo nằm thành hình cánh cung trên Thái-bình-Dương, song hành với bờ biển nước Cao-Ly và miền Tây-Bá-Lợi-Á. Đi từ Sài-gòn sang Nhật-Bản ta dùng đường thủy hay đường Hàng-không qua Hồng-Kông.

2) THỦ-ĐÔ : Thủ-đô của Nhật-Bản là Đông-Kinh. Thành-phố này lớn nhất Viễn-Đông. Với dân số 6 triệu người, với những lâu-đài lộng-lẫy hay cổ-kinh, những phong-cảnh tuyệt-đẹp, Đông-Kinh đáng kiêu-hãnh sánh hàng cùng những thủ-đô lớn nhất trên hoàn-cầu.

3) SỰ LIÊN-LẠC VỀ KINH-TẾ VỚI VIỆT-NAM : Nhật-Bản là một cường-quốc độc-nhất ở Á-Châu có nền kinh-tế có thể sánh với nền kinh-tế của các nước Âu-Mỹ. Nhật-Bản vì vậy

có khả-năng thay thế các nước đó cung-cấp đủ cho các nước Á-Đông những sản-phẩm cần-thiết. Thêm vào đó, vị-trí địa-dư của hai nước, và sự tương đồng về đời sống hàng ngày giữa hai dân-tộc, một mối liên-lạc mật-thiết về kinh-tế giữa Việt-Nam và Nhật-Bản gần đây được phát huy một cách mạnh-mẽ.

1) TRÊN ĐỊA-HẠT CANH-NÔNG : Nước Nhật đất hẹp, nhưng dân đông và cần-cù nhần-nại, nên sự thu-hoạch về nghề nông rất cao và có thể tạm tự-túc được. Tuy vậy, hàng năm Nhật vẫn phải nhập-cảng gạo của các nước lân-cận. Nước ta bị chiến-tranh tàn-phá, ruộng đồng bỏ hoang, số gạo sản-xuất không thừa nhiều, nên hiện giờ ta chưa đủ phương-tiện nối lại sự giao-thương với Nhật trên thị-trường Ngũ-cốc. Nhưng gần đây, Chính-phủ do Ngô Tổng-Thống lãnh-đạo, tích-cực thi-hành công-cuộc cải-cách điền-địa, dùng máy-móc phá đất hoang, lấy nhân-công lánh nạn Cộng-sản tăng-gia sản-xuất; nước Việt-Nam tự-do, chắc-chắn, chỉ trong một thời-gian ngắn sẽ trở thành vựa thóc lớn, có đủ khả-năng cung-cấp gạo cho các nước bạn láng-giềng như Nhật-Bản và Phi-luật-Tân.

RỪNG : Nước Nhật có nhiều rừng, và khai-khẩn rừng một cách rất khoa-học. Số gỗ được cung-cấp khá đầy-đủ cho kỹ-nghệ làm giấy. Giấy sản-xuất một phần lớn bán cho Việt-Nam nhất là từ ngày sự giao-thương giữa Pháp và Việt bị ngừng-chệ. Ở đây ta có một vài thắc-mắc. Tại sao ta cũng lắm rừng mà không sản-xuất nổi bột giấy để phải lâm vào cảnh « Gánh vàng đi đổ sông Ngô ». Điều đó rất dễ hiểu. Người Pháp thiết-lập nền đô-hộ ở đây, ngoài miệng thì huyênh-hoang đem văn-minh reo-rắc cho dân bản-xứ, nhưng tự chung chỉ có một mục-phiêu là bòn rút tài nguyên của-ta để làm giàu cho họ. Người Pháp ở bên Chính-quốc cũng sản-xuất nhiều giấy, họ cầu thị-trường, họ không cạnh-tranh nổi với các cường-quốc khác, họ bắt các thuộc-địa tiêu-thụ sản-phẩm của họ. Kỹ-nghệ làm giấy của ta vì vậy không khuếch-trương được.

2) TRÊN ĐỊA HẠT NGƯ NGHIỆP : Nước Nhật có tới 1.500.000 dân chài. Số cá hàng năm sản-xuất lên tới 4.500.000 tấn, gần gấp đôi số cá của Mỹ. Sau hồi chiến-tranh, Nhật mất nhiều cứ điểm đánh cá, ngư-nghiep sút kém, nhưng dân chài Phù-tang vẫn nổi tiếng là lanh-lợi. Gần đây, nước Mỹ có trợ giúp ta nhiều tàu đánh cá, nhưng vì người mình không quen đánh cá ngoài biển cả, nên Chính-phủ có mời một số dân chài

Nhật-Bản sang giúp ta về kỹ-thuật, Chắc-chắn, với sự cần-cù, và trí thông-minh sẵn có, người chài lưới Việt-Nam sẽ chấn-hưng nghề-nghiệp của mình sau này.

3) TRÊN ĐỊA-HẠT KỸ-NGHỆ TÂN-TIẾN: Nước Nhật từ năm 1930 hết sức khuếch-trương kỹ-nghệ. Gần đây, nhờ Mỹ giúp sức về phần xuất-vốn và kỹ-thuật, kỹ-nghệ của Nhật lại càng bành-trướng.

Người Nhật sản-xuất nhiều nhất là vải và tơ nhân tạo. Với đặc điểm rẻ tiền, sản-phẩm này tràn ngập các thị-trường Á-Đông, nhất là ở Việt-Nam. Kỹ-nghệ nặng từ ngày chiến-tranh Nam, Bắc Cao phát động, được khuếch-trương trở lại. Những khí-giới, đạn-dược, tàu-chiến của ta dùng ngày nay một phần lớn do Nhật cung-cấp qua Cơ-quan Viện-trợ Quân-sự Hoa-Kỳ.

KẾT-LUẬN.— Nói tóm lại, hiện-tình, chính-trị giữa Pháp và Việt-Nam, đã thắt-chặt giây liên-lạc về kinh-tế của ta với Nhật-Bản.

Người Pháp đã áp bức ta, không cho ta khuếch-trương kỹ-nghệ để giải-quyết nạn đói kém, và sự phụ-thuộc vào ngoại-quốc về những sản-phẩm cần-thiết cho đời sống hàng ngày của dân-tộc. Trái lại, họ còn đem đổ vào thị-trường ta những sản-phẩm vô dụng để làm tê-liệt nền kinh-tế nước nhà. Bây giờ Chế-độ Thực-dân đã cáo chung. Nước Cộng-Hòa Việt-Nam dưới sự lãnh-đạo của Ngô Tổng-Thống, sẽ vươn mình chỗi giậy, noi gương nước Nhật cố-gắng khuếch-trương kỹ-nghệ để đạt những mục-phiêu sau đây :

- a) Nâng cao đời sống nhân-dân.
- b) Kiến tạo một nền kinh-tế độc-lập.

BÀI THỨ MƯỜI BẢY

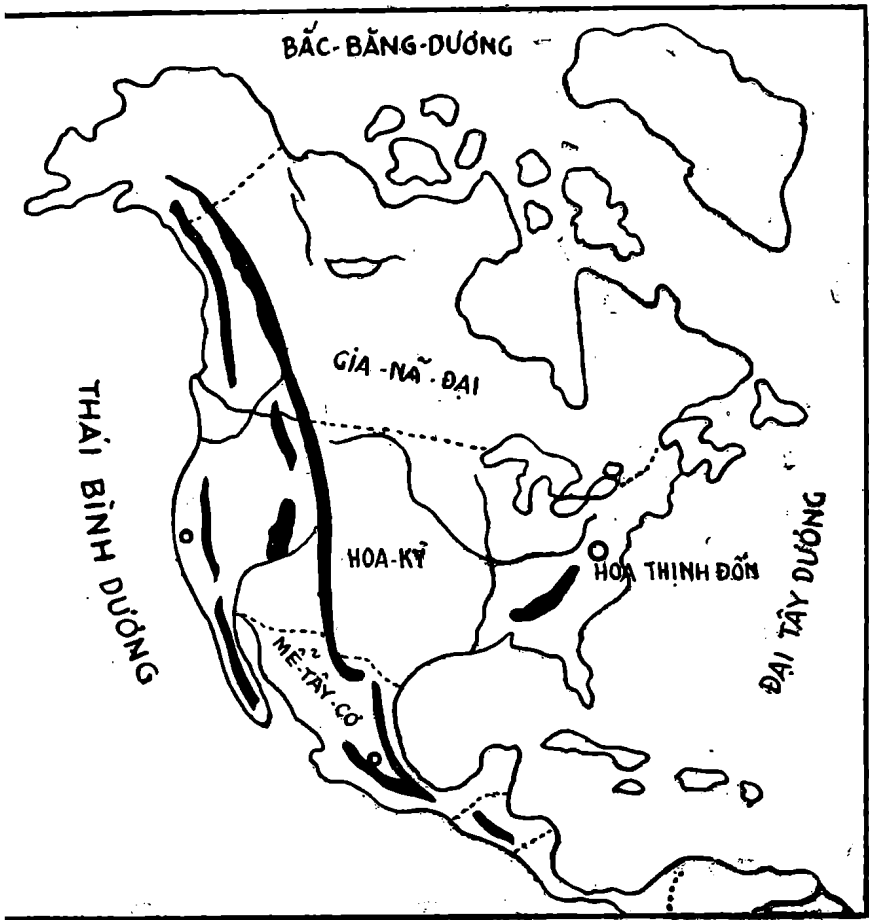
HOA-KỲ

Sự liên-hệ về vị-trí, thủ-đô, chính-trị
và kinh-tế với Việt-Nam.

DÀN BÀI

- 1) Hoa-Kỳ, sự liên-hệ về vị-trí với Việt-Nam.
- 2) Sự liên-hệ về chính-trị và kinh-tế với Việt-Nam.

Bản đồ nước Hoa-Kỳ



BÀI GIẢNG

1) HOA-KỲ, SỰ LIÊN-HỆ VỀ VỊ-TRÍ VỚI VIỆT-NAM:
Hoa-Kỳ hay Mỹ-quốc, hay Hợp-chủng-quốc ở Bắc-Mỹ, cách Việt-Nam bởi Thái-bình-Dương Hoa-Kỳ rộng 7.840.000 cây số vuông bằng 24 lần nước Việt-Nam có độ 150 triệu dân, gấp 7 lần dân số Việt-Nam.

Đi tàu bay từ Saigon sang Hoa-thịnh-đốn, thủ-đô Hoa-Kỳ, người ta thường theo đường phía Tây, qua Ka-ra-chi, Báy-rút, Ba-Lê rồi vượt qua Đại-tây-Dương, lâu chừng 55 giờ. Tàu thủy đi Hoa-Kỳ cũng thường theo lối phía Tây, vì đi lối này tàu cất được nhiều hàng hóa và chở được nhiều khách.

Tàu hay và tàu thủy đi từ Sài-gòn sang Hoa-Kỳ ít khi theo đường phía đông qua Thái-bình-Dương, ghé vào Nhật-Bản và quần-đảo Hạ-uy-di.

2) SỰ LIÊN-HỆ VỀ CHÍNH-TRỊ VÀ KINH-TẾ VỚI VIỆT-NAM : Hoa-Kỳ theo chính-thể Dân-chủ Cộng-hòa và dẫn đầu khối các nước dân-chủ tự-do đề chống với khối Cộng-sản.

Theo chương-trình Mác-san, Hoa-Kỳ viện-trợ về quân-sự và kinh-tế cho nhiều nước trên thế-giới trong đó có Việt-Nam. Cuộc viện-trợ này có mục-dịch giúp cho các nước củng-cố nền độc-lập và nâng-cao mức sống của dân.

Hiện nay Chính - phủ Cộng - hòa Việt - Nam đang được Hoa - Kỳ nhiệt - liệt ủng - hộ đề thi - hành mọi công - cuộc cải - tạo xã - hội và chống Cộng - sản, Hoa - Kỳ đã công-nhận Chính-phủ do Ngô Tổng-Thống lãnh-đạo. Để thắt-chặt mối bang-giao giữa hai nước, một tòa Đại-sứ Việt-Nam được thiết-lập ở Hoa-thịnh-đốn cũng như một tòa Đại-sứ Mỹ đã được thiết-lập ở Saigon.

Sự buôn-bán giữa Hoa-Kỳ và Việt-Nam khá phát-đạt. Năm 1953, Việt-Nam mua của Hoa-Kỳ 47.200 tấn hàng trị giá 500 triệu bạc và bán cho Hoa-Kỳ 35.400 tấn hàng trị giá 513 triệu bạc.

Việt-Nam nhập-cảng của Hoa-Kỳ nhiều thứ hàng-hóa : các thực-phẩm (như rau, đậu, trái cây, thịt, cá, đường...), thuốc lá, các vật-liệu xây nhà, nhựa đường, dầu hỏa, dầu xăng, các sản-phẩm hóa-học, các phân bón, các nguyên liệu dệt vải lụa, các thứ vải, các đồ sắt, các máy-móc v.v... Nội trong các hàng nhập-cảng nói trên thì kể về giá tiền: nhiều nhất là nguyên liệu dệt (81 triệu bạc) rồi đến thuốc lá (67 triệu bạc) dầu hỏa dầu xăng (35 triệu).

Việt-Nam xuất-cảng sang Hoa-Kỳ ít thứ hàng-hóa. Hai thứ hàng bán được nhiều tiền nhất là cao-su (500 triệu đồng) và các quặng mỏ (13 triệu đồng). Nhưng ta nhận thấy rằng những đồn-diễn cao-su và mỏ phần nhiều do những công-ty ngoại-quốc khai thác,

BÀI THỨ MUỜI TÁM

NƯỚC PHÁP

**Vị - trí, Kinh - độ, Sự liên - lạc về
kinh - tế với Việt - Nam.**

I) VỊ TRÍ. Nước Pháp ở phía tây Châu-Âu, thuộc miền Ôn đới diện tích được 550.000km², ở cách xa ta hàng muôn dặm, người Pháp sang ta phải đi 18 ngày tàu. Đi đường hàng-không thì chỉ cần vài ba ngày.

II) THỦ ĐÔ. Ba.lê là thủ đô của nước Pháp, là một thành phố lớn trên thế-giới.

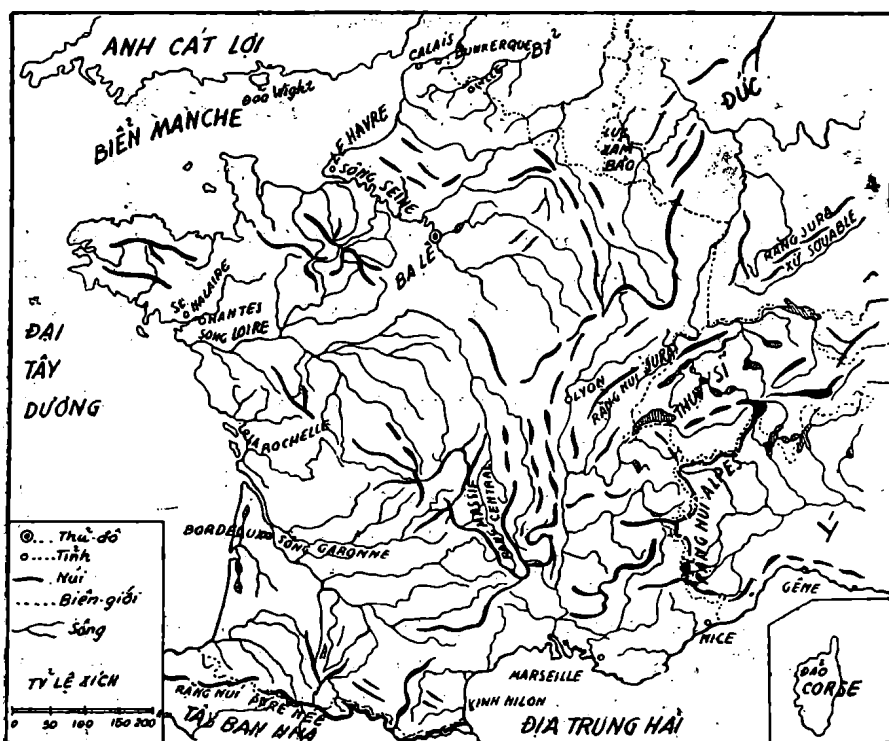
III) SỰ LIÊN LẠC : Về kinh tế với Việt-Nam. Nước Pháp đặt quyền đô-hộ lên đất nước Việt-Nam đã hơn 80 năm. Nền kinh-tế của ta từ đó lệ thuộc hẳn vào với Pháp.

1) CANH-NÔNG : Nông nghiệp của Pháp rất thịnh-vượng vì khí hậu ôn hòa, Nông sản chính của Pháp có lúa mì, khoai nho, hoa quả tươi. Sự trao đổi về nông sản giữa Pháp và Việt không lấy gì làm quan trọng cho lắm. Người Pháp bán cho ta rượu nho, khoai tây, và hoa quả tươi nhưng chỉ mua của ta số ít ngũ cốc dùng cho lừa ngựa ăn, hoặc bán lại cho các thuộc quốc.

2) KỸ NGHỆ : Kỹ nghệ của Pháp phát đạt những sản phẩm như vải, máy móc, xe cộ và xa xỉ phẩm đều được xuất cảng sang các thuộc địa, Việt-Nam từ trước tới giờ chỉ biết có hàng Pháp và cũng chỉ tiêu thụ có hàng Pháp dù những sản phẩm đó xấu tốt mặc lòng.

Người Pháp đặt hàng rào quan thuế để bảo vệ hàng hóa của họ khỏi bị cạnh tranh và đồng thời trở thành độc quyền cung cấp mọi sản phẩm kể cả những sản phẩm không cần thiết cho dân. Hơn thế nữa, người Pháp dùng đủ mọi biện pháp kiểm soát không cho nền kỹ nghệ bản xứ được phát huy hòng cạnh tranh với họ. Trái lại họ lại có quyền mua rẻ các sản phẩm của Việt-Nam với một giá được họ ấn định trước. Nền kinh tế của ta vì thế bị bóp nghẹt.

Bản đồ nước Pháp



KẾT LUẬN

Những quyền lợi quá đáng kể trên đã làm cho thực-dân Pháp tối mắt. Họ ích kỷ và quá tham lam. Họ cố tình bám lấy thuộc địa để trục lợi, dù phải hy sinh chính-nghĩa. Ngày nay ở các thuộc địa của Pháp nói chung và ở Việt-Nam tự-do nói riêng sự cố chấp ấy đã được giả vờ một giá quá cao. Người Pháp ngoan cố gắng sức ràng buộc nền kinh-tế của ta, họ đã đòi với Cộng-Sản đe dọa ta; nhưng Ngô-tổng-Thống cương quyết tạo cho chúng ta một nền kinh-tế độc-lập, không phụ thuộc một nước nào kể cả Pháp. Việt-Nam tự-do chỉ nhập-cảng những sản-phẩm tối cần vừa rẻ vừa tốt, bất luận ở một nước bạn nào tới. Hàng của Pháp không còn giữ quyền ưu tiên nữa là vì không cạnh tranh nổi với các cường quốc khác, Pháp rất có thể sẽ bị loại ra khỏi thị trường Việt-Nam.



MỤC - LỤC

VIỆT - SỬ

1) Nguồn gốc nước Việt-Nam, Dân Việt-Nam và cuộc Nam Tiến.	1
2) Bắc-thuộc thời-dại : Trưng-Vương, Bà Triệu Triệu-quang-Phục, Mai-hắc-Đế, Bô-cái-dại-Vương.	4
3) Phục-hưng thời-dại : Ngô-Quyền, Đinh-bộ-Lĩnh, Lê - đại - Hành.	7
4) Châu-chấu đá voi : Lý-thường-Kiệt.	10
5) Ba lần thắng quân Nguyên Hội-Nghị Diên-hồng, Trần-quốc-Tuấn, Phạm-ngũ-Lão, Trần-quốc-Toản, Trần-bình-Trọng.	12
6) Mười năm bình-định quân Minh : Lê-Lợi, Lê-Lai, Nguyễn-Trãi.	16
7) Cuộc Nam tiến dưới thời Lê-thánh-Tôn và các chúa Nguyễn.	18
8) Đại phá quân Thanh : Quang-Trung.	22
9) Sống chết với thành : Nguyễn-tri-Phương, Hoàng-Diệu	25
10) Vua Hàm-Nghi, Phan-đình-Phùng, Đàng-văn-Thân	27
11) Các cuộc khởi-nghĩa ở Nam-Việt : Trương-công- Định, Nguyễn-trung-Trực, Bùi-Điền v.v.	29
12) Các cuộc khởi-nghĩa ở Trung-Việt : Tống-duy-Tân, Nguyễn-Tân, Bùi-Điền.	31
13) Các cuộc khởi-nghĩa ở Bắc-Việt : Nguyễn- thiện-Thuật, Hoàng-hoa-Thám.	32
14) Phong-trào Duy-Tân.	36
15) Phong-trào giải-phóng dân-tộc ở Bắc, Trung, Nam về đầu thế kỷ thứ 20,	40
16) Phản-bội của Việt-Minh và tội ác của Việt-Cộng.	43
17) Ngô Tổng-Thống và nền Cộng-Hòa Việt-Nam.	46

ĐỊA LÝ

1) Dạy vẽ bản-đồ lớp học, trường học và làng xóm	52
2) Bản-đồ nước Việt-Nam (dạy vẽ vừa chỉ dẫn những điểm chính).	54
3) Nước Việt-Nam : vị-trí, giới-hạn, diện-tích.	55
4) Nước Việt-Nam : núi và đồng bằng.	57
5) Nước Việt-Nam : khí-hậu.	61
6) Nước Việt-Nam : sông ngòi.	64
7) Nước Việt-Nam : dân-cư các tỉnh.	66
8) Nước Việt-Nam : các thành-phố, các hải-cảng lớn, các vị - trí quan - trọng về quân - sự, chính-trị hay thương - mại.	70
9) Nước Việt-Nam : các sản-vật, nông-sản, lâm-sản, khoáng-sản.	73
10) Nước Việt-Nam : các đường giao-thông	76
11) Nước Việt-Nam : các công-nghệ.	79
12) Ai-Lao : vị-trí, thủ-đô, sự liên-lạc về chính-trị và kinh-tế với Việt-Nam.	81
13) Cao-Mên : vị-trí, thủ-đô, sự liên-lạc về chính-trị và kinh-tế với Việt-Nam.	84
14) Trung-Hoa Quốc-gia : vị-trí, thủ-đô, sự liên-lạc về chính-trị và kinh-tế với Việt-Nam.	6
15) Phi-luật-Tân : vị-trí, thủ-đô, sự liên-lạc về chính-trị và kinh-tế với Việt-Nam.	89
16) Nhật-Bản : vị-trí, thủ-đô, sự liên-lạc về chính-trị và kinh-tế với Việt-Nam...	91
17) Hoa-Kỳ : vị-trí, thủ-đô, sự liên-lạc về chính-trị và kinh-tế với Việt-Nam.	94
18) Pháp : vị-trí, thủ-đô, sự liên-lạc về chính-trị và kinh-tế với Việt-Nam.	97

LOẠI - SÁCH CỦA TỦ - SÁCH
BÌNH - DÂN GIÁO - DỤC

Quỹ đổi giá Viện - Trợ Kinh - tế Mỹ phát - hành

KHÔNG ĐƯỢC PHÉP BÁN

in lần thứ nhất 30.000 quyển

